



THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

TỈNH QUẢNG TRỊ



ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VÀO CUỘC SỐNG

KỶ NIỆM 131 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2021)

NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

6/2021



Ký kết Giao ước thi đua năm 2021. Ảnh: TL



Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn tặng Giấy khen cho các cá nhân đạt thành tích trong năm 2020. Ảnh: TL

06.2021

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VÀO CUỘC SỐNG
KỶ NIỆM 131 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2021)
NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Hiệu trưởng

BAN BIÊN TẬP TRƯỞNG BAN

ThS. Nguyễn Hữu Thánh

PHÓ TRƯỞNG BAN

TS. Dương Hương Sơn

ỦY VIÊN

ThS. Hoàng Tiến Dũng

ThS. Ngô Thị Thu Hà

ThS. Trần Hoàng

ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm

ThS. Nguyễn Quốc Thanh

THƯ KÝ

ThS. Trần Hữu Hoà

Ảnh bìa 1: Lãnh đạo tỉnh và cán bộ, viên chức và học viên Lào khoá X chụp ảnh lưu niệm tại buổi khai giảng.

Ảnh: Nguyễn Chung.

In 200 cuốn, khổ 19 x 26,5cm tại Công ty TNHH Song Lam. 47 Lê Thế Hiếu, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Giấy phép xuất bản số: 09/GP-STTTT do Sở TT&TT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/6/2021. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2021.

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Nguyễn Hữu Thánh

Trường Chính trị Lê Duẩn phần đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2021 03

Ngô Thị Thu Hà

Đảng uỷ Trường Chính trị Lê Duẩn lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2021 06

Dương Hương Sơn

Sử dụng phương pháp dạy học tích cực đối với Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị mới 10

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Trần Hoàng

Xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước 13

Hoàng Tiến Dũng

Cập nhật một số định hướng và giải pháp về xây dựng nông thôn mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào bài giảng 16

Nguyễn Thị Hồng Sâm

“Festival vì hoà bình” Xây dựng một lễ hội văn hoá riêng có của Quảng Trị 19

Nguyễn Sung

Nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp - từ lý luận và thực tiễn 29

Lê Thị Thu Huyền

Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế phù hợp với thực tiễn của đất nước 26

Trần Thiên Tú

Vai trò của việc nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nước ta trong giai đoạn hiện nay 21

Trần Đức Dương

Văn hoá trường Đảng với việc xây dựng trường chính trị chuẩn tại Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị 33

Trần Hữu Hoà

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền 40

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Cao Thị Hà	
Những nội dung cơ bản về giao kết hợp đồng lao động theo Bộ luật Lao động năm 2019	43
Trần Văn Toàn	
Quan điểm của V.I.Lênin về vai trò của công tác tư tưởng, lý luận và sự vận dụng của Đảng ta	46
Đinh Thị Thu Hoài	
Một số ảnh hưởng tích cực về triết lý trị quốc của Nho giáo với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	49
Nguyễn Thị Diệu Hằng	
Đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội	53
Nguyễn Hải Lý	
Hoạt động đối ngoại nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào tại Đồn Biên phòng Hướng Lập	56
Hoàng Thị Thu	
Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII	59
Hoàng Văn Cường	
Đấu tranh trên không gian mạng nhằm góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Trường Chính trị Lê Duẩn	62

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Nguyễn Quốc Thanh	
Hiệu quả hoạt động của xã Kim Thạch sau một năm sáp nhập	65
- Lê Thị Tường Anh	
Quảng Trị nỗ lực hiện đại hoá hành chính, đem lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp	68
- Nguyễn Thị Chính	
Cải cách hành chính tại tỉnh Quảng Trị - Vận dụng vào giảng dạy chuyên đề “Một số vấn đề về cải cách hành chính ở cơ sở”	72
- Nguyễn Thị Như Quỳnh	
Một vài kinh nghiệm về tổ chức thi vấn đáp ở Trường Chính trị Lê Duẩn	76
- Nguyễn Thị Mỹ Vân	
Đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi tỉnh Quảng Trị	78
- Dương Thị Châu Phụng	
Tổ chức đoàn cơ sở tỉnh Quảng Trị thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng	82
- Phạm Xuân Ngọc	
Một vài suy nghĩ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ ở Trường Chính trị Lê Duẩn hiện nay	86
- Lê Thị Thanh Nhạn	
Nữ công Trường Chính trị Lê Duẩn với việc thực hiện Chỉ thị 03/CT-TLĐ về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước đảm việc nhà”	88

TIN TỨC - SỰ KIỆN

- Đảng ủy Đảng uỷ Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	93
- Hội nghị viên chức tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021	93
- Hội nghị Tổng kết công tác Xây dựng Đảng năm 2020 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2021	94
- Chi đoàn Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Tọa đàm Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	94
- Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Quảng Trị tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của các Bộ, Ngành, Đoàn thể Trung ương lần thứ VII khu vực phía Bắc	95
- Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức Tọa đàm khoa học: “Quán triệt quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào giảng dạy ở Trường Chính trị Lê Duẩn”	96

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021

ThS. Nguyễn Hữu Thánh
Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng



Đoàn cán bộ chủ chốt Trường Chính trị Lê Duẩn viếng Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn. Ảnh: TL.

Năm 2021 với nhiều sự kiện quan trọng, nhiều ngày niệm như: Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911- 05/6/2021); kỷ niệm 80 năm Ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/01/1941 - 28/01/2021) và kỷ niệm 60 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh trên biển (23/10/1961 - 23/10/2021).

Kỷ niệm các sự kiện lịch sử quan trọng và ngày kỷ niệm khác như, kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh (26/3/1931-26/3/2021); Kỷ niệm 75 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của Quốc hội Việt Nam (06/01/1946 - 06/01/2021) và tập trung tuyên truyền cho bầu cử Quốc hội khoá XV (23/5/2021)... Đặc biệt, đây là năm đầu tiên tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm góp phần tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận xã hội để triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua

thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Hưởng ứng phong trào thi đua năm 2021 do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phát động với chủ đề: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Gương mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả”, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn tập trung chỉ đạo nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học theo hướng dẫn của Học viện và chỉ tiêu do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị giao đối với Nhà trường.

Để thực hiện đúng tiến độ, đồng bộ, bao quát hết nhiệm vụ, ngay từ đầu năm Đảng uỷ, Ban Giám hiệu chỉ đạo các khoa, phòng, các bộ phận chức năng xây dựng kế hoạch nhằm xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ và có các giải pháp, biện pháp cụ thể trong đó có dự báo và lường trước các sự cố, tình huống như dịch bệnh, bão lũ... nhằm chủ động trong điều phối chương trình và tiến độ của năm học. Đồng thời, kế hoạch phải bám sát vào tình hình thực tế của địa phương và các kết quả đạt được, chưa đạt được của Nhà trường năm học trước, để xây dựng một cách chi tiết, có tính khả thi. Trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, các khoa, phòng, các bộ phận như kế toán, tổ chức, các đoàn thể trong trường có căn cứ để xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình và của từng cá nhân.

Phát huy kết quả đã đạt được trong năm học 2020, năm học 2021 Nhà trường phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đề nghị Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất. Đề phong trào thi đua thiết thực, ngay từ đầu năm học Nhà trường đã phối hợp với công đoàn, chi đoàn trường cho đăng ký việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”, lồng ghép có hiệu quả vào các hoạt động của Nhà trường một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp. Qua hoạt động nhằm rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong mẫu mực,

lối sống lành mạnh, thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí tạo sự lan toả trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên của Nhà trường.

Thực hiện tốt việc “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; kịp thời biểu dương, tuyên truyền việc làm tốt, những tấm gương nhà giáo tiêu biểu trong nhà trường; triển khai bộ quy tắc ứng xử; xây dựng môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh, ứng xử thân thiện giữa các thành viên trong nhà trường, giữ gìn đạo đức nhà giáo để cùng xây dựng một ngôi trường hạnh phúc.

Đặc biệt, năm học 2021 thực hiện Quyết định số 292/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở (hệ Trung cấp lý luận chính trị) kèm theo Hướng dẫn số 101/HD-HVCTQG ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị Lê Duẩn tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, triển khai thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn số 101/HD-HVCTQG của Học viện về thực hiện chương trình mới với nguyên tắc áp dụng văn bản chứ không vận dụng. Trên cơ sở Hướng dẫn, Ban Giám hiệu có trách nhiệm quán triệt về quan điểm, nguyên tắc, nội dung, yêu cầu nhằm thực hiện đúng quy định của Học viện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc phải báo cáo kịp thời với Học viện để xin ý kiến chỉ đạo nhằm góp phần bảo đảm tính thống nhất, hệ thống trong toàn ngành.

Thứ hai, tập trung chỉ đạo sát các hoạt động giảng dạy, quán triệt giảng viên cập nhật các nghị quyết như: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng CSVN vào công tác giảng dạy, nghiên cứu. Chú trọng nâng cao chất lượng tuyên truyền, quán triệt

Nghị quyết số 35-NQ/TW trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ ba, tham gia một cách tích cực, trách nhiệm và đạt kết quả cao trong Hội thi Giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 4 năm 2021. Kết quả, hai giảng viên tham gia Hội thi được công nhận giảng viên dạy giỏi cấp Học viện, trong đó có một giảng viên đạt xuất sắc được Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tặng bằng khen.

Thứ tư, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng và hoàn thiện “Đề án phát triển tổng thể Trường Chính trị Lê Duẩn đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045” trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phê duyệt (dự kiến trong Quý 3 năm 2021) và phân đầu đến năm 2025 Trường Chính trị Lê Duẩn đạt trường chính trị chuẩn.

Thứ năm, tạo nguồn cán bộ, nhất là giảng viên để có lực lượng thay thế một số giảng viên nghỉ hưu theo chế độ nhằm đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy trong mấy năm tiếp theo. Hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý, lãnh đạo cấp khoa, phòng nhiệm kỳ 2020-2025.

Thứ sáu, chủ động làm việc với các cơ quan chức năng về sửa chữa dây nhà hành chính đã xuống cấp; trang bị một số trang thiết bị phục vụ công tác như ô tô công vụ, ô tô chuyên dụng. Lắp đặt hệ thống camera an ninh trong khuôn viên trường, camera ở các giảng đường để tăng cường quản lý dạy và học. Hoàn thành đúng tiến độ để đưa vào sử dụng phòng trực tuyến theo yêu cầu của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thứ bảy, phối hợp với các cơ quan chức năng để mở rộng loại hình lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ngoài các lớp đã thực hiện như hiện nay, đó là chuẩn bị bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu hội đồng nhân dân; các lớp cập nhật kiến thức cho Bí thư, Phó Bí thư và cấp uỷ viên cấp xã sau đại hội. Hoàn thành chương trình và cấp bằng tốt nghiệp cho học

viên bạn Lào khoá X, chuẩn bị cho khoá XI tiếp theo.

Thứ tám, tổ chức tốt hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên, học viên trên tinh thần đa dạng hoá về cách thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu thực tế. Tập trung hoàn thành và nghiệm thu đạt kết quả cao hai đề tài cấp cơ sở; đăng ký đề tài cấp tỉnh. Xuất bản hai số Thông tin lý luận và thực tiễn với ít nhất 50 bài viết có chất lượng/2 số. Hàng tháng, Ban Biên tập trang Web của Nhà trường rà soát chất lượng, số lượng bài viết, tin, ảnh, và số người tham gia để làm cho trang Web ngày càng sống động với chất lượng cao hơn. Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia viết bài và đăng ở các tạp chí, báo, sách của Trung ương và địa phương. Các khoa, phòng tiếp tục thực hiện có chất lượng và hiệu quả các buổi toạ đàm khoa học, hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường theo từng chủ đề, cần quan tâm. Tham gia tích cực và có “thương hiệu của cán bộ trường Đảng” vào các hoạt động của tỉnh, các hội thi, hội thảo, toạ đàm do tỉnh chủ trì hoặc các cơ quan chuyên môn khác chủ trì.

Thứ chín, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và quản trị trường học. Rà soát, bổ sung, sửa đổi, huỷ bỏ một số văn bản, quy định không còn phù hợp. Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, chủ nhiệm lớp thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như hệ thống camera giảng đường để tăng cường bảo đảm nền nếp, kỷ luật, kỷ cương trường học. Lãnh đạo trường phải làm gương trong mọi hoạt động nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học.

Với truyền thống 76 năm xây dựng và trưởng thành (1945-2021) của ngôi trường cách mạng vinh dự được mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến cùng với sự đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm của mỗi cán bộ, giảng viên tin tưởng rằng năm học 2021 sẽ đạt kết quả như mong muốn./.

ĐẢNG ỦY TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ NĂM 2021

ThS. Ngô Thị Thu Hà
Phó Hiệu trưởng

Đảng ủy Trường Chính trị Lê Duẩn quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện để hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2021: Nghiên cứu, quán triệt, học tập, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII vào giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; đầu tư nghiên cứu khoa học gắn với tổng kết thực tiễn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.



Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Ảnh: TL.

Năm 2020, từ sự định hướng đúng đắn của Đảng ủy, quyết tâm của Ban Giám hiệu và tinh thần đoàn kết của cán bộ đảng viên, vượt lên tất cả những khó khăn, Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, Đảng ủy tập trung lãnh đạo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, phù hợp với tình hình của tỉnh cũng như các nguồn lực

của Trường. Từ sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã điều hành linh hoạt trong thực hiện kế hoạch, chủ động, sáng tạo trong tạo nguồn mở lớp. Chính vì vậy, Nhà trường đã mở được 31/13 lớp vượt 238% kế hoạch với nhiều loại hình khác nhau, như đào tạo tập trung dành cho cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc ít người theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đào tạo không tập trung đối với cán bộ các sở, ban,

ngành và nhiều loại hình bồi dưỡng khác.

Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại của hai Đảng và hai Nhà nước, Trường Chính trị Lê Duẩn đã thực hiện nhiệm vụ đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính đối với cán bộ hai tỉnh Salavan và Savanakhét nước bạn Lào. Do đại dịch Covid - 19, nên học viên Lào khóa 10 khi nhập cảnh vào Việt Nam phải hoàn thành cách ly tập trung theo quy định, sau khi học viên đã hoàn thành phần học Tiếng Việt do Trường Cao đẳng Sư phạm đảm nhận, hiện đang học chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính.

Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị góp phần giúp cán bộ, đảng viên nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ vững bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, giúp người học đổi mới tư duy và hành động trong công tác phù hợp với quy luật khách quan. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đã phát huy năng lực, trách nhiệm, gắn bó với Nhân dân, có ý chí vươn lên, quyết tâm thực hiện mục tiêu các nghị quyết của Đảng.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Đảng ủy luôn quan tâm chỉ đạo hoạt động thao giảng, dự giờ. Thông qua hoạt động thao giảng, dự giờ, đội ngũ giảng viên Nhà trường nêu cao được tinh thần trách nhiệm, trình độ và năng lực chuyên môn, phong cách sư phạm. Nhà trường đã tổ chức tốt “*Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường năm 2020*” kết quả 5/5 giảng viên được công nhận giảng viên dạy giỏi cấp trường, lựa chọn được 02 giảng viên có kết quả cao nhất tham gia “*Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp Học viện lần thứ VII*” vào tháng 4 năm 2021. Kết quả, 02 giảng viên được Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh công nhận là giảng viên dạy giỏi, trong đó, có 01 giảng viên đạt xuất sắc được tặng bằng khen.

Song song với công tác giảng dạy, Đảng

ủy đã lãnh đạo Nhà trường chú trọng công tác nghiên cứu khoa học. Với nhiều hình thức nghiên cứu, khuyến khích giảng viên làm chủ nhiệm đề tài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu. Trong năm, đã có 4 đề tài khoa học cấp cơ sở được Hội đồng khoa học nhà trường nghiệm thu, đánh giá đạt loại khá. Tổ chức nhiều tọa đàm khoa học với các chủ đề: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam” nhân Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2020); “*Kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Lần đầu tiên, Khoa Lý luận cơ sở tổ chức tọa đàm khoa học “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”. Đây là hướng đi mới nhằm đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học đối với đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và vị thế, uy tín của Nhà trường.

Với phương châm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, Đảng ủy đã lãnh đạo Ban Giám hiệu thực hiện tốt việc xây dựng đề án trường chính trị chuẩn. Trong đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn. Với nhiều cách thức khác nhau về tuyển dụng và bồi dưỡng. Tính đến thời điểm này, Trường Chính trị Lê Duẩn đã xây dựng được đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và nâng cao dần về chất lượng, cụ thể: Có 26 giảng viên trong đó có 01 tiến sĩ, 21 thạc sĩ, 01 đang nghiên cứu sinh, 01 đang học cao học. Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu ở các khoa, có giảng viên kiêm chức và thỉnh giảng ở các sở, ban, ngành trong tỉnh. Như vậy, đội ngũ giảng viên nhà trường đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ mà Thường vụ Tỉnh ủy giao.

Nét nổi bật trong phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ủy trong năm 2020 là đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội Đảng cấp cơ sở. Xác định

công tác Đại hội các chi bộ trực thuộc, nhiệm kỳ 2020-2022 và Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 là nhiệm vụ trọng tâm nên ngay từ đầu năm, Đảng ủy đã chỉ đạo các chi bộ trực thuộc quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị “*về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”. Đảng ủy đã chỉ đạo thực hiện các công tác để đại hội được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo quy định. Chính vì vậy, 3 chi bộ trực thuộc đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2020-2022 đạt kết quả cao tạo tiền đề để Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 thành công tốt đẹp. Sau đại hội, Đảng ủy đã ban hành nghị quyết, chương trình làm việc, quy chế làm việc toàn khóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Có thể khẳng định, đại hội chi bộ trực thuộc và đại hội Đảng bộ thành công là kết quả mà Đảng ủy đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và được thực hiện thường xuyên.

Đảng ủy lãnh đạo, tổ chức chặt chẽ việc nghiên cứu, học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh lần thứ II, nhiệm kỳ 2020-2025, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025. Đặc biệt, Đảng bộ đã chỉ đạo và tổ chức để toàn thể đảng viên theo dõi truyền hình trực tiếp Khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Ngày 26/01/2021).

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng ủy Trường Chính trị Lê Duẩn xác định công tác tư tưởng là khâu đột phá nhằm nắm bắt tinh hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của đảng viên, quần chúng để kịp thời có những giải pháp xử lý phù hợp trong thẩm quyền. Đảng ủy đã tổ chức tọa đàm khoa học “*Vấn đề tư tưởng và công tác tư tưởng ở Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn*” để toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên nắm vững nội dung của công tác tư tưởng, những vấn đề thực tiễn đặt ra ở Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn,

từ đó tìm ra nguyên nhân, đề ra giải pháp phù hợp để tạo sự đồng thuận, đoàn kết, thống nhất trong tư tưởng của toàn thể đảng viên, tạo động lực để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Đảng ủy đã quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ. Từ đó, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ nhận thức sâu sắc, giữ vững bản lĩnh chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động phòng ngừa, phê phán nhận thức lệch lạc, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

Từ những thành tích nổi bật trong năm 2020, Nhà trường đã được Hội đồng thi đua các ban Đảng đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ; 01 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, 01 đơn vị vinh dự được Thủ tướng tặng bằng khen; Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đây là tiền đề và động lực để Đảng bộ Nhà trường tiếp tục phát huy, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2021 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XI. Với quyết tâm chính trị, không ngừng nâng cao trách nhiệm, tiếp tục xây dựng Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đoàn kết, trong sạch, vững mạnh toàn diện, lãnh đạo nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xứng đáng với vị trí là trung tâm, đào tạo cán bộ của tỉnh. Đảng ủy tiếp tục lãnh đạo, thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, Đảng ủy tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đây là nhiệm vụ đồng thời là giải pháp cơ bản, đầu tiên nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị của mỗi đảng viên. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện bằng nhiều hình thức thích hợp, kịp thời để quán triệt đầy đủ và sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, Đảng ủy lãnh đạo, định hướng để

Ban Giám hiệu thực hiện kế hoạch mở lớp năm 2021 mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục mở nhiều loại hình lớp khác nhau: Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp phòng và nhiều loại hình khác phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Nhà trường. Tiếp tục đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính Lào khóa 10 nhằm góp phần xây dựng và vun đắp tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào.

Ba là, Đảng ủy lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Quảng Trị lần thứ XVII, đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng. Yêu cầu tất cả cán bộ, viên chức, nhất là đội ngũ giảng viên nghiên cứu những nội dung cơ bản, những vấn đề trọng tâm, những luận điểm mới và vận dụng vào từng môn học, từng bài giảng phù hợp. Từ đó, giúp học viên nhận thức đầy đủ sâu sắc hơn những nội dung mà nghị quyết đã nêu ra, đó là cơ sở để nâng cao niềm tin, giữ vững bản lĩnh chính trị của người học và vận dụng vào thực tiễn công tác của mình, sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Bốn là, để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà, Đảng ủy tiếp tục lãnh đạo xây dựng đề án trường chuẩn trong thời gian sớm nhất. Trong đó, chú trọng công tác cán bộ, quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo các khoa, phòng nhiệm kỳ 2021-2025. Mặt khác, đề xuất Tỉnh ủy tuyển dụng giảng viên để đào tạo, bồi dưỡng - đây là nguồn nhân lực thay thế những giảng viên sắp nghỉ hưu theo chế độ.

Năm là, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu đề tài khoa học và nghiên cứu thực tế cơ sở. Khuyến khích, động viên giảng viên nhất là giảng viên trẻ nghiên cứu đề tài khoa học cấp

cơ sở và viết bài đăng trên các tạp chí Trung ương và địa phương nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và làm giàu hơn vốn kiến thức thực tế của mỗi giảng viên.


Sáu là, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo yêu cầu của Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh. Từ đó, đánh giá lại những kết quả đã thực hiện được trong 5 năm qua và đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 thiết thực, phù hợp với nhà trường và đạt hiệu quả cao hơn.

Bảy là, thực hiện nghiêm túc hoạt động chào cờ định kỳ hàng tháng ở Nhà trường, ký cam kết của người đứng đầu với Tỉnh ủy về chức năng nhiệm vụ của đơn vị, gắn với đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo trong năm. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức lối sống. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong toàn thể cán bộ viên chức để xây dựng và phát triển Nhà trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường Chính trị Lê Duẩn, Đảng ủy luôn phát huy vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng để xây dựng Nhà trường ngày càng vững mạnh và phát triển. Năm 2021, có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn thách thức, nhưng với sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo điều hành của Ban Giám hiệu, Nhà trường sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao./.

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ MỚI

TS. Dương Hương Sơn
Phó Hiệu trưởng

 hương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở (hệ trung cấp lý luận chính trị) ban hành kèm theo Quyết định 292/QĐ-HVCTQG ngày 01/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có nhiều điểm mới, từ nội dung chương trình, bố cục phân chia các phần học, cho đến quan điểm mục tiêu đào tạo cũng như quy trình và phương pháp đào tạo. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đề cập, trao đổi một vài suy nghĩ về quy trình, phương pháp đào tạo được quy định tại Hướng dẫn 101-HD/HVCTQG (Hướng dẫn 101) ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2021 thực hiện chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở (hệ trung cấp lý luận chính trị).

Hướng dẫn 101 xác định rõ, về quy trình đào tạo: Trong mỗi buổi lên lớp hoặc trong một bài học, giảng viên lên lớp thực hiện hoạt động giảng lý thuyết và thảo luận. Hoạt động giảng lý thuyết và thảo luận có thể thực hiện lồng ghép hoặc tách rời nhau nhưng phải bảo đảm thời lượng dành cho giảng lý thuyết là $\frac{3}{4}$ và thảo luận là $\frac{1}{4}$. Nội dung giảng lý thuyết phải thực hiện theo giáo trình của chương trình đào tạo. Nội dung thảo luận tập trung vào kỹ năng, nghiệp vụ công tác, vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Và để thực hiện yêu cầu trên về quy trình đào tạo, phương pháp đào tạo của chương trình mới được xác định: Áp dụng phương pháp dạy, học tích cực nhằm tăng cường sự tương tác giữa người dạy và người học, phát huy vai trò chủ đạo của người dạy, tạo sự chủ động, tích cực, sáng tạo của học viên. Qua thực tiễn áp dụng phương pháp giảng dạy chủ động, tích cực vào giảng dạy ở một số loại hình lớp bồi dưỡng như quản lý nhà nước ngạch chuyên viên,

chuyên viên chính; bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp cơ sở (như Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã)... và nghiên cứu chương trình trung cấp lý luận chính trị mới được ban hành, tác giả xin trao đổi về các vấn đề sau:

1. Về nhận thức

Giảng viên, học viên cần nhận thức rõ quan điểm và yêu cầu của quy trình đào tạo đó là tăng cường sự tương tác giữa người dạy và người học nhằm tạo tính chủ động, tích cực trong dạy học lý luận chính trị. Thông qua tương tác này, một mặt tạo sự hứng khởi, hợp tác của hai phía, tránh sự đơn độc, một chiều từ người dạy; mặt khác, là cơ sở để gắn lý luận và thực tiễn, phát huy vai trò dẫn dắt, định hướng của người thầy và vốn kiến thức thực tiễn của học viên.

2. Về soạn giáo án

Trên cơ sở quan điểm và yêu cầu của quy trình đào tạo ở trên, việc soạn giáo án theo chương trình mới chắc chắn sẽ có nhiều điểm khác biệt so với soạn giáo án theo các chương trình trước đây. Việc tích hợp nhiều môn học trong phần học, lồng ghép giảng dạy và thảo luận đòi hỏi giảng viên soạn giáo án cần chú ý:

Thứ nhất, việc soạn giáo án phải tuân thủ theo yêu cầu về nội dung của chương trình, tuy nhiên, với bố cục mới của chương trình, giảng viên phải nắm được tổng thể các bài học trong phần học và thậm chí cả nội dung trong các bài học (mà mình không được phân công giảng) để khi giảng dạy giảng viên có cách nhìn tổng quan về nội dung mình cần trao đổi đặt trong mối quan hệ với các nội dung kiến thức khác nhằm tránh trùng lặp kiến thức và tạo sự logic trong khối kiến thức chung. Đơn cử, khối kiến thức “Xây dựng

Đảng và hệ thống chính trị” bao gồm 03 phân học có mối quan hệ mật thiết với nhau nếu như không có cách nhìn tổng quan về kiến thức giảng viên để lập lại việc giới thiệu các kiến thức chung về hệ thống chính.

Thứ hai, giảng viên phân bổ hợp lý giữa giảng lý thuyết và thảo luận trong một buổi giảng hoặc bài giảng. Để thực hiện, theo quan điểm cá nhân giảng viên cần phải soạn cả phần thảo luận vào giáo án và xem nó như là một phần không thể tách rời của giáo án. Việc bố trí lồng ghép, đan xen giữa lý thuyết và thảo luận hay bố trí tách biệt tùy thuộc vào từng chuyên đề, bài giảng và kỹ năng của từng giảng viên, tuy vậy, theo quan điểm của Hướng dẫn 101, việc thảo luận phải nhằm vào trao đổi kỹ năng, nghiệp vụ hoặc giải quyết một vấn đề, tình huống cụ thể. Thực tế, đối với các bài giảng kỹ năng nói chung (qua các chương trình bồi dưỡng) thì thảo luận theo định hướng trên là yêu cầu bắt buộc, nhưng đối với các bài giảng chuyên đề mang tính lý thuyết hoặc giới thiệu quan điểm, đường lối hoặc bài giảng về lịch sử thường khó tiếp cận theo định hướng này. Do đó, giảng viên cần phải có sự đầu tư công phu trong việc chọn lựa, chọn lọc, xây dựng vấn đề trao đổi, thảo luận.

3. Về lựa chọn, sử dụng phương pháp giảng dạy

Tùy đặc điểm từng bài giảng, đặc thù của môn học, phân học để giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp. Các phương pháp dạy học tích cực hiện nay đang được sử dụng nhiều trong giảng dạy lý luận chính trị là phát vấn, trao đổi vấn đề, sàng lọc, tình huống, chuyên gia, làm việc nhóm, đóng vai... trong đó, phát vấn vẫn được là phương pháp sử dụng phổ biến. Việc đa dạng hóa các phương pháp trong một bài giảng, buổi giảng trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, thời lượng chương trình, nội dung chương trình bài giảng, thói quen, tâm lý và cả khả năng, năng lực của giảng viên. Qua thực tế giảng dạy các chuyên đề, bài giảng về nhà nước, pháp luật, quản lý hành chính nhà nước và kỹ năng lãnh đạo quản lý, chúng tôi thấy việc sử

dụng đa dạng các phương pháp sẽ giúp học viên có hứng thú và chủ động tiếp thu có hiệu quả kiến thức mà giảng viên muốn truyền đạt, bên cạnh đó còn khơi gợi nhiều vấn đề vướng mắc mà học viên quan tâm từ lý thuyết được tiếp thu. Kinh nghiệm giảng dạy đối với các chuyên đề thiên về kỹ năng, nghiệp vụ việc soạn giáo án và xây dựng các tình huống để trao đổi, giải quyết luôn tạo hứng thú cho người học, có thể đáp ứng nhiều yêu cầu trong sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực theo Hướng dẫn 101, tuy vậy, phương pháp này lại chiếm khá nhiều thời gian. Nếu giảng viên chọn vấn đề không phù hợp, thiếu sự lồng ghép giữa lý thuyết và nội dung trao đổi sẽ khó đảm bảo về mặt thời lượng của chương trình. Vấn đề này cũng tương tự nếu sử dụng phương pháp đóng vai hay làm việc nhóm.

Thực hiện Hướng dẫn 101 việc sử dụng phương pháp tích cực trong dạy học đối với chương trình trung cấp lý luận chính trị là yêu cầu bắt buộc (quy trình đào tạo và thời lượng chương trình trong bài giảng, buổi giảng càng thể hiện yêu cầu này). Như vậy, vấn đề đặt ra đối với giảng viên là lựa chọn, sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực nào khi giảng dạy trên lớp nhằm đáp ứng các yêu cầu:

- Đảm bảo sự tương tác của giảng viên với học viên.
- Phát huy vai trò chủ đạo của người thầy trong định hướng, truyền đạt kiến thức, tránh lối truyền đạt một chiều.
- Tạo sự chủ động, sáng tạo của học viên.
- Thời lượng thảo luận chiếm ¼ so với lý thuyết của bài học, buổi học.

Theo quan điểm cá nhân, việc sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực là yêu cầu bắt buộc trong dạy học theo chương trình mới, do đó giảng viên - với vai trò là người chủ đạo, theo tôi, cần chú ý mấy vấn đề trong sử dụng phương pháp giảng dạy:

Thứ nhất, cần nắm chắc mục đích, yêu cầu, thời lượng, bố cục, khối lượng kiến thức của bài

giảng để phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thảo luận.

Thứ hai, việc sử dụng phương pháp giảng dạy nào còn tùy thuộc vào từng môn học, bài học và cả thể mạnh, cũng như năng lực của giảng viên. Song, đa dạng hóa các phương pháp trong một bài giảng, buổi giảng sẽ tạo hứng thú, tập trung của người học.

Thứ ba, cần chú trọng, đầu tư vào soạn giáo án. Nếu bản “thiết kế” tốt giảng viên sẽ có “kịch bản” tốt thể hiện được vai trò chủ đạo trong dẫn dắt, định hướng và truyền đạt kiến thức.

Thứ tư, tùy theo từng môn học, bài học, buổi học để giảng viên thực hiện lồng ghép hay bố trí tách bạch giữa lý thuyết và thảo luận, trên cơ sở đó lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với cách thức bố trí của mình.

Thứ năm, giảng viên phải nắm chắc kiến thức về phương pháp giảng dạy và rèn luyện, sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp đó.

4. Về chuẩn bị công cụ, phương tiện giảng dạy

Công cụ, phương tiện là một phần quan trọng trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực. Hiện nay, nhiều trường được trang bị khá hiện đại các công cụ, phương tiện phục vụ giảng dạy như hệ thống bảng đa năng, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình video, phòng thảo luận chuyên dụng... Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều trường đang khó khăn về vấn đề này. Mặt khác, việc giảng dạy tại các địa phương ngoài trường vẫn còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, nhất là những địa phương còn khó khăn về kinh tế. Do đó, việc sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là các phương pháp cần có sự hỗ trợ từ các công cụ, phương tiện hiện đại. Về việc sử dụng công cụ, phương tiện vào giảng dạy giảng viên cần chú ý:

Thứ nhất, trong soạn giáo án cần phải có nhiều phương án về nội dung và phương pháp giảng dạy. Một mặt, đáp ứng về yêu cầu đối tượng người học, mặt khác phù hợp điều kiện thực tế về cơ sở vật chất khi sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

Thứ hai, cần chuẩn bị tốt các công cụ, phương tiện phục vụ giảng dạy. Có nhiều phương pháp giảng dạy tích cực mà sự đòi hỏi về điều kiện vật chất không cao, nhưng mang lại hiệu quả cao như phương pháp trực quan, phát vấn, sàng lọc, tình huống... và có thể áp dụng ở nhiều loại hình lớp. Tuy vậy, đòi hỏi giảng viên phải có sự chuẩn bị kỹ càng cả về nội dung lẫn công cụ, phương tiện hỗ trợ giảng dạy.

Để thực hiện Hướng dẫn 101 vào giảng dạy một cách nghiêm túc, đúng quy trình, tác giả có một số đề xuất sau:

Cấp ủy, Ban Giám hiệu cần quán triệt rõ mục đích, yêu cầu của quy trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của chương trình đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở (hệ trung cấp lý luận chính trị) đến từng giảng viên, trong đó xác định rõ, việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực không chỉ là xu hướng mà là một yêu cầu bắt buộc. Đồng thời, chuyên môn cần có kế hoạch, định hướng trong việc soạn giáo án (theo Hướng dẫn 101 thì giảng viên phải soạn tích hợp giáo án lý thuyết và thảo luận).

Đối với các khoa chuyên môn, cần có nghiên cứu, rà soát tổng thể chương trình để ngoài việc phân công hợp lý các bài giảng cho giảng viên, còn chỉ đạo, định hướng giảng viên trong sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực. Tăng cường công tác dự giờ, thao giảng để góp ý, rút kinh nghiệm.

Mặc dù Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị mới có hiệu lực từ 01/5/2021, song việc nghiên cứu hướng dẫn và chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện là cần thiết. Nhiều vấn đề chắc chắn sẽ nảy sinh, song với quan điểm khá mới về chương trình đào tạo, quy trình đào tạo và cả yêu cầu về sử dụng phương pháp giảng dạy chúng tôi tin tưởng sẽ giúp công tác đào tạo cán bộ có nhiều đổi mới và mang lại hiệu quả./.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, SỨC MẠNH CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

ThS. Trần Hoàng
Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”¹

Xây dựng con người có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: *“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”*. Năm 2014, trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII), Hội nghị Trung ương 9 khóa XI Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Ngày 04/6/2020, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Kết luận số 76 - KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quan điểm đó được thể hiện ở những nội dung sau:

Một là, chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết

sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Đây là tư tưởng xuyên suốt trong chăm lo xây dựng con người. Lấy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc là giá trị cơ bản, cốt lõi đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy chuẩn mực đạo đức, lối sống và nhân cách làm thước đo đánh giá con người trong quan hệ ứng xử với tự nhiên, xã hội, hướng tới giá trị nhân văn.

Hai là, xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ. Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và đang diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đòi hỏi mỗi con người Việt Nam phải có thể giới quan khoa học trong nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng và xử lý các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Thế giới quan khoa học của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Ba là, xây dựng và phát huy lối sống *“Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”*; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường. Đây là lối sống thể hiện bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thể hiện mối quan hệ cái chung và cái riêng, đặt cái ta lên trên cái tôi, đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Từ đó, Đảng ta khẳng định trong xây dựng con người phải

“Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn”.

Bốn là, tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Văn hóa là nghệ thuật của cái đẹp, mọi hoạt động của văn hóa đều vận động theo quy luật của cái đẹp. Muốn hiểu đúng cái đẹp cần phải giáo dục để mọi người dân nhận biết đúng đắn chuẩn mực, giá trị của cái đẹp.

Năm là, nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng con người phát triển toàn diện, quy lại trong bốn giá trị cốt lõi là Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Sáu là, đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam. Xây dựng phẩm chất tốt đẹp, nhân cách nhân ái, cao thượng, bao dung, thân thiện của người Việt Nam đồng thời với đấu tranh với mọi biểu hiện làm tha hóa nhân cách, lối sống tốt đẹp của con người.

Bảy là, đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đây là nhiệm vụ có tính cấp thiết và thời sự đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đòi hỏi các nhà quản lý, giới khoa học nghiên cứu toàn diện, sâu sắc con người Việt Nam trong lịch sử và hiện nay, đúc rút nêu ra một hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam, làm cơ sở pháp lý trong tổ chức thực hiện và hướng đích xây dựng con người phát triển toàn diện.

Nghị quyết TW 5 khóa VIII xác định bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt

Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là *“Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, tính cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tinh giản dị trong lối sống”*. Từ quan điểm đó, có thể nhận diện hệ giá trị chuẩn mực cốt lõi con người Việt Nam là: Yêu nước, ý chí tự cường dân tộc; nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, trọng đạo lý; đoàn kết; cần cù, sáng tạo.

Tuy nhiên trong thực tiễn, việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam chưa đạt được mục tiêu như kỳ vọng. Chính vì vậy, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ *“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”*².

Hệ giá trị văn hóa là sản phẩm của con người, của sự phát triển xã hội và văn hóa mỗi thời đại. Khi được hình thành, hệ giá trị ấy định hướng mục tiêu, phương thức, hành động của con người và tham gia điều tiết sự phát triển xã hội. Hệ giá trị quy định tập quán, thói quen, dư luận xã hội và tiến tới quy định cả giá trị luật pháp. Do đó, bất cứ một xã hội hay một dân tộc nào cũng cần phải xây dựng được một hệ giá trị văn hóa, con người của riêng mình. Nếu thiếu nó là thiếu đi công cụ điều tiết xã hội, dễ dẫn tới sự thiếu định hướng phát triển xã hội.

Tiếp cận từ góc độ đó, tác giả đề xuất một số nguyên tắc và chuẩn mực xây dựng đạo đức công vụ hiện nay là:

- Đối với Tổ quốc, trung thành phần đầu vì mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*. Tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng cách mạng, đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam; trung thành với Tổ quốc

xã hội chủ nghĩa; kiên quyết chống lại những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại hòa bình, độc lập dân tộc, tích cực và sẵn sàng tham gia bảo vệ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Đối với nhân dân, phải gần dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, hiểu và phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Đối với công việc, hiểu biết, trách nhiệm, yêu ngành, yêu nghề, vượt khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đối với đồng nghiệp, đoàn kết, chân tình, thẳng thắn, hợp tác, giúp nhau cùng tiến bộ.

- Đối với bản thân, cần, kiệm, liêm, chính, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ và Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và để đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống, thiết nghĩ mỗi cơ quan, đơn vị cần khẩn trương xây dựng Đề án cho phù hợp với yêu cầu công vụ. Cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện quy chế công vụ, đạo đức công vụ cho từng lĩnh vực quản lý công chức chuyên ngành. Cụ thể hóa những giá trị đạo đức như lòng trung thành, cần, kiệm, liêm, chính... thành những chuẩn mực cụ thể trong hành vi thi hành công vụ.

Thứ hai, phát huy dân chủ trên cơ sở những quy định và chuẩn mực pháp luật, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về đánh giá cán bộ, công chức (quy trình và nội dung đánh giá) theo hướng mở rộng hơn nữa việc công khai, dân chủ,

có sự tham gia của các tổ chức xã hội và công dân.

Thứ tư, đầu tư nghiên cứu về những giá trị lý tưởng đạo đức công vụ để từng bước cụ thể hóa thành những chuẩn mực pháp luật. Đặc biệt, cần đẩy mạnh nghiên cứu đạo đức công vụ trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Hướng các hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Việt Nam có thể giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản “*yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo*”. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, “*đền ơn đáp nghĩa*”, “*tương thân tương ái*”. Khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn. Chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự. Đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hoá độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đó là những việc làm thiết thực để đưa Nghị quyết Đại hội XIII về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam vào cuộc sống./.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, tr 143.

2. *Sđd*, tr 143.

CẬP NHẬT MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO BÀI GIẢNG

ThS. Hoàng Tiến Dũng
Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Đối với nước ta nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phát triển toàn diện kinh tế xã hội. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 08 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ ra những quan điểm cơ bản về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Để triển khai thực hiện nghị quyết, ngày 04 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu chung là: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình 5 năm đầu triển khai Chương trình (2010 - 2015), mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguồn lực nhưng Chương trình đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Nói một cách khái quát nhất, nông thôn mới đã trở thành hiện thực với những thành quả cụ thể: Chương trình đã làm thay đổi nhận thức của

đa số người dân; xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sôi động khắp cả nước; đã hình thành Bộ máy chỉ đạo và tham mưu giúp việc đồng bộ từ Trung ương tới cơ sở, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp; hình thành được cơ bản bộ tiêu chí, hệ thống cơ chế, chính sách để vận hành Chương trình. Nhiều địa phương đã cụ thể hoá các chính sách của Trung ương, chủ động ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn. Điều kiện sống về vật chất và tinh thần của phần lớn cư dân nông thôn được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, vẫn còn những hạn chế cần khắc phục, cụ thể:

Thứ nhất, trình độ năng lực cán bộ quản lý ban chỉ đạo huyện và xã còn yếu do kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản nên lúng túng trong triển khai thực hiện. Cụ thể, từ việc tuyên truyền vận động nhân dân, phân công trách nhiệm triển khai các bước công việc theo nội dung đề án, lập hồ sơ dự án thành phần, lập kế hoạch huy động nguồn lực, đăng ký nhu cầu vốn thực hiện đề án và phương pháp tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các dự án...

Thứ hai, công tác quy hoạch lập kế hoạch tổ chức đấu giá đất, xử lý đất lấn chiếm, đất xen kẹt, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu dân cư ở các xã gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

Thứ ba, việc kêu gọi, huy động thu hút nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án còn hạn chế; Ủy ban nhân dân xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư; nguồn vốn của ngân sách xã chủ yếu dựa vào đầu giá đất, thu tiền sử dụng đất; vốn lồng ghép của cấp trên chưa được bố trí kịp thời.

Thứ tư, công tác điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng theo 19 tiêu chí nông thôn mới tại nhiều xã khi lập đề án chưa sát với thực tế; việc phối kết hợp giữa các phòng, ban chuyên môn ở huyện và xã chưa tập trung thường xuyên; công việc chủ yếu giao toàn bộ cho đơn vị tư vấn nên số liệu phản ánh chưa chính xác, chất lượng hạn chế, đề án thiếu tính khả thi; phương pháp triển khai thực hiện đề án của Ban quản lý xã còn lúng túng khi lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán các dự án thành phần, nhóm các dự án hạ tầng kỹ thuật tổng mức đầu tư tăng hơn so với mức đầu tư trong đề án đã được phê duyệt chưa có giải pháp xử lý, tháo gỡ về vốn; huyện, xã chờ vốn hỗ trợ từ cấp trên mới chỉ đạo lập hồ sơ dự án thành phần...

Thứ năm, cơ chế huy động nguồn lực, phân bổ nguồn vốn và chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn ở nhiều địa phương chưa được thực hiện thống nhất. Mặt khác, công tác lập và phê duyệt quy hoạch của một số huyện chưa hoàn chỉnh (nhất là quy hoạch sử dụng đất, giao thông, thủy lợi...) đã ảnh hưởng đến tiến độ lập, phê duyệt đề án và dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã...

Ngoài việc đánh giá và rút ra những hạn

chế vừa nêu trên, tại Đại hội XII của Đảng, bên cạnh việc đánh giá những kết quả đã đạt được, Đảng xác định xây dựng nông thôn mới còn có các hạn chế như cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, hợp tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp... cần phải tiếp tục khắc phục.

Xuất phát từ những thành công và những hạn chế của 2 giai đoạn, đặc biệt là việc thực hiện bằng được mục tiêu đã xác định là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vẫn là một trong các phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu, quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Định hướng chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hoá, thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, phấn đấu đến năm 2030, 90 % số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Với mục tiêu ấy, Đảng ta xác định cần thực hiện một số giải pháp

Thứ nhất, lấy thay đổi tư duy, nếp sống, năng lực của người dân làm mục tiêu; cư dân nông thôn làm chủ thể; cộng đồng thôn, bản là đơn vị để đánh giá. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Thứ hai, phát triển kinh tế nông thôn cần gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp và đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái dựa trên tiến bộ khoa học

và công nghệ, phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu

Thứ ba, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, kết nối chặt chẽ xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hoá. Tại các khu vực ven đô thị lớn, các vùng đồng bằng đông dân cần nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới văn minh, xanh, sạch, đẹp, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị. Gắn chặt xây dựng nông thôn mới với đẩy nhanh đô thị hoá, phát triển hệ thống đô thị nhỏ ở địa bàn nông thôn, tiếp nhận dần các chức năng kinh tế của các đô thị lớn. Tại các vùng nông thôn ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng kinh tế nông nghiệp

Thứ tư, tạo điều kiện tăng trưởng toàn diện, tăng thu nhập, giải quyết tốt hơn vấn đề an ninh dinh dưỡng và an ninh lương thực đối với nhóm nghèo và cận nghèo, đặc biệt tại các vùng khó khăn. Tạo đột phá trong phát triển công nghiệp dịch vụ nông thôn để phát huy lợi thế của nông nghiệp, tạo việc làm ổn định, bền vững cho cư dân nông thôn

Thứ năm, biến văn hoá thành động lực mới cho xây dựng nông thôn mới. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của gia đình, cộng đồng nông thôn, giữ gìn kiến trúc cảnh quan nông thôn, xây dựng cảnh quan nông thôn trên cơ sở nền tảng phát huy mối quan hệ làng xã. Đa dạng hoá các thiết chế văn hoá ở nông thôn, bảo đảm lựa

chọn và sử dụng hiệu quả nhất các thiết chế văn hoá truyền thống và thiết chế văn hoá mới¹

Thứ sáu, xây dựng nông thôn mới cần gắn chặt với việc tăng cường phát triển bền vững và bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn. Phát triển công nghiệp hoá, đô thị hoá không phải làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, đến môi trường sinh sống và kinh tế xã hội của cư dân nông thôn. Nâng cao chất lượng quy hoạch cảnh quan nông thôn theo hướng xanh - sạch và bền vững. Lấy quy hoạch cảnh quan nông thôn làm nền tảng trong xây dựng nông thôn mới vừa mang tính sinh thái, vừa đậm đà bản sắc văn hoá truyền thống¹

Như vậy, với một số định hướng và giải pháp về xây dựng nông thôn mới mà chúng ta vừa tìm hiểu đã chứng tỏ xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng được thể hiện qua các Văn kiện Đại hội lần thứ X, XI, XII và nhiều chỉ thị, nghị quyết Hội nghị Trung ương trong các nhiệm kỳ với một chiến lược nhất quán đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Một số định hướng và giải pháp về xây dựng nông thôn mới được thể hiện trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng lần này cũng chính là thể hiện tính nhất quán về xây dựng nông thôn mới trên cơ sở đánh giá tổng quát những kết quả đạt được và những hạn chế cần khắc phục để tiếp tục tiến lên thực hiện bằng được những mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra./.

1. *Cổng thông tin điện tử quốc gia về xây dựng nông thôn mới* (<http://nongthonmoi.gov.vn/>): *Giải quyết những tồn tại và hạn chế trong xây dựng nông thôn mới.*

“FESTIVAL VÌ HÒA BÌNH”

Xây dựng một lễ hội văn hóa riêng có của Quảng Trị

ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm
Trưởng Phòng QLĐT & NCKH

Ngày 01/6/2020, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đã có công văn thông báo đồng ý với đề xuất của Quảng Trị về chủ trương tổ chức “Festival vì Hòa bình”. Theo đó, Phó Thủ tướng giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm việc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội. Trước đó, ngày 06/5/2020, UBND tỉnh Quảng Trị có Tờ trình số 1959 kèm Đề án “Festival vì Hòa bình” gửi Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức “Festival vì Hòa bình” tại tỉnh Quảng Trị.

Miền đất được chọn

Lịch sử nhân loại từng được viết bằng các cuộc chiến tranh đẫm máu. Lịch sử Việt Nam cũng được phân kỳ bởi các cuộc chiến tranh. Thế kỷ 20 của nước Việt ta gần như được tiếp nối bằng những cuộc chiến tranh vệ quốc. Đấu tranh để giành được độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945, thì đúng ba tuần lễ sau, ngày 23/9/1945 cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài 9 năm và kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954.

Chưa kịp mừng vui bởi chiến thắng, đất nước ta lại bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, gian nan gấp bội, dài gấp bội, từ 1954 đến 1975. Rồi cũng ngay khi lá cờ chiến thắng được kéo lên trên nóc Dinh Độc Lập trưa 30/4/1975 thì cùng lúc đó dọc biên giới Tây Nam đã âm ỉ manh nha một cuộc chiến tranh khác. Cuộc chiến bảo vệ biên giới Tây Nam từ đó đến năm 1979. Và từ 1979 đến 1989, cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc tiếp tục. Nó chỉ thực sự chấm dứt vào năm 1989 ở Vị Xuyên (Hà Giang)

Đi qua những cuộc chiến đó, với hàng triệu người ngã xuống, hàng vạn ngôi làng bị tàn phá, hàng vạn

người thương tật sau cuộc chiến, hàng vạn gia đình ly tán, mất mát... Từ đau thương ấy người Việt Nam hiểu rõ hơn bất cứ ai giá trị của hòa bình, vì chúng ta biết một cách cụ thể cái giá phải trả để có hòa bình, nó cụ thể trong mỗi con người, mỗi nếp nhà, mỗi xóm làng.

Nếu nói Việt Nam hiểu rõ cái giá phải trả để có được hòa bình thì Quảng Trị là nơi ta thấy rõ nhất. Đi qua những năm tháng chiến tranh, vùng đất Quảng Trị trở thành nơi gánh chịu nhiều đau thương mất mát. Nỗi đau chia cắt suốt 20 năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ được Quảng Trị nhận lấy thay cho cả nước bởi vĩ tuyến 17 đi qua sông Bến Hải. Con đường đến với hòa bình là 72 nghĩa trang liệt sĩ từ cấp quốc gia đến cấp xã trên một mảnh đất chỉ có hơn 60 vạn người dân.

Nhưng cuộc sống luôn tiến về phía trước, những bộn bề thường nhật có thể khiến nhiều giá trị bị lãng quên. Làm sao để các giá trị ấy được nhắc nhớ, được lan tỏa, được biến thành bài học cho hậu thế. Làm sao để từ những giá trị ấy sẽ tạo ra nguồn năng lượng trong mỗi con người trong thời đại mới. Những trăn trở ấy được nhiều người quan tâm, nhưng để hội tụ và lan tỏa, chắc chắn đó chỉ có thể là mảnh đất và con người Quảng Trị.

Ngày 27/12/2019, tại thành phố Đông Hà, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị tổ chức hội thảo về Đề án “Festival vì Hòa bình tại tỉnh Quảng Trị,” với sự tham gia của hơn 100 đại biểu là nhà các nhà quản lý, chuyên gia, nhà nghiên cứu về văn hóa, lịch sử trong cả nước. Theo dự thảo Đề án Festival vì Hòa bình có quy mô quốc gia và quốc tế, nằm trong danh mục các lễ hội lớn của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Để thực sự là một festival sẽ có các chuỗi các hoạt động “in” và “off” như các Festival chuyên nghiệp: Liên hoan nghệ thuật quốc tế “Tiếng hát Vì hòa bình;” hòa nhạc,

hợp xưởng, triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh; hội thảo, hội nghị, tọa đàm về vấn đề hòa bình; hoạt động tưởng niệm, tri ân, tôn vinh ở Thành cổ Quảng Trị, Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Đường 9 và các nghĩa trang khác.

Chương trình “off” sẽ là các hoạt động thấp nền tri ân, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Lễ cầu siêu tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ, nạn nhân chiến tranh và cầu nguyện thế giới hòa bình, quốc thái dân an; hoạt động về nguồn, giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ; thăm hỏi, tặng quà, chữa bệnh cho các nạn nhân chiến tranh. Festival vì Hòa bình cũng đồng thời diễn ra các hoạt động xúc tiến đầu tư, thể thao, quảng bá du lịch. Thời gian dự kiến diễn ra vào tháng Bảy, cao điểm là từ ngày 20-27/7 với định kỳ 2 năm một lần.

Những hoạt động như vậy sẽ được tổ chức với không gian mở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; trong đó không gian chính ở thành phố Đông Hà, Cửa Việt, Cửa Tùng, thị xã Quảng Trị, các Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn và Đường 9, Di tích Quốc gia Đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải. Trong cuộc hội thảo diễn ra vào tháng 12/2019 các đại biểu của các ban, bộ, ngành đều thống nhất cao, cho rằng Quảng Trị là địa phương phù hợp nhất để tổ chức “Festival vì Hòa bình” bởi các cuộc chiến tranh khốc liệt với nhiều đau thương, mất mát để lại dấu ấn sâu đậm nhất là tại chính mảnh đất này!

Khởi động từ những điều cụ thể !

Tổ chức được “Festival vì Hòa bình”, Quảng Trị sẽ trở thành một không gian văn hóa có tính biểu tượng, không chỉ đại diện cho Việt Nam mà từ Festival này, những miền đất từng chịu chung số phận như Quảng Trị trên thế giới như thành phố Rotterdam (Hà Lan), Dresden, Cologne, Berlin (Đức), London (Anh), Stalingrad (Nga), Hiroshima, Nagasaki (Nhật Bản) sẽ tạo thành một chuỗi tương tác, kết nối để thức tỉnh và nhắc nhở nhân loại.

Trong bút ký “Đêm chong đèn nhớ lại” viết về Thành Cổ Quảng Trị, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường đã viết rằng: “Tôi đã cùng chôn cất hài cốt của bao nhiều liệt sỹ còn gửi lại trên mảnh đất Thành Cổ mà tôi đang thừa kế với tư cách là một người sống sót. Lịch sử

được làm nên bởi những người đã chết, và vì thế trong quan hệ với lịch sử, mỗi nhà văn làm công việc của mình với tư cách là một kẻ sống sót.”

Có lẽ không chỉ riêng nhà văn nghĩ như thế, mà tất cả những ai sống sót qua cuộc chiến tranh, tất cả những ai sinh ra trong hòa bình, tất cả những thế hệ được thụ hưởng tự do và độc lập luôn biết tri ân những người đã nằm xuống chính là tri ân lịch sử. Trước khi có “Festival vì Hòa bình”, Quảng Trị cũng đã từng có rất nhiều những hoạt động mang âm hưởng hướng đến cảm thức nhân loại với khát vọng hòa bình. Ngay tại thời điểm này, một chương trình âm nhạc đã diễn ra trong tháng Tư mang tên “Hãy yêu nhau đi” tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Quảng Trị tổ chức tại công viên Fidel, thông cáo báo chí của Đài Phát thanh truyền hình tỉnh cũng nhấn mạnh: “Chương trình còn hướng đến mục tiêu là góp phần tổ chức Lễ hội hòa bình tại tỉnh Quảng Trị theo chủ trương của chính phủ, xây dựng Quảng Trị - một mảnh đất đầy đau thương mất mát trong chiến tranh trở thành một biểu tượng khát vọng hòa bình mang tầm quốc gia và quốc tế.”

Không gian đồi bờ Hiền Lương, một trong những địa chỉ nhắc nhở về sự chia ly và thống nhất vài năm qua đang có những đổi thay để chuẩn bị cho những dự định về Festival, tuyến đường tránh khu Di tích quốc gia đặc biệt này đã được thi công xong từ mấy năm trước. Đây cũng là một hoạt động cụ thể hướng đến Festival, bởi chỉ cần một barie cho hai đầu tuyến đường, chúng ta sẽ có ngay một địa điểm an toàn và rộng lớn để thực hiện các hoạt động. Rất nhiều sự chuẩn bị như thế đang góp phần hình thành những không gian cho Festival vì Hòa bình” ở Quảng Trị.

Cùng với những phát triển về xã hội trong thời gian qua, sự khởi sắc từ hạ tầng kinh tế của tỉnh nhà, từ nỗ lực của từng công dân Quảng Trị, chúng ta biết tìm ra một hướng đi mới để nâng tầm vị thế. Trong quá trình xây dựng và phát triển ấy, việc xây dựng đề án “Festival Vì hòa bình” mang tầm vóc quốc gia và quốc tế xứng đáng là một dấu ấn văn hóa với giá trị riêng có của miền đất Quảng Trị anh hùng./.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 được thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; thể hiện ý chí, khát vọng của Nhân dân Việt Nam thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Hiện nay, những quan điểm sai trái, thù địch chống phá rất quyết liệt những nguyên tắc cơ bản trong Hiến pháp năm 2013, trong đó có nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Các quan điểm sai trái, thù địch cho rằng nguyên tắc tổ chức quyền lực trong bộ máy nhà nước nên theo thuyết “tam quyền phân lập” như các nước tư bản. Lập luận của chúng cho rằng tổ chức quyền lực theo “tam quyền phân lập” thì quyền lực được thiết kế trên nguyên tắc đối trọng, quyền lực kiềm chế quyền lực, quyền lực chế ước được quyền lực, sẽ tránh được việc lạm quyền, lộng quyền trong bộ máy nhà nước; còn nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất như Hiến pháp năm 2013 của nước ta quy định thì dễ dẫn đến việc lộng quyền, lạm quyền trong bộ máy nhà nước. Trong phạm vi bài viết này, tôi xin được đề cập đến nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp - từ lý luận và thực tiễn trong giảng dạy.

Thuyết “tam quyền phân lập” là nguyên tắc tổ chức của nhà nước tư bản do Lôcơ (1632-1704, người Anh), Môngtexkiơ (1689-1775, người Pháp), Ruxô (1712-1778, người Pháp) đề xướng dựa trên quan điểm cho rằng: Trong nhà nước quân chủ, các quyền

NGUYÊN TẮC QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC LÀ THỐNG NHẤT, CÓ SỰ PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP, KIỂM SOÁT GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN LẬP PHÁP, HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP - TỪ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ThS. Nguyễn Sung

Phó trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

lực trong bộ máy nhà nước tập trung trong tay một người đó là nhà vua. Nhà vua có quyền đặt ra pháp luật để cai trị, nhà vua nắm quyền triển khai, tổ chức thực hiện pháp luật và nhà vua thực hiện luôn quyền xét xử. Vì chỉ có một cơ quan, tổ chức nắm cả 3 nhánh quyền lực như vậy sẽ dẫn đến sự độc đoán, chuyên quyền trong hoạt động của nhà nước quân chủ. Thuyết “tam quyền phân lập” đặt ra vấn đề phải hạn chế sự độc quyền bằng việc không tập trung quá nhiều quyền lực nhà nước vào tay một cơ quan nhất định, bằng sự kiểm soát và khống chế lẫn nhau giữa các hệ thống cơ quan nhà nước khác nhau. Quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được giao cho các cơ quan khác nhau trong nhà nước: Quyền lập pháp giao cho nghị viện, quyền hành pháp giao cho chính phủ, quyền tư pháp giao cho tòa án. Tam quyền phân lập là nhằm dùng quyền lực kiểm soát và kiềm chế quyền lực. Hiện nay, các nhà nước tư bản áp dụng cách thức tổ chức này trong hoạt động của nhà nước, tư tưởng tam quyền phân lập đã trở thành một trong những nội dung cơ bản của học thuyết nhà nước pháp quyền tư sản.

Trong lịch sử lập hiến ở nước ta, Hiến pháp Nhà nước ta luôn khẳng định: *“Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”* (Điều thứ 1- Hiến pháp năm 1946). *“Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân”* (Điều 4 - Hiến pháp năm 1959). *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”* (Điều 6 - Hiến pháp năm 1980). *“Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức”* (Điều 2 - Hiến pháp 1992). Và hiện nay, *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.”* (Khoản 2, Điều 2, Hiến pháp năm 2013). Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là bản chất và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt 5 bản Hiến pháp của nước ta từ khi Nhà nước ta ra đời cho đến nay. Xuất phát từ nền tảng này mà Nhà nước ta quy định các nội dung pháp lý quan trọng khác trong Hiến pháp, đặc biệt là các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

1. Trước hết, *“quyền lực nhà nước là thống nhất”* được hiểu như thế nào.

Thứ nhất, thống nhất ở đây được hiểu là tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Xuất phát từ luận điểm quan trọng này, Hiến

pháp quy định Nhân dân thực hiện quyền bầu ra cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Quốc hội. Từ quyền lực mà Nhân dân trao cho này, Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Nhân dân là chủ thể tối cao còn được quy định tại Điều 6, Hiến pháp năm 2013: *“Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”* và Khoản 2, Điều 8 - Hiến pháp năm 2013: *“Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”*...

Trong phần II về Tổng kết nhiệm kỳ Đại hội XII và nhìn lại 35 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: *“Hai là, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”^[1].*

Thứ hai, quyền lực nhà nước thống nhất còn biểu hiện tính nhất nguyên trong chính trị. Hệ thống chính trị nói chung và Nhà nước ta nói riêng đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng là duy nhất,

tuyệt đối và thống nhất. Khoản 1, Điều 4 - Hiến pháp năm 2013: “1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, thống nhất về đích đến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta phải đạt được mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là mục tiêu mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta luôn khát vọng và tin tưởng tuyệt đối phải đạt được trong tương lai. Quyền lực nhà nước đầu là quyền lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là nhân dân, đều do nhân dân ủy quyền, giao quyền. Cả ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tuy có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng đều thống nhất với nhau ở mục tiêu chính trị đã nêu trên.

2. Quyền lực nhà nước thống nhất nhưng có sự phân công.

Quyền lập pháp được Hiến pháp trao cho Quốc hội. Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội được Nhân dân trao nắm giữ chức trách là cơ quan quyền lực cao nhất, nắm giữ quyền lập pháp, Quốc hội thay mặt cho Nhân dân ra cơ quan nắm giữ quyền hành pháp là Chính phủ, quyền tư pháp cho Tòa án nhân dân. Thủ tướng Chính phủ và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao khi nhận những chức

trách này đã đặt tay lên Hiến pháp tuyên thệ trung thành với Hiến pháp và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu hành pháp và tư pháp. Trong quá trình thực thi quyền hành pháp và tư pháp, Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao chịu sự giám sát của Quốc hội, chịu trách nhiệm trả lời chất vấn, trách nhiệm giải trình trước cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; chịu sự lấy phiếu tín nhiệm và chịu sự bỏ phiếu tín nhiệm của Quốc hội. Nếu tín nhiệm thấp, các thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể bị Quốc hội bãi nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc phân công luôn đi kèm theo đó là sự giám sát và sự đánh giá. Đây là việc làm thường xuyên của tổ chức bộ máy Nhà nước ta từ khi ra đời cho đến nay. Chỉ có điểm khác biệt duy nhất là hoạt động này ngày càng được điều chỉnh và đổi mới để ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đơn cử như quy định về việc lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm trong quá trình thực hiện quyền giám sát tối cao đối với bộ máy nhà nước. Sau mỗi lần Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu và Quốc hội phê chuẩn thì chúng ta thấy các cơ quan, các cá nhân được lấy phiếu tín nhiệm có sự điều chỉnh, sửa đổi để hoạt động phục vụ công vụ ngày có hiệu lực, hiệu quả hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

3. Có sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Phối hợp giữa lập pháp với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước ở Trung ương: Quốc hội với Chủ tịch nước, Quốc hội với Chính phủ, Quốc hội với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Sự phối hợp này thể hiện rõ nhất trong quy định của

Luật Tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân về trách nhiệm sáng kiến lập pháp. Hiến pháp năm 2013 quy định về việc ban hành Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp: Khoản 1, Điều 120 “1. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Như vậy, việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp không chỉ riêng Quốc hội thực hiện mà dựa trên ý kiến của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước cũng tham gia vào quá trình lập pháp này với vai trò sáng kiến lập pháp, công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh. Trong quá trình công bố các văn bản pháp luật, Chủ tịch nước cũng có quyền không công bố pháp lệnh đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh. Điều 88, Khoản 1- Hiến pháp năm 2013: “*Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;*”

Điều 96, Khoản 2, Hiến pháp năm 2013, quy định Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Đề xuất, xây dựng chính sách trình*

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội”. Sự phối hợp còn biểu hiện rất cụ thể trong việc xây dựng các dự thảo luật. Theo thống kê của Văn phòng Quốc hội, trên 90% các dự thảo luật là do Chính phủ được phân công chủ trì xây dựng, còn lại do các cơ quan khác trong hệ thống chính trị của nước ta chủ trì xây dựng như: Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội.

4. *Sự kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.*

Định hướng của Cương lĩnh năm 2011: “*2. Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*”^[2]. Hiến pháp năm 2013, Nhà nước ta bổ sung thêm từ “*kiểm soát*”. So với Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp bổ sung, sửa đổi một số điều năm 2001 chỉ quy định: Điều 2: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và*

vì nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.” Chỉ thêm một từ “kiểm soát” thôi nhưng nó đã thể hiện được sự quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta xây dựng đất nước trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, quy định này chỉ cho những thế lực thù địch, chống phá biết rằng ở Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực không dễ bị lộng quyền, lạm quyền, quyền lực bị tha hóa, bị tham nhũng. Quyền lực đó có sự kiểm soát chặt chẽ từ 2 hệ thống: Tự bản thân bộ máy nhà nước kiểm soát quyền lực và sự kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước. Sự kiểm soát từ bên trong của bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật là sự giám sát tối cao của Quốc hội đối với bộ máy nhà nước, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với bộ máy chính quyền địa phương, công tác thanh tra, công tác kiểm toán nhà nước, công tác xét xử của Tòa án nhân dân, công tác công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân... Hoạt động của bộ máy nhà nước còn chịu sự kiểm tra, giám sát và phản biện của các cơ quan, tổ chức bên ngoài bộ máy nhà nước. Đó là sự kiểm soát của cả hệ thống chính trị: Tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Phần Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục định hướng và khẳng định: “Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp,

tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực” [3].

Trong công cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, chúng ta cần nhận diện cho được, cho đúng các quan điểm sai trái, thù địch, mới có thể có phương pháp, cách thức phù hợp để đấu tranh có hiệu quả, chất lượng. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; quyền lực nhà nước xuất phát từ Nhân dân, do Nhân dân ủy quyền; quyền lực đó có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Sự kiểm soát đó không phải là sự kiểm soát của những lực lượng đối lập nhau, mà quyền lực đó do Nhân dân ủy quyền, Nhân dân trao cho. Ngoài sự kiểm soát trong các nhánh quyền lực với nhau, Nhà nước còn chịu sự giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kế thừa Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, chúng ta quyết tâm, đoàn kết, đồng lòng thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

[1]: Trang 27, tập 1, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.2021.

[2]: Phần IV Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011).

[3]: Trang 72, tập 1, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật - Hà Nội - 2021.

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN CỦA ĐẤT NƯỚC

ThS. Lê Thị Thu Huyền

Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Thậm nhuần quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đời sống xã hội của con người và tiến trình phát triển của lịch sử là có sự kết hợp chặt chẽ và ảnh hưởng, tác động lẫn nhau của các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng từng mặt của đời sống xã hội không thể tách riêng lẻ, đơn thuần, mà gắn chặt với xây dựng các mặt khác và là kết quả tổng hoà của các mặt khác. Trong đó kinh tế luôn là lĩnh vực nền tảng, có vai trò quyết định chi phối sâu sắc các lĩnh vực khác. Người đã từng nêu bật vai trò của kinh tế trong sự nghiệp xây dựng đất nước rằng: *“Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá. Vì sao không nói phát triển văn hoá và kinh tế? Tục ngữ có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước. Phát triển kinh tế và văn hoá để nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân”*.¹ Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Người đã nhấn mạnh việc giải quyết nạn đói rét, chăm lo cho dân được ấm no: *“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân vẫn cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ”* và Người yêu cầu *“Chúng ta phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”*.² Nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến. Kinh tế rất lạc hậu và gồm nhiều thành phần phức tạp, sức sản xuất chưa phát triển, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân thấp kém. Do

vậy, Người đã chỉ rõ: *“Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”*.³ Trong nhận thức, cũng như khi vạch ra nhiệm vụ xây dựng phát triển từng mặt của đời sống xã hội, Người luôn đặt nó trong mối liên hệ mật thiết với các mặt khác. Từ năm 1943, Người đã dự định xây dựng nền văn hoá dân tộc với năm điểm lớn là: *“1. Xây dựng tâm lý: lý cách, tinh thần độc lập tự cường. 2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. 3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội. 4. Xây dựng chính trị: dân quyền. 5. Xây dựng kinh tế”*.⁴ Qua đó cho thấy Người nhấn mạnh yếu tố vật chất, yếu tố kinh tế trong đời sống xã hội của con người. Do vậy, trong bối cảnh miền Bắc quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Người đã chỉ ra nhiệm vụ quan trọng nhất là phải phát triển kinh tế để có nền tảng vật chất và kỹ thuật, đồng thời chủ trương phải chú trọng *“cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là chủ chốt và lâu dài”*.⁵ Kinh tế là nền tảng hình thành, là cơ sở chi phối mạnh mẽ các mặt khác của đời sống xã hội như vấn đề chính trị, cơ cấu xã hội giai cấp, vấn đề xã hội, văn hoá tinh thần, cho nên phải quan tâm thật đúng mức thì nó mới đảm đương được vai trò của mình. Người cũng thấy rõ sự cần thiết của công nghiệp hoá xã hội

chủ nghĩa vì cho rằng đây là cơ sở để tăng năng suất lao động, để phát triển lực lượng sản xuất, để đảm bảo đời sống nhân dân. Nhưng trước tâm lý nóng vội muốn công nghiệp hoá nhanh của một bộ phận cán bộ, Người đã chưa đồng tình, sớm nhắc nhở và cảnh báo rằng, bấy lâu chúng ta chỉ có nông thôn, nay mới có thành thị “*nếu công nghiệp hoá gấp là chủ quan*”. Người cho rằng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta có thể làm khác với Trung Quốc, “*làm trái với Liên Xô*”, vì mỗi nước có điều kiện lịch sử, địa lý khác nhau. “*Ta không giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử và địa lý khác. Ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội*”.⁶ Vì vậy “*Phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp*”. Người khẳng định thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài và đầy khó khăn phức tạp.

Tại Hội nghị Tổng kết của Bộ Công nghiệp nặng năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Quan trọng nhất trong đời sống nhân dân là vấn đề ăn. Để giải quyết tốt vấn đề ăn thì sản xuất phải dồi dào, muốn như vậy thì công nghiệp phải giúp cho nông nghiệp có nhiều máy làm thủy lợi, máy cày, máy bừa, nhiều phân hóa học*”.

Cách mạng Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ, từng thời kỳ có nhiệm vụ cơ bản được xác định riêng. Thời kỳ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chủ yếu là làm cách mạng trên lĩnh vực chính trị, giành và giữ chính quyền. Thời kỳ có chính quyền, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực chất là làm cách mạng trong lĩnh vực kinh tế, phát triển kinh tế là trung tâm. Cùng với quá trình phát triển kinh tế là quá trình xây dựng phát triển nền văn hóa và xã hội mới lành mạnh, tiến bộ. Trong Di chúc Người còn căn dặn: “*Đảng cần phải có kế hoạch tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*”. Là một nhà chiến lược thiên tài, nắm vững quy luật và cục diện của cuộc kháng chiến, Chủ

tịch Hồ Chí Minh tin tưởng, chắc chắn rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhất định sẽ thắng lợi. Điều mong muốn của Người được ghi trong Di chúc, sau khi chiến thắng đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là: “*Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”. Để đạt được mục tiêu trên Người căn dặn các công việc phải làm sau chiến tranh của toàn Đảng, toàn dân ta là: *Hàn gắn vết thương chiến tranh nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra. Theo Người, đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Người đề nghị Đảng ta phải: “Có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm*”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế luôn chú trọng đến việc xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế để có đủ tài và đức phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước nhằm nâng cao đời sống của nhân dân, làm cho mỗi người dân lao động đều được ấm no, hạnh phúc. Người khẳng định: “*mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân*”, “*chủ nghĩa xã hội là mọi người cùng ra sức lao động sản xuất để được ăn no, mặc ấm và có nhà ở sạch sẽ*”⁸.

Để thực hiện mục tiêu đó, Người luôn nhấn mạnh: “*Trong công cuộc xây dựng đất nước, việc quản lý kinh tế tài chính là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bế tắc*”⁹ từ đó dẫn đến nền kinh tế trì trệ, mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không thành công. Do đó, trước lúc đi xa, trong Di chúc của mình, Bác vẫn căn dặn “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”¹⁰.

Với những thành tựu đạt được của 35 năm đổi mới, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: Phấn đấu đến năm 2030 đưa nước ta trở

thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Do đó, Đảng và nhân dân ta cùng một lúc phải thực hiện rất nhiều nhiệm vụ to lớn, đặc biệt là phát triển kinh tế, giải quyết rất nhiều các mối quan hệ phức tạp như mối quan hệ giữa cơ chế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa phát triển nhanh và bền vững, mối quan hệ giữa độc lập tự chủ với mở rộng quan hệ quốc tế, giữa hội nhập quốc tế với giữ vững bản sắc dân tộc. Trong điều kiện của đất nước, vừa phát triển kinh tế, vừa phải chống dịch COVID - 19, một lần nữa học tập, vận dụng tư tưởng của Người về phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện đất nước để chúng ta đồng lòng đồng sức, gắn kết cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ kép. Thấm nhuần tư tưởng của Người, Việt Nam đã phát huy sức mạnh dân tộc là tinh thần đoàn kết dân tộc, truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc, đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị nhằm đưa đất nước vượt qua khó khăn, đạt được những những kết quả khả quan về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Với những tổn thất về con người, kinh tế, chính trị mà COVID-19 đang gây ra cho toàn thế giới, xét điều kiện của đất nước theo tư tưởng của Người, ngay từ đầu công tác ứng phó và chủ động phòng, chống dịch của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị Việt Nam đã vào cuộc với tinh thần “chống dịch như chống giặc”. Từ Công điện số 121/CD-TTg và liên tiếp các ngày 28 và 31/01/2020, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 28/01/2020 “Về việc phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra”, Chỉ thị số 06/CT-TTg, ngày 31/01/2020 “Về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống trước các diễn biến phức tạp mới của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra” đến Thông báo kết luận số 172-TB/TW “Về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19” ngày 21/3/2020,

Bộ Chính trị; Lời kêu gọi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhằm thống nhất ý chí và hành động, phát huy tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, trách nhiệm xã hội, cùng tham gia phòng, chống dịch, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, để bảo đảm chiến thắng đại dịch COVID-19.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế đã trở thành định hướng để phát triển đất nước, đồng thời nhắc nhở Đảng và nhân dân ta phải bình tĩnh, sáng suốt, chăm lo xây dựng chính đôn Đảng, Nhà nước trong sạch vững mạnh, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của toàn dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh dân tộc với quốc tế thì dù khó khăn, thử thách đến bao nhiêu thì “khó khăn nào cũng vượt qua” và sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu như Đảng đã đặt ra và dân tộc giao phó./.

1. “Bài nói tại Hội nghị đại biểu những người tích cực trong phong trào văn hoá quần chúng”, ngày 11 tháng 2 năm 1960.

2. “Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc”, ngày 10 tháng 1 năm 1946.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, H. 1995, t.10, tr.13.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, H. 1995, t.3, tr.431.

5. Ba mươi năm hoạt động của Đảng”, Báo Nhân dân, số 2120, ngày 6 tháng 1 năm 1960.

6. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, H. 1995, t.3, tr.277.

7. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.2000, tr.159.

8. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.2000, tr.258.

9. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.2000, tr.110.

10. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.2000, tr.504.

Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nước ta trong giai đoạn hiện nay có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi, thông qua nâng cao năng lực này không chỉ góp phần giáo

hợp, hệ thống, có tầm nhìn xa trông rộng, có tính dự báo, thấy được xu thế phát triển và hướng tới các phương án thực hiện tối ưu.

Năng lực tư duy chiến lược, và nâng cao năng lực tư duy chiến lược.

VAI TRÒ CỦA VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY CHIẾN LƯỢC CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH, THÀNH Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Trần Thiên Tú

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

dục, bồi dưỡng, rèn luyện, trau dồi về năng lực, phương pháp tác phong công tác, đạo đức, lối sống mà còn nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ nói chung và cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành nói riêng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đồng thời, thông qua nâng cao năng lực này còn giúp cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành có tầm nhìn chiến lược, hoạch định nhiều bước đi của tỉnh trong tương lai gần và xa, thực hiện thắng lợi những đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Tư duy chiến lược được hiểu là một loại hình của tư duy ở cấp độ cao của con người. Tư duy chiến lược phản ánh được bản chất, quy luật, xu hướng vận động của hiện thực khách quan, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, có tính sáng tạo, từ đó đưa ra những dự báo, định hướng đúng để đạt mục tiêu chiến lược trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, phù hợp với quy luật phát triển của khách quan.

Tư duy chiến lược ngày càng trở nên cần thiết đối với con người và đặc biệt không thể thiếu đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành bởi sản phẩm của tư duy chiến lược của họ không thuần túy phục vụ cho những mục tiêu cá nhân, trong phạm vi nhỏ hẹp mà nó có ảnh hưởng tới sự phát triển của cộng đồng, của địa phương, đơn vị họ đang công tác. Tư duy chiến lược của người cán bộ chủ chốt thể hiện những đặc trưng cơ bản gắn với hoạt động lãnh đạo, quản lý, nó mang tính tổng

Năng lực (competency) được hiểu là trình độ, kỹ năng, khả năng và hành vi mà con người cần phải có để đáp ứng yêu cầu công việc, và là yếu tố giúp một cá nhân làm việc hiệu quả hơn so với những người khác. Năng lực tư duy chiến lược bao gồm cả trình độ tư duy chiến lược và các kỹ năng, khả năng vận dụng trình độ đó vào thực tiễn thông qua các hành vi của con người.

Theo nghĩa đó, nâng cao năng lực tư duy chiến lược chính là quá trình đưa trình độ lẫn kỹ năng, khả năng tư duy chiến lược lên một tầm cao mới, đáp ứng những nhu cầu do thực tiễn đặt ra. Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nước ta hiện nay là tổng thể những cách thức, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, cơ quan, ban ngành Trung ương nhằm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành toàn diện về mọi mặt để nâng cao tầm nhìn xa trông rộng của tư duy; nâng cao tính sáng tạo của tư duy; nâng cao tư duy dự báo xu hướng vận động của sự vật, hiện tượng và nâng cao khả năng và kỹ năng vận dụng trình độ tư duy chiến lược vào thực tiễn.

Tầm quan trọng của nâng cao năng lực tư duy chiến lược đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành

Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành được hiểu là những người đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong bộ máy Đảng và hành chính Nhà nước ở mỗi địa phương. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành có trách nhiệm đề ra những phương hướng, chủ trương, quyết

định có tính chiến lược về đơn vị mình phụ trách. Họ còn là người dẫn dắt, tổ chức đơn vị, phong trào theo hướng đi cụ thể, điều chỉnh những quyết định phù hợp với sự thay đổi của điều kiện khách quan, kiểm tra việc thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Như vậy, những hoạt động của lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt đều cần đến năng lực tư duy chiến lược.

Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay có vai trò hết sức quan trọng. *Trước hết*, giúp cán bộ có tầm nhìn xa, trông rộng trong hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. *Thứ hai*, giúp cán bộ xác định được khuynh hướng vận động của thực tiễn, dự báo được các tình huống xảy ra, chủ động có các phương án dự phòng. *Thứ ba*, giúp cán bộ xây dựng được tầm nhìn chiến lược phát triển cho địa phương.

Thực trạng năng lực tư duy chiến lược của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay.

Trong những năm vừa qua, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nói riêng. Năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành được nâng cao cả về mọi mặt, nhất là về tư duy lý luận chính trị. Nhiều cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành đã mạnh dạn dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về hành động, việc làm của mình. Đặc biệt, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên đã đạt được những kết quả quan trọng, có tác dụng cổ vũ, động viên mọi người vững tin vào chế độ, vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, điều hành của Chính phủ.

Tuy nhiên, việc nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nước ta vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Đó là, một số cán bộ còn thiếu nhìn xa, trông rộng trong xây dựng chiến lược phát triển của địa phương, chưa đưa ra được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tổ chức phù

hợp, đánh thức, khơi dậy nguồn lực của địa phương mình; còn bị động, lúng túng trong công việc hay trong giải quyết các mối quan hệ trước diễn biến của thực tiễn; có biểu hiện chỉ nhìn thấy trước mắt, không thấy lâu dài, năng lực dự báo, phát hiện xu hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở hiện tượng, chưa đi vào chiều sâu; không xây dựng được tầm nhìn chiến lược cho địa phương, một số cán bộ có biểu hiện chủ nghĩa kinh nghiệm, duy ý chí, thiếu tính thực tiễn, hô hào khẩu hiệu suông, khả năng hoạch định đường lối phát triển kinh tế, xã hội còn yếu; tư duy nhiệm kỳ vẫn tồn tại trong suy nghĩ và hành động của một số cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành.

Nghị quyết 26-NQ/TW về công tác cán bộ của Đảng đã chỉ rõ: Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vương vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Trước sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành nói riêng không chỉ có năng lực tư duy chiến lược mà còn phải có khả năng áp dụng công nghệ thông tin để nắm bắt, xử lý mọi việc một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả.

Để nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nước ta hiện nay cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo cán bộ nói chung, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành nói riêng theo hướng nâng cao năng lực tư duy chiến lược.

Về nội dung tập trung vào những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, những vấn đề mà cán bộ, đảng viên còn thiếu, còn yếu như: Khả năng vận dụng lý luận đã học được vào giải quyết một vấn đề do thực tiễn đặt ra; tác phong gần gũi, chân thành gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng nhân dân; việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương, phong cách Hồ

Chí Minh đối với cán bộ, đảng viên... Thực tế chỉ ra rằng, nội dung, chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành nói riêng hiện nay nặng về lý luận, kiến thức và tổng quan. Phần nói về thực trạng của địa phương thì còn rất ít, kỹ năng giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống chiếm dung lượng nhỏ, rất sơ sài, mang tính chung chung, thậm trí có giáo điều xơ cứng; báo cáo viên thì hạn chế về kiến thức thực tiễn, chủ yếu nói kiến thức về lý luận, trong khi đó, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành là những người đang công tác, đương chức rất cần đến thực tế thì báo cáo viên lại không đề cập mấy. Vấn đề đặt ra ở đây, gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn, bồi dưỡng những vấn đề thiết yếu phục vụ cho công việc và cuộc sống của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành; xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cần tăng cường phần nội dung về tình hình, nhiệm vụ cụ thể của ngành, địa phương; tăng phần kiến thức về kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tế trong các lĩnh vực công tác; giảm những nội dung lý luận chung, trừu tượng, trùng lặp trong nhiều chương trình đào tạo; cần bồi dưỡng cho họ nguyên tắc phát triển của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Bên cạnh đó, cần học hỏi tư duy nhìn xa, trông rộng của cha ông trong lịch sử đi liền học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong đào tạo cán bộ, v.v. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“học cốt để mà làm. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích. Vì vậy huấn luyện phải thiết thực, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay”* (1). Về hình thức, phương pháp cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn mà cơ quan, đơn vị, địa phương đặt ra. Kết hợp chặt chẽ phương pháp truyền thống với hiện đại, cập nhật những thông tin mới vào bài giảng. Thông qua tổ chức những lớp đào tạo, bồi dưỡng để truyền đạt những nội dung trên, thông qua sinh hoạt chi bộ, giao ban, hội ý, hội thi, hội thảo để lồng ghép các nội dung vào với nhau

Hai là, lựa chọn, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán

bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành phải bảo đảm về chất lượng.

Đây là vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển hay giậm chân tại chỗ của cơ quan, đơn vị, địa phương đó. Ngay từ khâu đầu tiên, cần lựa chọn người thực sự có năng lực, ý thức kỷ luật cao và phẩm chất đạo đức tốt, sau đó sắp xếp, bố trí ở bộ phận phù hợp để họ phát huy được sở trường, thế mạnh của mình, đồng thời sẵn sàng nhận nhiệm vụ và hoàn thành theo chỉ đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực”* (2). Tổng Bí thư, Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: *Nếu chọn đúng người thì đất nước phát triển, nhân dân được nhờ. Trong quá trình đánh giá, cần nhắc cán bộ tạo nguồn phải nhìn được chiều hướng phát triển của họ, lấy năng lực làm việc, phẩm chất về đạo đức, lối sống làm tiêu chí hàng đầu để đào tạo, bồi dưỡng. Tuyệt đối không được lựa chọn theo cảm tính, theo kiểu yêu, ghét.*

Ba là, thực hiện luân chuyển cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành ở nhiều môi trường khác nhau.

Thông qua hoạt động thực tiễn công tác ở nhiều môi trường khác nhau, nhất là ở nơi gian khó, phức tạp sẽ giúp cán bộ chủ chốt có thêm kinh nghiệm, bài học trong xử lý, giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các trường hợp phát sinh trong công việc. Hiểu được quan điểm của Đảng về thực hiện luân chuyển cán bộ ở những vị trí chủ chốt là để phục vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân, tuyệt đối không được có suy nghĩ trục lợi cá nhân hoặc có vấn đề bất thường gì về năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống bị điều chuyển đi nơi khác. Theo đó, việc thực hiện luân chuyển cán bộ phải bảo đảm khách quan, dân chủ, công bằng, là tiêu chí quan trọng để đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ. Thường xuyên kiểm tra cán bộ được luân chuyển đến vị trí mới, lấy hiệu quả công việc của cán bộ được luân chuyển để xem xét, bố trí, sử dụng trong thời gian tới. Phát huy vai trò, nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khi cân nhắc, bố trí cán bộ luân chuyển; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành liên

quan khi thực hiện luân chuyển cán bộ.

Bốn là, đề cao tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu khi giới thiệu cán bộ vào vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành.

Ở bất kỳ giai đoạn, thời điểm nào của cách mạng tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ là người lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương mình hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, mà còn quyết định đến tương lai, chiều hướng phát triển một cách ổn định, bền vững ở cơ quan, đơn vị, địa phương đó. Tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu khi giới thiệu cán bộ vào vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành được biểu hiện thông qua các mối quan hệ công tác hàng ngày, giao nhiệm vụ của cấp trên đối với cán bộ được giới thiệu, thông qua ứng xử, giao tiếp, đặc biệt phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ. Tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu khi giới thiệu cán bộ vào vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành càng cao thì việc lựa chọn, tìm ra những cán bộ năng lực, tâm huyết, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân càng chính xác bấy nhiêu. Vì vậy, tinh thần, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu khi giới thiệu cán bộ, đảng viên vào vị trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh cần đặc biệt đề cao. Không nhìn bề ngoài để đánh giá, giới thiệu, mà nhìn vào chất lượng công việc, sự tin nhiệm của mọi người xung quanh để giới thiệu. Phải thật sự cẩn trọng, tinh tế trong xem xét, đánh giá quá trình công tác, giải quyết các mối quan hệ ở cả quá khứ, hiện tại và tương lai, lấy sự trong sáng về đạo đức, lối sống, phương pháp, tác phong làm việc làm thước đo. Tuyệt nhiên, không được lòng ý kiến cá nhân chủ quan theo kiểu yêu, ghét, thích ai thì giới thiệu, không thích ai thì không giới thiệu, để bạt.

Năm là, phát huy tính tích cực, chủ động trong tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực tư duy chiến lược của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành.

V.I.Lênin chỉ rõ: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ “nếu” này. Nếu

chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ” (3). Mỗi cán bộ, đảng viên cần ra sức phấn đấu học tập, rèn luyện mọi lúc, mọi nơi, phát huy tốt những truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Đề cao tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, khiêm tốn, giản dị trong sinh hoạt, sống chan hòa, trọng nghĩa tình, giữ vững bản lĩnh chính trị dù ở vị trí công tác hay hoàn cảnh nào. Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của đồng chí, đồng đội và nhân dân, thường xuyên tham gia vào hoạt động thực tiễn ở cơ sở để được trải nghiệm, thấu hiểu những nỗi khổ, khó khăn của nhân dân. Lời nói và hành động luôn nhất quán, gương mẫu trong thực hiện những quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đó chính là chìa khóa của sự thành công mà mỗi cán bộ, đảng viên phải khắc cốt, ghi tâm không chỉ ở thời điểm công tác mà đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “*Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân*” (4). Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hãy không ngừng tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện mọi lúc, mọi nơi, đó là cách tốt nhất để nâng cao năng lực tư duy chiến lược và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng./.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.343.

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.321.

3. V.I. Lênin toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.42, 311.

4. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.557-558.

VĂN HÓA TRƯỜNG ĐẢNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Trần Đức Dương
Phó trưởng Phòng TC,HC,TT,TL



Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Tết cổ truyền Bun Pi May cho học viên Lào khoá X. Ảnh: TL.

Văn hóa trường Đảng là phạm trù văn hóa tổ chức của cơ quan đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Văn hóa trường Đảng là toàn bộ kiến thức, tri thức, kinh nghiệm mà đội ngũ cán bộ, giảng viên nghiên cứu, tổng kết và truyền đạt đến học viên; được tạo nên bởi sự bồi đắp, chia sẻ những giá trị mang tính chuẩn mực về tri thức, niềm tin, lý tưởng, hành động, đạo đức,.. được đội ngũ công chức, viên chức thừa nhận và làm theo nhằm: “Giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn

hóa Trường Đảng: Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; cống hiến trong thực thi công vụ; cầu thị, sáng tạo, chất lượng trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; kỷ cương nơi công sở; văn minh trong ứng xử”. (Nghị quyết TW4, Khóa XII của Đảng).

Xây dựng văn hóa trường Đảng là việc vun đắp, phát huy những giá trị của văn hóa Đảng trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hệ thống trường chính trị ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là trường Đảng), trong đó có Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị.

Với nguyện vọng và tâm huyết thực hiện văn hóa Đảng từ chính các thầy, cô giáo, cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên trường Đảng từ Trung ương tới các địa phương trong cả nước, ngày 26/10/2017, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định 5029/QĐ-HVCTQG “Quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Việc xây dựng văn hóa trường Đảng, đặc biệt là xây dựng phong cách ứng xử trong mối quan hệ giữa thầy với trò, giữa đồng chí, đồng nghiệp, giữa đội ngũ cán bộ, đảng viên với tư cách là học viên khi tham gia học tập, rèn luyện trong hệ thống trường chính trị là vấn đề có tính chiến lược, ý nghĩa giáo dục và nhân văn sâu sắc.

Giá trị văn hóa Trường Đảng ngày càng được lan tỏa, nhân rộng không chỉ trong phạm vi hệ thống Trường Đảng mà có thể nói, nó ảnh hưởng tới cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chính vì vậy, thuật ngữ “văn hóa Trường Đảng”, “bản sắc Trường Đảng” xuất hiện với tần suất ngày càng nhiều hơn trong các diễn ngôn của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, trong các giảng viên và học viên Trường Đảng.

Văn hóa công sở nói chung, văn hóa hệ thống Trường Đảng nói riêng có mức độ ảnh hưởng tới sự phát triển của một cơ quan, đơn vị và đôi khi sẽ trở thành một tập tục, một thói quen của một tập thể. Văn hóa Trường Đảng không phải là một công sở có đầy đủ tiện nghi, vật dụng hiện đại, lại càng không phải là một trụ sở được xây dựng khang trang, hoành tráng, nằm ở mặt tiền, vị trí đất đỏ... Văn hóa Trường Đảng chính là hành vi ứng xử phù hợp, hài hòa của người cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán

bộ phục vụ và học viên trong các mối tương tác, hỗ trợ, mà ở đó việc kiểm soát hành vi của các chủ thể bằng các chuẩn mực, thủ tục, quy trình, quy tắc, nội quy, quy chế, góp phần làm hạn chế tiêu cực, giúp công tác đào tạo, bồi dưỡng đạt hiệu quả, chất lượng. Vì vậy, việc xây dựng văn hóa Trường Đảng hiện nay là việc làm hết sức cần thiết.

Để thực hiện tốt những quy định về văn hóa ứng xử trong trường Đảng gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ là những nội dung rất quan trọng nhằm thực hiện tiêu chí Trường Chính trị chuẩn, thể hiện sự mẫu mực của người thầy, sự tiên phong gương mẫu của những người trò là cán bộ đương chức và dự nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, làm sáng đẹp hơn nữa tính Đảng, tính chính trị, tính ưu việt hơn hẳn của Trường Đảng – Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị - Mái trường được vinh dự mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến, theo tôi cần thực hiện tốt việc ứng xử văn hóa Trường Đảng và văn hóa công sở Trường Đảng với các nội dung cụ thể sau:

1. Xây dựng văn hóa ứng xử trong Trường Đảng

Ứng xử văn hóa được hiểu là cách cư xử, trò chuyện, giao tiếp, bàn bạc, trao đổi, phối hợp với nhau trong thực thi công vụ, trong giao tiếp và trong cuộc sống đời thường hằng ngày.

Ứng xử văn hóa là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh - một tấm gương lớn về ứng xử văn hóa. Với mỗi một đối tượng, lứa tuổi, ngành nghề, dân tộc, tôn giáo, Người đều có lời dạy, chỉ dẫn ân cần. Với thiếu nhi, Người thường nhắc nhở phải chăm ngoan, kính thầy, yêu bạn; với bộ đội, thì trung với Đảng, hiếu với dân; với công an: kính trọng dân; cán bộ Nhà nước: đức độ với dân... Tất cả đều là lối ứng xử có văn hóa.

Với đặc trưng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của tỉnh; đồng thời là trường chính trị đi đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của hai tỉnh Savannakhet và Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (đã đào tạo 10 lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính với 430 học viên và sẽ còn đào tạo trong những năm tiếp theo) thì việc ứng xử có văn hóa không chỉ có sức lan tỏa trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại Nhà trường, trong tỉnh mà còn là “hình ảnh” của con người, văn hóa của Quảng Trị nói riêng và Việt Nam nói chung.

Do vậy, cách ứng xử phải vừa phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển, đồng thời phải có phong cách ứng xử chuẩn mực của người cán bộ, của người học viên trong công tác, trong học tập và làm việc; xây dựng môi trường làm việc, học tập chuyên nghiệp, dân chủ, văn minh, hiện đại, gương mẫu, khoa học và nhân văn. Văn hóa ứng xử cần căn cứ vào vị trí, nhiệm vụ mà mỗi người đảm trách và mối quan hệ tương tác trong công việc.

Giá trị của văn hóa Trường Đảng được biểu hiện khá đa dạng, được cụ thể hóa thành các chuẩn mực, quy tắc trong ứng xử với công việc, với đồng nghiệp, học viên, giữa

cấp trên với cấp dưới, giữa Nhà trường với các cơ quan, đơn vị, với xã hội và nhân dân. Một trong những đặc trưng riêng của Trường Đảng, đa số học viên là cán bộ giữ những vị trí lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị hoặc được quy hoạch vào những vị trí lãnh đạo, quản lý. Họ có chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ và kinh nghiệm thực tiễn nên trong ứng xử với công việc học tập, nghiên cứu là sự tự giác và tinh thần kỷ luật cao. Trong mối tương tác giữa giảng viên – học viên là sự đối thoại, trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra. Do đó, xây dựng văn hóa ứng xử ở Trường Đảng cần lưu ý đến các vấn đề sau:

Thứ nhất, ứng xử văn hóa của đội ngũ cán bộ tham mưu, lãnh đạo, quản lý.

Đối với công việc: Có trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong điều hành; đặt lợi ích tập thể lên lợi ích cá nhân; không ngừng nghiên cứu học hỏi, tích lũy tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chịu trách nhiệm về lĩnh vực mà mình được phân công phụ trách.

Đối với cấp trên: Phải trung thực, khách quan trong báo cáo; tôn trọng và chấp hành sự phân công của lãnh đạo; đề xuất, đóng góp ý kiến và tham mưu hiệu quả đối với lĩnh vực mình đảm trách.

Đối với cấp dưới: Phải bao dung, tôn trọng, gương mẫu về đạo đức lối sống; dân chủ, bình đẳng, không phân biệt đối xử; bố trí, sắp xếp, giao nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát công việc và đánh giá khách quan việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Thứ hai, ứng xử văn hóa trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giữa các phòng, khoa và các cá nhân.

Trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ, các phòng, khoa cần phối hợp một cách khoa học, chặt chẽ, đặt lợi ích chung của Nhà trường lên hàng đầu. Trong phối hợp, phải hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đơn vị nào được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì đơn vị đó phải chủ động sắp xếp, gập gỡ bàn bạc, trao đổi và thống nhất công việc với đơn vị phối hợp.

Việc không tôn trọng hoặc xem nhẹ kết quả làm việc giữa các cá nhân được phân công nhiệm vụ chung là một trong những thực tế tồn tại trong không ít công sở hiện nay. Họ cho rằng, người được phân công thực hiện công việc dù có chức vụ, có năng lực, có chuyên môn tốt, nhưng không phải là lãnh đạo trực tiếp của mình, không làm chung bộ phận thì không được góp ý, chỉ dẫn mình; có trường hợp khi lãnh đạo mới dự kiến phân công công việc, chưa trao đổi, bàn bạc thống nhất với nhau, chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền nhưng đã tung tin rồi thắc mắc, khiếu nại... gây sự mâu thuẫn trong phối hợp thực hiện.

Khổng Tử đã từng nói, xã hội loạn lạc do Danh - Thực rối loạn, dẫn đến xã hội xa rời đạo lý và nhân nghĩa. Ông cho rằng phải giáo hoá đạo đức và thực hiện chủ nghĩa “chính danh, định phận”. Chính danh là làm việc cho ngay thẳng; chính danh thì người nào có địa vị, bổn phận chính đáng của người ấy; danh không chính thì ngôn không thuận; ngôn không thuận thì việc không thành.

Tại điểm a, mục 3 của Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ có quy định: “Trong thực thi nhiệm vụ, công vụ phải tuân thủ tính thứ bậc, kỷ cương và trật tự hành chính, đúng thẩm quyền”. Ông cha ta cũng từng nói “Quốc có quốc pháp, gia có gia quy”. Vì vậy, từ cán bộ lãnh đạo, quản

lý cho đến toàn thể viên chức, người lao động, ai cũng xác định đúng chức trách, nhiệm vụ, xác định đúng chức phận của mình, tuân thủ tính thứ bậc, kỷ cương, biết tôn trọng người phối hợp thực hiện nhiệm vụ, thẳng thắn bàn bạc, trao đổi và thống nhất công việc thì chắc chắn cơ quan, đơn vị ít xáo trộn, ít chia rẽ, ít bè cánh và không mất đoàn kết nội bộ.

Thứ ba, ứng xử văn hóa trong phát ngôn, trong giao tiếp.

Người xưa có câu: “Ngôn là người”. Ngôn ở đây không chỉ hiểu là giọng nói mà còn là cách nói, kiểu nói, cung cách trò chuyện. “Lời ăn tiếng nói” trong cuộc sống là những gì rất bình dị như cơm ăn, áo mặc hằng ngày. Nhưng nói làm sao cho hay, cho đẹp, có lễ nghĩa, có văn hóa là điều cần có sự rèn luyện và tu dưỡng của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân phải học. Những thứ tưởng chừng như quá quen thuộc không cần phải học, nhưng cũng cần phải học, “học ăn, học nói, học gói, học mở”; học ở sách vở, ở mọi người, ở cuộc sống. Hiện nay, ở không ít công sở vẫn còn thấy “sự dễ dãi” trong “lời ăn tiếng nói”, nói trống không, cộc lốc, nói quá to, lời lẽ thô tục, nóng nảy, trước mặt thì dạ thưa, sau lưng lại chì chiết và văng tục... Lại có nhiều người hay đem việc cá nhân vào trong công việc, nên thường hay thiếu sự điềm tĩnh, nóng giận, cáu gắt, quát nạt đồng nghiệp và cấp dưới, thậm chí quát cả người trên cấp bậc của mình. Thái độ cáu gắt, khó chịu đó làm cho mọi người không thiện cảm, không dám lại gần. Cuộc sống sẽ tươi đẹp và có giá trị biết bao nếu chúng ta nở một nụ cười và bắt đầu giao tiếp bằng một nụ cười, nó sẽ là một sự khởi đầu và là ấn tượng tốt đẹp. Nụ cười được xem là một trong những nghệ thuật giao tiếp phi ngôn ngữ nơi công sở, nó còn là “thang thuốc bổ” để nuôi dưỡng cơ thể con người. “Cười”

ở đây không phải là cười hô hô, ha ha, “giả dối” mà là nụ cười thân thiện, cởi mở, chân thành, bao dung. Nếu được như vậy sẽ có tác động tích cực, cải thiện được những hạn chế trong văn hóa ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cuộc sống hiện đại không đòi hỏi con người phải giữ những nghi lễ quá khắt khe kiểu phong kiến xưa, tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là phát ngôn tự do bừa bãi, không có lễ thói, không có lớn nhỏ, trên dưới, không có chuẩn mực đạo đức, dẫn đến vi phạm những quy tắc cơ bản thông thường trong giao tiếp ứng xử. Do vậy, cán bộ, viên chức và học viên Trường Đảng cần thực hiện nghiêm túc kỷ luật phát ngôn và văn hóa, văn minh ứng xử.

Thứ tư, ứng xử văn hóa giữa giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phục vụ với học viên và ngược lại.

Giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phục vụ và học viên là những chủ thể không thể thiếu, có ảnh hưởng, tác động lẫn nhau theo hai chiều tích cực và tiêu cực. Nếu không có đội ngũ giảng viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp tốt, phục vụ chu đáo thì khó có được học viên giỏi, tốt; ngược lại, hành vi, thái độ của học viên sẽ tác động đến giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, phục vụ, nhất là khi giảng viên thực hiện phương pháp giảng dạy tích cực, nâng cao chất lượng quản lý đào tạo, lấy người học làm trung tâm và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

Học viên Trường Đảng là người có chức vụ hoặc quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể; họ là người có năng lực, trình độ nhất định; có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác; một số học viên có học vị bằng hoặc

cao hơn giảng viên; mục đích, thái độ học tập của học viên khác nhau; độ tuổi của học viên không đồng đều, một số học viên tuổi đời cao hơn giảng viên. Thực tế, ở một số nơi có trường hợp học viên đi học “mang chức vụ công tác” vào trường, quen làm lãnh đạo, thể hiện mình ở vị trí cao hơn giảng viên, từ đó có thái độ không đúng mực đối với giảng viên... Ngược lại, cũng có trường hợp giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp lớp quát nạt, hạch sách học viên, lạnh lùng, xa cách, xem thường học viên...

Vì vậy, giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phục vụ khi ứng xử với học viên phải có thái độ lịch sự, đúng mực trong giao tiếp, tôn trọng ý kiến của học viên; là tấm gương về đạo đức cách mạng, về lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị, về kiến thức, về tác phong, về phương pháp... Giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp phải công bằng, công tâm, không phân biệt đối xử; tác phong phải thể hiện tính mô phạm; chủ động cập nhật kiến thức mới, không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thể hiện tính hòa đồng, hòa nhã; nghiêm khắc nhưng không lạnh lùng, xa cách; không gọi ý học viên tặng quà với bất kỳ hình thức nào; thực hiện nghiêm kỷ luật phát ngôn; chống lại những lời nói và việc làm sai trái, xuyên tạc, phản động; luôn có ý thức giữ gìn uy tín, danh dự của cơ quan, đơn vị và bản thân.

Về phía học viên, phải có thái độ đúng mực trong giao tiếp, ứng xử, tôn trọng giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phục vụ; cầu thị trong trao đổi ý kiến, thảo luận trên lớp, không dùng quà tặng để mưu cầu lợi ích cho cá nhân, tập thể.

Cán bộ, giảng viên, viên chức Trường Đảng đối với học viên phải lịch sự, đúng mực khi giao tiếp, tôn trọng và lắng nghe ý kiến

của học viên. Học viên đối với cán bộ, giảng viên, viên chức Trường Đảng cũng phải lịch sử, tôn trọng, lễ độ và hợp tác.

2. *Xây dựng văn hóa công sở Trường Đảng*

Thứ nhất, xây dựng môi trường làm việc và học tập.

Trường Đảng là nơi hội tụ và lan tỏa những giá trị tư tưởng của Đảng, Nhà nước, là nơi có và cần phải có những người thầy đáng kính, những nhà khoa học mẫu mực. Trường Đảng với những thế hệ học viên, những cán bộ, đảng viên gương mẫu, được Đảng tin tưởng phân công, giao đảm nhận những vị trí quan trọng, được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị, cập nhật bổ sung kiến thức mới. Thực tế cho thấy, thời gian chúng ta đi làm tiếp xúc với đồng nghiệp đôi khi còn nhiều hơn cả người thân gia đình. Do vậy, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với đồng nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết. Luôn giữ vững nguyên tắc “lấy công việc làm trọng”, không để những việc vặt vãnh cá nhân ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Sẽ không thể có một Trường Đảng văn hóa, Trường chính trị chuẩn nếu trong nội bộ luôn tồn tại những căng thẳng, soi xét lẫn nhau; cấp dưới nghi ngờ cấp trên; cấp trên đề phòng cấp dưới; phòng, khoa tụ tập, gây bè cánh, chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể, thấy lợi cho mình thì im lặng, lợi cho người khác thì xăm soi; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình. Đó là những biểu hiện và nguyên nhân của sự tiêu cực gây chia rẽ khối đoàn kết, nên cần phải loại trừ tận gốc rễ.

Đối với lớp học ở một Trường Đảng, không thể là văn hóa, nếu không khí lớp học luôn căng thẳng, mệt mỏi, thiếu sự tương tác; thầy cứ giảng, học viên thì nói chuyện, chat,

lên mạng... Nếu không khí lớp học được cởi mở, sôi động, chia sẻ, gắn kết sẽ khơi nguồn được sự sáng tạo của các thành viên trong lớp; ngược lại, nếu bầu không khí nặng nề, căng thẳng sẽ là rào cản tạo nên một lớp học hiệu quả, chất lượng của một Trường Đảng mẫu mực.

Thứ hai, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp.

Trường Đảng cần thiết phải có một đội ngũ làm việc chuyên nghiệp, có sự hiểu biết rộng, giỏi chuyên môn, tham mưu hiệu quả, làm việc sáng tạo, toàn tâm, toàn ý để hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Người giảng viên phải giỏi lý luận, có vốn thực tiễn phong phú, kiến thức sâu, rộng, phương pháp lôi cuốn; giáo viên chủ nhiệm lớp phải thạo nội quy, quy chế, có phương pháp làm việc khoa học, phải trung thực, khách quan, nhiệt tình và trách nhiệm; người cán bộ phục vụ phải ân cần, chu đáo, mẫn cán trong công việc.

Phong cách làm việc chuyên nghiệp còn là cách phối hợp, điều tiết công việc phù hợp với tiến độ và môi trường xung quanh để tạo nên hiệu quả tốt nhất; tác phong làm việc cũng phải năng động, khoa học; phải chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử; có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia các hoạt động; phải biết làm việc hết sức, làm hăng say và cống hiến hết mình.

Thứ ba, văn hóa về tự phê bình và phê bình trong Trường Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi tự phê bình và phê bình là thứ “vũ khí thần diệu” để Đảng thường xuyên trong sạch, vững mạnh. Đảng ta đã nhận định: “Tự phê bình và phê bình nhiều nơi mang tính hình thức; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết

điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao”. Nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, Đảng ta cũng xác định: “Trong tự phê bình còn giấu giếm, không dám nhận khuyết điểm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng”.

Do vậy, là cán bộ, giảng viên Trường Đảng phải tuân thủ nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Mấu chốt của tự phê bình và phê bình là “phê bình việc, chứ không phê bình người” để giúp nhau tiến bộ; phê bình tránh tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, mượn phê bình để lấy lòng nhau; phê bình phải tôn trọng thực tế khách quan, công tâm, thẳng thắn, không nghi ngờ, vội vàng quy kết cho đồng chí mình, đừng vì thích thì tốt, không thích và trái ý mình thì xấu, thì sai; phê bình phải công khai, tránh tình trạng trước mặt thì không nói nhưng lại soi mói sau lưng; phê bình cũng giống như chữa bệnh cứu người, cho nên phải chân thành, tế nhị, phải thân ái trên tinh thần đồng chí, đồng nghiệp. Tự phê bình và phê bình phải thường xuyên như “rửa mặt hàng ngày”.

Thứ tư, văn hóa về trang phục trong Trường Đảng.

Bên cạnh vẻ đẹp về tâm hồn thì hình thức cũng góp phần đáng kể nhằm tôn vinh vẻ đẹp và phẩm chất của một con người. Giao tiếp không chỉ dừng ở lời ăn tiếng nói mà còn thể hiện thông qua trang phục hàng ngày.

Cổ nhân có câu “y phục xứng kì đức”, có nghĩa là mình phải ăn mặc sao cho thích hợp với công việc và môi trường mình ở, nơi

mình đến, “trang phục phải có chủ đề”. Như vậy, việc chọn lựa y phục cũng rất quan trọng và nên có sự hiểu biết về nó, vì nó nói lên trình độ văn hóa của người đó. Trang phục công sở phải kín đáo, gọn gàng, thanh thoát, lịch lãm sẽ khiến chúng ta tự tin trong giao tiếp, chiếm được thiện cảm của người khác. Trang phục công sở ở Trường Đảng đòi hỏi khắt khe hơn những nơi khác, bởi đây là nơi thể hiện một phong thái lịch sự, trang nhã của người cán bộ, giảng viên Trường Đảng.

Về phía học viên Trường Đảng, cần ăn mặc lịch sự, kín đáo, phải thể hiện sự tôn trọng bản thân, thầy cô và những người xung quanh, ngoài yếu tố đẹp, còn phải mang đến sự thoải mái và tiện lợi khi đi học.

Tóm lại, xây dựng văn hóa Trường Đảng nói chung và văn hóa tại Trường Chính trị Lê Duẩn nói riêng là một trong những nội dung quan trọng để góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà trường đạt trường chính trị chuẩn. Để đạt được mục tiêu đó thì việc nâng cao nhận thức và giáo dục văn hóa Trường Đảng, lối sống chấp hành pháp luật, quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động trong Trường Đảng hiện nay là rất cần thiết. Đồng thời, để các giá trị văn hóa Trường Đảng được phát huy hiệu quả đòi hỏi phải có một cơ sở vật chất tương xứng với chức năng, nhiệm vụ của Trường Đảng. Trường Đảng cần được đầu tư xứng đáng để hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin, cảnh quan môi trường, các thiết chế văn hóa, thể thao xứng tầm một trung tâm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của tỉnh nhà nhằm góp phần xây dựng một Trường Đảng chuẩn mực, đoàn kết, gương mẫu, uy tín, chất lượng, văn minh và hiện đại./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

về Nhà nước Pháp quyền

ThS. Trần Hữu Hòa

Phó trưởng Phòng TC,HC,TT,TL

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Tư tưởng về Nhà nước của Người thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân, nhân dân là chủ thể của Nhà nước, tất cả các lợi ích đều thuộc về nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, Hồ Chí Minh đã thực hiện xây dựng nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

Một là, Nhà nước pháp quyền trước hết phải là một nhà nước hợp pháp và hợp hiến.

Nhà nước hợp pháp là nhà nước do nhân dân bầu ra, sau khi giành được chính quyền trong cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc Bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới về sự khai sinh ra nước Việt Nam mới. Tiếp đó, ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (3/9/1945), trong sáu nhiệm vụ cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nhiệm vụ thứ ba: Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Ngày 17/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ấn định thể lệ tổng tuyển cử. Người khẳng định: Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa

chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì có quyền đi bầu cử... Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân. Điều đó thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân, quyền lực của Nhân dân là tối thượng. Điều 1 Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định: *“Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”*. Mặc dù những khó khăn dồn dập do thù trong, giặc ngoài gây ra, cuộc tổng tuyển cử đã được tiến hành vào ngày 06/01/1946 với hơn 90% cử tri cả nước đi bỏ phiếu và đã bầu ra được 333 đại biểu đã trúng cử. Quốc hội mới họp phiên đầu tiên ngày 02/03/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc thành lập ban soạn thảo Hiến pháp. Ngày 20/9/1945, Người đã ký Sắc lệnh số 34 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để chuẩn bị đệ trình Quốc hội, ủy ban gồm 7 vị, do Người làm Trưởng ban. Bản Hiến pháp được thông qua vào tháng 11 năm 1946. Đây thực sự là một Hiến pháp dân chủ, đảm bảo tính

hợp hiến và hợp pháp của nhà nước kiểu mới. Nhiều quan điểm của Hiến pháp 1946 vẫn được quán triệt lại trong Hiến pháp 1992 và Hiến pháp năm 2013.

Hai là, Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội bằng công cụ pháp luật. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, khi đưa ra bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đòi thực dân Pháp phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, phải bãi bỏ các chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật. Trong *Việt Nam yêu cầu ca*, Người đã nhấn mạnh: “Bây xin Hiến pháp ban hành, trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Theo Hồ Chí Minh, nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, song đó phải là pháp luật mang tính dân chủ, thể hiện được lợi ích của số đông. Người cho rằng, pháp luật của chúng ta là ý chí của giai cấp công nhân. Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Nhân dân ta hiện nay có tự do nhưng tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do riêng của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. “Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức mà phạm đến tự do của người khác là phạm pháp.¹ Người cũng rất quan tâm sửa sang pháp luật và luôn nhắc nhở cơ quan nhà nước phải chú ý lo việc sửa đổi, bổ sung các đạo luật cho ngày càng hoàn chỉnh hơn, phù hợp hơn với điều kiện, hoàn cảnh mới phát sinh.

Ba là, yêu cầu tính chất nghiêm minh và hiệu lực pháp luật của Nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh tất cả mọi công dân

được bình đẳng trước pháp luật cả về quyền lợi và nghĩa vụ, ai vi phạm đều bị xử lý nghiêm khắc, cho dù người đó là ai. Trong thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các anh là người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”². Hồ Chí Minh rất không hài lòng trước việc pháp luật của ta không được thực hiện nghiêm minh, xét xử thiếu công bằng, “thường có khi quá rộng mà phạt thì không nghiêm” lẫn lộn giữa công và tội. Có công thì được thưởng, có tội thì phạt, “không vì công mà quên lỗi, vì lỗi mà quên công”³. Đồng thời, Hồ Chí Minh khẳng định: Pháp luật muốn nghiêm, có hiệu lực phải đúng, đủ và đến được dân chúng, còn những người trực tiếp thực thi luật pháp phải công tâm và nghiêm minh. Người rất coi trọng việc tuyên truyền và giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân “Công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt”⁴.

Thứ tư, sự thống nhất giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân. Ở Hồ Chí Minh có sự thống nhất, kết hợp chặt chẽ giữa cả “Đức trị” và “Pháp trị”.

Nổi bật trong ý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa “pháp trị” và “đức trị”, giữa “xây” và “chống”. Theo Người, đạo đức là gốc của pháp luật, còn pháp luật chính là đạo đức chuẩn mực trong xã hội. Chính vì vậy, cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là

tấm gương sáng ngời về tinh thần đề cao, tôn trọng pháp luật song song với việc kiên trì và bền bỉ tra cứu, rèn luyện đạo đức cách mạng. Chính vì vậy, “Luật pháp phải dựa vào đạo đức”, thế nên, bên cạnh giáo dục ý thức pháp luật, cần phải đẩy mạnh giáo dục đạo đức, nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, kết hợp chặt chẽ cả đức trị và pháp luật để “trị nước”. Tư tưởng “pháp trị” và “đức trị” trong tư tưởng Hồ Chí Minh không hề loại trừ nhau mà thống nhất thành chỉnh thể thường xuyên bổ sung, hỗ trợ nhau. Đây chính là nét độc đáo, đặc sắc, có ý nghĩa lâu bền của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một Nhà nước pháp quyền, dân chủ, hiện đại.

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân của Hồ Chủ tịch không chỉ dừng lại ở văn bản pháp luật, trong các bài nói, bài viết của Người mà còn thấm đẫm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của Nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Có thể khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân đã phát triển tới một đỉnh cao, phản ánh sự hoàn thiện của tư duy vừa khoa học, tiến bộ vừa nhân văn cao cả, hướng tới xây dựng một nhà nước chứa đựng đầy đủ những giá trị cao quý nhất của nền văn minh thế giới, của thời hiện đại, đó là những chân giá trị của chế độ nhà nước dân chủ và pháp quyền.

Trong suốt 24 năm trên cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền dân chủ. Quán triệt quan điểm nhà nước pháp

quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”.

Hiện nay, trong quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền là vấn đề quan trọng trong việc tạo khung pháp lý để hoàn thiện cơ chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta khẳng định: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực; hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo yêu cầu phát triển nhanh, bền vững./.

1. Viện khoa học pháp lý. Hồ Chí Minh bàn về nhà nước và pháp luật. Nxb pháp lý. Hà Nội. tr.186.

2. Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, t9, tr.524.

3. Thư gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp, tháng 10-1948.

4. Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, t5, tr.382.

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NĂM 2019

ThS. Cao Thị Hà

Khoa Nhà nước và pháp luật

Bộ luật Lao động được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019 với 17 chương, 220 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Trong Bộ luật Lao động, chương Hợp đồng lao động (Chương III) là một trong những nội dung rất quan trọng, là cơ sở pháp lý cho sự thỏa thuận các nội dung trong hợp đồng lao động (HĐLĐ), cho việc thực hiện và chấm dứt HĐLĐ giữa người lao động (NLĐ) với người sử dụng lao động (NSDLĐ).

Chương III của Bộ luật Lao động được kết cấu có 5 Mục với 46 điều luật (từ Điều 13 đến Điều 58), điều chỉnh quan hệ lao động từ khâu giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng lao động vô hiệu và cho thuê lại lao động. Các quy định về Giao kết hợp đồng lao động được đề cập ở Mục 1 (từ Điều 13 đến Điều 27). So với Bộ luật Lao động năm 2012, các quy định về giao kết hợp đồng lao động có những nội dung mới cơ bản như sau:

Thứ nhất, Bộ luật Lao động năm 2019 sửa đổi cách định nghĩa về “Hợp đồng lao động”.

Theo Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2012: “Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động”.

Khi có hợp đồng lao động thì theo đó là rất nhiều nghĩa vụ liên quan. Với cách thể hiện như vậy dẫn đến tình trạng nhiều chủ sử dụng lao động lợi dụng những kẽ hở của luật bằng cách dùng tên gọi khác để xác lập

quan hệ lao động với NLĐ như ký các loại hợp đồng mùa vụ, hợp đồng dịch vụ để trốn tránh nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp và các nghĩa vụ khác cho người lao động.

Điều 13, theo Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “1. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động”.

Như vậy, từ ngày 01/01/2021, khái niệm hợp đồng lao động đã được mở rộng hơn, mọi quan hệ lao động nếu có đủ 3 dấu hiệu: làm việc trên cơ sở thỏa thuận; có trả lương; có sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì đều được coi là HĐLĐ. Quy định này đòi hỏi sự chuyên nghiệp và trách nhiệm của người sử dụng lao động với người lao động thực hiện các nghĩa vụ của NSDLĐ về tiền lương, trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội cho NLĐ.

Thứ hai, Bộ luật Lao động năm 2019 bổ sung, sửa đổi hình thức của hợp đồng lao động (Điều 14).

- *Bổ sung hình thức giao kết hợp đồng lao động bằng phương tiện điện tử*

Bộ luật Lao động năm 2012 quy định hai hình thức hợp đồng lao động là giao kết bằng văn bản hoặc lời nói. Thực tiễn cho thấy: Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần

thứ tư (4.0), quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, sự bùng nổ của công nghệ thông tin và dịch chuyển lao động toàn cầu thì hình thức HĐLĐ bằng văn bản không chỉ tồn tại ở dạng giấy tờ mà còn thể hiện dưới các hình thức thư điện tử email, các giao dịch điện tử và đi kèm với nó có thể là chữ ký số. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu đó, Bộ luật Lao động năm 2019 đã bổ sung thêm hình thức giao kết hợp đồng lao động bằng phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản. Quy định này phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2005 và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể ký kết HĐLĐ sẽ có thêm sự lựa chọn về hình thức hợp đồng, giúp cho việc ký kết hợp đồng trở nên linh hoạt hơn.

- *Đối với hợp đồng bằng lời nói:* Chỉ được giao với HĐLĐ dưới 01 tháng Bộ luật Lao động năm 2012 quy định trường hợp làm việc dưới 3 tháng thì các bên được giao kết bằng lời nói. Bộ luật Lao động năm 2019 đã giảm thời gian từ 03 tháng xuống dưới 01 tháng, tức là chỉ trường hợp làm việc dưới 01 tháng mới được giao kết bằng lời nói, trừ trường hợp giao kết hợp đồng với người chưa đủ 15 tuổi, người giúp việc gia đình, đối với công việc theo mùa vụ. Như vậy, từ ngày 01/01/2021, HĐLĐ có thời hạn từ 01 tháng trở lên sẽ phải ký bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử theo quy định.

Thứ ba, Bộ luật Lao động năm 2019 bổ sung hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động (Điều 17).

Bên cạnh kế thừa quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 (khoản 1,2 Điều 17), Bộ luật Lao động năm 2019 bổ sung quy định người sử dụng lao động không được “*Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động*” (khoản 3 Điều 17).

Thứ tư, Bộ luật Lao động năm 2019 đã quy định cụ thể thẩm quyền giao kết hợp đồng lao

động (Điều 18).

Bộ luật Lao động năm 2012 chỉ quy định “*người sử dụng lao động*” là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động với người lao động.

Khoản 3 Điều 18 Bộ luật Lao động năm 2019 đã quy định cụ thể người sử dụng lao động được ký hợp đồng là người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Người đại diện của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Cá nhân trực tiếp sử dụng lao động”.

Thứ năm, Bộ luật Lao động năm 2019 đã sửa đổi các loại hợp đồng (Điều 20).

- Về các loại hợp đồng

Bộ luật Lao động năm 2012 quy định 03 loại hợp đồng lao động gồm: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ 12 tháng đến 36 tháng), hợp đồng mùa vụ (dưới 12 tháng). Theo đó, tùy vào nhu cầu và lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động thì hai bên có thể lựa chọn thực hiện một trong ba loại hợp đồng nói trên.

Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019 bổ quy định về HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng, chỉ còn 02 loại hợp đồng các bên lựa chọn để giao kết là HĐLĐ không xác định thời hạn và HĐLĐ xác định thời hạn không quá 36 tháng.

Như vậy, từ năm 2021 tới đây, người lao động và người sử dụng lao động chỉ được ký một trong hai loại hợp đồng trên.

- Đối với hợp đồng xác định thời hạn

Bộ luật Lao động năm 2012 quy định thời gian thực hiện từ đủ 12 đến 36 tháng, Bộ luật Lao động năm 2019 chỉ quy định thời hạn tối đa không quá 36 tháng, không quy định thời hạn tối thiểu. Thời hạn tối thiểu do các bên tự thỏa thuận.

Thứ sáu, Bộ luật Lao động năm 2019 đã sửa đổi quy định về thử việc (Điều 20).

Điều 24 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định:

“1. Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận về thử việc bằng việc giao kết hợp đồng thử việc.

3. Không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng”.

- Nội dung thử việc trong HĐLĐ

Trong Bộ luật Lao động năm 2012 không quy định về thỏa thuận nội dung thử việc trong HĐLĐ. Do đó, khi kết thúc thời gian thử việc, NSDLĐ phải giao kết ngay HĐLĐ với NLĐ nếu thử việc đạt yêu cầu

Theo Bộ luật Lao động năm 2019, các bên có thể linh hoạt việc thỏa thuận về thử việc, nội dung thử việc nằm trong HĐLĐ hoặc bằng việc giao kết hợp đồng thử việc riêng. Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng thử việc hoặc HĐLĐ đã giao kết mà không cần báo trước và không phải bồi thường.

- Không áp dụng thử việc đối với NLĐ giao kết HĐLĐ có thời hạn dưới 01 tháng

Bộ luật Lao động năm 2012 quy định người lao động làm việc theo HĐLĐ mùa vụ thì không phải thử việc. Còn Bộ luật Lao động năm 2019 không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết HĐLĐ có thời hạn dưới 01 tháng.

- Thời gian thử việc (Điều 25)

Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 thời gian thử việc tối đa là 60 ngày. Bộ luật Lao động năm 2019 sửa lại là:

“Thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc một lần đối với một công việc và bảo đảm điều kiện sau đây:

1. Không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

2. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;

3. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ;

4. Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác”.

Bộ luật cũng bổ sung quy định thời gian thử việc không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc bổ sung này là xuất phát từ chức năng, vai trò quản lý, điều hành doanh nghiệp, do đó, yêu cầu thử việc đến 180 ngày đối với vị trí này là hợp lý để đảm bảo người lao động nắm bắt được công việc.

Các quy định về giao kết hợp đồng lao động được sửa đổi, bổ sung theo hướng nhằm đảm bảo tốt hơn sự tự do giao kết HĐLĐ, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành và đáp ứng những đòi hỏi mới của việc quản lý thị trường lao động đang phát triển và thay đổi rất nhanh chóng; đồng thời để đáp ứng các yêu cầu thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lĩnh vực lao động và bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật./.

QUAN ĐIỂM CỦA VI.LÊNIN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA

(Kỷ niệm 151 năm ngày sinh V.I. Lênin (22/4/1870 - 22/4/2021))

ThS. Trần Văn Toàn
Khoa Xây dựng Đảng

Là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, đồng thời là một nhà lý luận thiên tài, nhà tư tưởng sáng suốt, V.I.Lênin hết sức coi trọng và đánh giá cao vị trí, vai trò của công tác tư tưởng, lý luận trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo V.I.Lênin, lý luận cách mạng là điều kiện tiên quyết để hình thành và thúc đẩy phong trào cách mạng cũng như khẳng định vai trò tiên phong của đảng cách mạng. Người khẳng định: *“Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”*. *“Chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”*⁽¹⁾.

Và từ đó, Người cho rằng, lý luận cách mạng duy nhất của giai cấp vô sản và Đảng cách mạng tiên phong để lãnh đạo phong trào cách mạng đó là chủ nghĩa Mác. Bởi vì, đây là lý luận chân chính nhất, cách mạng nhất, khoa học nhất. Mặt khác, đây là lý luận duy nhất luôn xuất phát từ thực tiễn, bắt nguồn từ hiện thực, đặc biệt là tìm ra nguyên nhân của cuộc đấu tranh đang diễn ra giữa các giai cấp xã hội và giữa những lợi ích kinh tế. Đồng thời, đó là lý luận đầu tiên biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học, tạo cơ sở vững chắc cho chủ nghĩa xã hội khoa học, vạch rõ con đường, cách thức để phát triển và làm phong phú thêm cho khoa học đó.

Để học thuyết cách mạng và khoa học đó trở thành ánh sáng soi đường, dẫn dắt và giác ngộ giai cấp công nhân, để họ hiểu rõ tình cảnh thực sự của mình, tính tất yếu của việc xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột và xây dựng một xã hội tốt đẹp không còn

người bóc lột người, thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải tuyên truyền, giáo dục để đưa học thuyết ấy vào trong phong trào công nhân. Bên cạnh đó, cần phải phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân lao động trên cơ sở trình độ giác ngộ cách mạng đã được nâng cao. Cuối cùng, công tác tư tưởng còn có nhiệm vụ xây dựng cho giai cấp công nhân lòng tin tưởng và tình yêu sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng, tinh thần kiên định biết bảo vệ đến cùng những nhiệm vụ cách mạng của mình, ý chí, nghị lực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để đạt tới mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh. Để làm tốt công tác tư tưởng, đạt hiệu quả cao, trước tiên phải làm tốt công tác lý luận, đề cao vai trò của lý luận, làm cho lý luận cách mạng thực sự có tính khoa học, thể hiện đúng bản chất khoa học và khoa học của chủ nghĩa Mác. V.I.Lênin nói: *“Thái độ coi thường lý luận, thái độ lảng tránh quanh co đối với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa nhất định làm lợi cho hệ tư tưởng tư sản”*. Đồng thời, V.I.Lênin cũng đã nêu ra một cách cụ thể, sinh động những biện pháp tổ chức để tiến hành công tác tư tưởng phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, thậm chí của từng địa phương, từng dân tộc, phù hợp với những đối tượng khác nhau về lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, v.v.. Một trong những nguyên tắc quan trọng của công tác tư tưởng là phải gắn việc tuyên truyền lý tưởng với việc đem lại những lợi ích thiết thực trong đời sống thường ngày cho quần chúng nhân dân lao động. Đặc biệt, V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng, xây dựng một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân là một trong những điều kiện quan trọng nhất và quyết định nhất để hoàn thành

cả công tác lý luận lẫn công tác tư tưởng. Bởi vì, không có lý luận cách mạng thì không thể có đảng cách mạng của giai cấp công nhân; ngược lại, nếu không có đảng cách mạng của giai cấp công nhân thì sẽ không có người tổ chức, lãnh đạo biến lý luận thành hiện thực.

Kế thừa những quan điểm của V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chăm lo đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bởi theo Người “*Tư tưởng không đúng đắn thì công tác ắt sai lầm*”; rằng “*Trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất*”⁽²⁾. Trong công tác tư tưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của công tác lý luận. Người nhấn mạnh: Muốn làm được nhiệm vụ tiên phong, phải đạt tới trình độ lý luận tiên phong, “*Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam*”⁽³⁾. Vì vậy, theo người, công tác tư tưởng, lý luận góp phần quan trọng vào việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng. Không có lý luận thì như người nhắm mắt mà đi. Tuy nhiên, lý luận không phải là một cái gì khô khan, cứng nhắc; trái lại, nó đầy tính sáng tạo, sinh động, luôn luôn được thực tiễn phong phú, muôn màu, muôn vẻ bổ sung để không ngừng phát triển, hoàn thiện.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quán triệt quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng, lý luận, ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng công tác tư tưởng, lý luận để không chỉ vận dụng sáng tạo mà còn không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng đường lối, đề ra những chủ trương, kế sách phù hợp, lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ, phát triển đất nước, kiên định mục tiêu độc

lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ vị trí, vai trò đó, trong 91 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận, coi công tác tư tưởng, lý luận là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, phát triển và củng cố niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng; làm cho hệ tư tưởng của Đảng, lý tưởng xã hội chủ nghĩa giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; gìn giữ, kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá thế giới. Công tác tư tưởng, lý luận giúp bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên lực lượng và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, nâng cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, tư tưởng, trí tuệ, văn hoá và đạo đức. Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá, nhất là âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch, củng cố và phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, công tác tư tưởng, lý luận đã được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chính vì vậy, Đảng ta đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về vấn đề công tác tư tưởng, lý luận như Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “*Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*”; Nghị quyết Trung ương 5 khóa X “*Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*”; Nghị quyết số 37 ngày 09/10/2014 Bộ Chính trị khóa XI “*Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*” đã cho thấy,

Đảng ta đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và khẳng định công tác tư tưởng, lý luận phải đi trước một bước, mở đường trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã khẳng định: *“Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả”*. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng khẳng định cần *“Làm tốt công tác tư tưởng, lý luận”* của Đảng nhằm góp phần nâng cao trình độ lý luận, tạo sự thống nhất trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân và toàn xã hội. Chính nhờ làm tốt công tác tư tưởng, lý luận mà bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một lần nữa được khẳng định một cách đúng đắn, có căn cứ lý luận khoa học cũng như căn cứ thực tiễn sinh động. Từ đó, nhận thức của Đảng ta về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ nét, cụ thể hơn. Nhiều vấn đề phức tạp của thực tiễn đã có được lời giải đáp một cách thuyết phục góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Đặc biệt, trước yêu cầu nhiệm vụ mới đang đặt ra, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về *“Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*. Nghị quyết đã bổ sung những luận điểm mang tính tổng kết lý luận - thực tiễn rất cao về vị trí, vai trò của công tác tư tưởng, lý luận; khẳng định công tác tư tưởng, lý luận là bộ phận

cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp, phát triển và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghị quyết đã khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nội dung cơ bản, hệ trọng, có ý nghĩa sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Nhân kỷ niệm 151 năm ngày sinh của V.I.Lênin vĩ đại, trong tình hình mới, chúng ta vô cùng biết ơn Người về những chỉ dẫn quan trọng mà Người đã để lại cho các Đảng Cộng sản đang có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng rằng: *“Riêng đối với những người lãnh đạo, nhiệm vụ của họ là phải học tập, ngày càng nhiều hơn, tất cả các vấn đề lý luận; phải tự giải thoát ngày càng nhiều hơn, khỏi ảnh hưởng của những câu cổ truyền của thế giới quan cũ, và không bao giờ được quên rằng chủ nghĩa xã hội, từ khi đã trở thành một khoa học, đòi hỏi phải được coi là một khoa học, nghĩa là phải được nghiên cứu”*⁽⁴⁾.

Lý luận tiên phong không bao giờ là những điều có sẵn, nó phải thông qua đấu tranh trên mặt trận lý luận và tổng kết thực tiễn mà có. Vì vậy, trong thời gian tới để hoàn thành tốt các phương hướng, nhiệm vụ và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra chúng ta cần phải thấm nhuần sâu sắc những chỉ dẫn của V.I.Lênin về công tác tư tưởng, lý luận và vận dụng những quan điểm đó một cách sáng tạo vào thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay./.

1. Lênin, Toàn tập, NXB Tiến Bộ, 1978, tập 6, tr.30-32.

2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2000, tập 7, tr.319;

3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2000, tập 7, tr.466.

4. Lênin, Toàn tập, NXB Tiến Bộ, 1978, tập 6, tr.35

MỘT SỐ ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC VỀ TRIẾT LÝ TRI QUỐC CỦA NHO GIÁO VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ThS. Đinh Thị Thu Hoài
Phòng QLĐT&NCKH

Ở thế kỷ thứ III trước công nguyên cho đến thế kỷ XVIII, nhiều triều đại phong kiến phương Bắc thay nhau xâm lược hòng cướp nước ta, đô hộ, bóc lột nhân dân ta. Cùng với kẻ thù xâm lược, Nho giáo nói chung, triết lý trị quốc nói riêng đã được du nhập vào đất nước Âu Lạc do tổ tiên chúng ta tạo lập nên. Nho giáo được kẻ xâm lược dùng làm công cụ nô dịch và đồng hóa nhân dân ta về tư tưởng và tinh thần. Khi vào Việt Nam, triết lý trị quốc của Nho giáo đã có những đổi thay nhất định do thực tiễn đất nước, ảnh hưởng của văn hóa truyền thống bản địa. Ngày nay, mặc dù hệ tư tưởng thống trị của Nho giáo không còn nữa nhưng những giá trị của nó vẫn còn. Đặc biệt, trong đó có sự ảnh hưởng đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nhà nước pháp quyền là vấn đề đã được đề cập từ lâu trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Hiểu một cách tổng quát Nhà nước pháp quyền “không phải là kiểu nhà nước mà là một mô hình nhà nước, mà ở đó, bên cạnh những đặc điểm chung nó còn những đặc điểm riêng”¹. Đối với Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng đã nhấn mạnh và khẳng định:

Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam... “Nhà nước pháp quyền Việt Nam” là “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”². Trên cơ sở đó, các kỳ đại hội tiếp theo, Đảng ta tiếp tục làm rõ tính chất Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta khẳng định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nên tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”³. Tiếp theo, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật”⁴. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã xác định một trong những định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới đó là: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực”⁵.

Trên cơ sở định hướng của Đảng, có thể thấy rằng để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đòi hỏi phải có sự phấn đấu nỗ lực của toàn hệ thống chính trị và xem xét ảnh hưởng của những tư tưởng, lý thuyết chính trị xã hội trong lịch sử, trong đó có mặt tích cực của triết lý trị quốc của Nho giáo để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định phương hướng và đưa ra một số giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu, có thể nêu lên một số ảnh hưởng tích cực của triết lý Nho giáo đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, triết lý trị quốc của Nho giáo có ảnh hưởng tích cực và có giá trị trong việc giáo dục con người sống có đạo đức, tinh thần, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng trong một xã hội ổn định, có trật tự, kỷ cương.

Triết lý trị quốc của Nho giáo được các triều đại phong kiến Việt Nam tiếp thu và có ảnh hưởng đến đạo đức, tác phong, lối sống của con người Việt Nam qua nhiều thế hệ. Giá trị nổi bật của nó là yêu cầu và quan tâm giáo dục, đào tạo người cầm quyền có đức, phải sửa mình, phải làm gương cho dân, quan tâm đến dân, giáo hóa dân, phải bảo vệ dân và dùng đức để đối xử với dân. Từ tư tưởng này Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước hiện nay. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*tăng cường xây dựng, chỉnh*

đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” đã đề cập đến 9 biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống. Trên cơ sở đó, Nghị quyết đã đưa ra mục tiêu: ...*kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ nhân dân. Cũng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đây chính là cơ sở để giúp cho toàn thể cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, cố gắng rèn luyện để trở thành những cán bộ, đảng viên tốt.*

Thứ hai, triết lý trị quốc của Nho giáo có ảnh hưởng và ý nghĩa tích cực trong việc xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Tư tưởng đức trị của Nho giáo đề cao vai trò của dân. Dân có sức mạnh to lớn, có vai trò rất quan trọng đối với sự tồn vong của một triều đại. Người trị nước muốn xã hội ổn định, thái bình thịnh trị thì phải được lòng dân. Muốn được lòng dân thì phải quan tâm đến việc dưỡng dân, giáo dân. Đây là một học thuyết trị nước đề cao vai trò của dân, đặt vấn đề lấy dân làm cơ sở cho việc tổ chức nhà nước và quản lý xã hội. Tư tưởng này có ảnh hưởng nhất định trong lịch sử và hiện nay vẫn thể hiện ý nghĩa quan trọng của nó. Tuy nhiên, quan niệm về việc xây dựng một nền chính trị vì dân trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, Nhà nước

ta thực sự có những thay đổi về chất, ở đó, dân không chỉ là gốc, là nền móng của nước mà dân là chủ, dân làm chủ thực sự của đất nước: *“Chính phủ ta là một Chính phủ đầy tớ của nhân dân, một lòng, một dạ phục vụ nhân dân”*. Tư tưởng này tiếp tục được Đảng ta quán triệt một cách sâu sắc trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo, quản lý của mình. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII, Đảng đã nêu: *“Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến”*⁶. Đặc biệt, Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh: *“Đề cao vai trò của chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chính đôn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức;...”*⁷.

Thứ ba, triết lý trị quốc của Nho giáo có ảnh hưởng và ý nghĩa tích cực trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có phẩm chất, năng lực gắn với nhu cầu của đất nước trong những giai đoạn cụ thể.

Trong triết lý trị quốc của Nho giáo yêu cầu người lãnh đạo, quản lý đất nước, từ vua đến quan đều phải “chính danh”, nghĩa là phải làm đúng với chức trách, danh phận của mình. Theo Nho giáo, trong việc cai trị, củng cố, bảo vệ quốc gia, từ người lãnh đạo cao nhất đến mọi gia đình, người dân đều

phải nói, làm đúng với chức vụ, danh phận của mình, cụ thể vua phải ra vua, bề tôi phải ra bề tôi, người cha đúng là cha, người con đúng là con. Tất cả các thành viên trong xã hội cũng phải có danh phận phản ánh đúng vị trí, vai trò của mỗi người. Qua đó cho thấy, quan niệm “chính danh” trong triết lý trị quốc của Nho giáo có những giá trị tích cực và ý nghĩa tiên bộ. Điều này cũng có ý nghĩa tích cực đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của Nhà nước, đặc biệt đội ngũ cán bộ chủ chốt ở Việt Nam hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ, coi đó chính là khâu “then chốt của nhiệm vụ then chốt”. Vì vậy, trong từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng thể hiện rõ những chủ trương, giải pháp quan tâm, chăm lo đến nhiệm vụ xây dựng, bồi dưỡng cán bộ, như: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 của Bộ Chính trị khóa VIII về *“Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*; Văn kiện Đại hội X khẳng định: *“Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng người có đức, có tài; tạo bước chuyển căn bản trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài; xây dựng chiến lược quốc gia về nhân tài; coi đó là giải pháp quan trọng trong thực hiện chiến lược cán bộ”*, *“lựa chọn những người thực sự có đức, có tài giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu”*⁸. Tiếp theo, Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về xây dựng Đảng đã khẳng định một chủ trương rất mới và tích cực trong việc lựa chọn, bố trí người tài, đức vào các vị trí lãnh đạo: *“Thí điểm chế độ tiến*

cử, chế độ tập sự lãnh đạo quản lý”; Văn kiện Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; Bộ Chính trị khóa XII cũng ban hành Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 về “Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”, Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết Trung ương 7, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 4/8/2017 về “Tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Bộ Chính trị về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; Đặc biệt, nhằm hướng đến việc kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra các bước đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ đã nhấn mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài”⁹. Với những chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đang ngày càng tiến tới việc hoàn thiện về

công tác cán bộ nhằm đạt hiệu quả cao trong việc sử dụng cán bộ “vì việc chọn người chứ không phải vì người chọn việc”.

Như vậy, ngày nay hệ tư tưởng Nho giáo không còn nữa, tuy nhiên những mặt tích cực vẫn còn trong xã hội và nó có sự ảnh hưởng đến quá trình xây dựng Nhà nước. Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội Việt Nam, cần khai thác những yếu tố hợp lý nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ triết lý trị quốc của Nho giáo là việc làm có ý nghĩa to lớn, góp phần hướng đến xây dựng một Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân./.

1. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (đồng chủ biên), Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - Lý luận và thực tiễn, Nxb CTQG, HN, 2008. Tr.151.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, HN, 1994, tr.56.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, HN, 2011, tr.65.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng TW Đảng, HN, 2011, tr.65.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb CTQG Sự thật, HN, 2011, tr.38.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.169.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Sđd, tr.51

8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG, Hà Nội 2009, tr 246;

9. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Sđd, tr. 204.

ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG LỢI DỤNG QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRÊN MẠNG XÃ HỘI

ThS. Nguyễn Thị Diệu Hằng
Khoa Nhà nước và pháp luật

Điều 25 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền cơ bản của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quyền tự do ngôn luận là cơ sở quan trọng để công dân thực hiện đầy đủ các quyền con người khác như quyền tiếp cận thông tin, tự do hội họp, lập hội, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, cũng như quyền tham gia vào quản lý các công việc của Nhà nước và xã hội.

Tự do ngôn luận là quyền cơ bản của con người, tuy nhiên thực hiện quyền tự do ngôn luận như thế nào phải do pháp luật quy định. Có thể nói, không tồn tại cái được gọi là quyền tự do ngôn luận tuyệt đối, thực hiện quyền tự do ngôn luận phải đặt trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật. Đề cao quyền tự do ngôn luận nhưng không tuyệt đối hoá quyền tự do ngôn luận cá nhân mà thực hiện quyền tự do ngôn luận vì lợi ích chung. Đồng thời kiên quyết đấu tranh phòng, chống việc lợi dụng quyền tự do ngôn luận để nói, viết, diễn giải, thảo luận, xuyên tạc những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước với ý đồ cá nhân bất chấp luân lý và luật pháp.

Như vậy, quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền hiến định của con người, được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo đảm thực hiện. Trên cơ sở quyền tự do ngôn luận được quy định trong Hiến pháp năm 2013, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật

An ninh mạng năm 2018 đã cụ thể hoá nội dung quyền tự do ngôn luận của công dân. Theo đó, những hành vi như đăng tải các thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác... đều bị pháp luật xử lý.

Cùng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển mạnh mẽ của internet, hình thức biểu hiện quyền tự do ngôn luận của công dân đã có sự thay đổi rất lớn. Mạng xã hội đã trở thành một công cụ chủ yếu để các cá nhân, tổ chức thể hiện quyền tự do ngôn luận. Thông qua mạng xã hội, các cá nhân, tổ chức có thể tự do thể hiện quan điểm, lập trường, ý kiến của mình về các vấn đề, lĩnh vực... khác nhau trong xã hội thông qua các tài khoản cá nhân mà không chịu bất cứ sự ràng buộc nào. Các thông tin được đăng tải trên mạng xã hội chưa có sự kiểm chứng mà mang ý kiến chủ quan, duy ý chí của các chủ tài khoản được lan truyền với tốc độ nhanh chóng.

Việc thể hiện quyền tự do ngôn luận của các cá nhân trở nên dễ dàng và có sức ảnh hưởng nhất định. Sức lan tỏa và sự chi phối của các thông tin trên mạng xã hội đôi khi còn mạnh mẽ hơn các loại hình báo chí truyền thống và các hình thức biểu đạt khác. Và trong quá trình đó, thông tin trở nên phức tạp, hỗn loạn và khó được xác thực và kiểm soát. Đặc biệt khi người đăng tải các thông tin trên mạng xã hội có quan điểm sai trái, thù

địch, thái độ cực đoan, chống phá Đảng và Nhà nước, lợi dụng quyền tự do ngôn luận để thực hiện các mưu đồ cá nhân.

Với những tính năng ưu việt của mạng xã hội, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã và đang lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để chống phá Đảng và Nhà nước ta, bôi nhọ, nói xấu chính quyền, đưa các thông tin sai lệch về các chính sách và pháp luật của Nhà nước, kích động, xúi giục biểu tình... gây hoang mang trong dư luận, mất trật tự và an toàn xã hội, đe dọa an ninh quốc gia.

Ví dụ như: Trước thềm Đại hội Đảng các cấp, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, các tổ chức phản động, thù địch đã tung lên mạng xã hội các tài liệu xuyên tạc về lý luận chính trị, nền tảng tư tưởng, bịa đặt, bôi nhọ, nói xấu các cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước với mục đích chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 nhưng các thế lực thù địch núp bóng dưới các tài khoản cá nhân giả mạo để tuyên truyền sai lệch, cho rằng Luật An ninh mạng là “xâm phạm quyền riêng tư cá nhân”, “vi phạm quyền tự do ngôn luận”... nhằm chống đối, cản trở việc thi hành luật. Hay như Nhà nước Việt Nam đã và đang nỗ lực ngăn chặn, kiểm soát và đẩy lùi dịch bệnh COVID-19 với quyết tâm “chống dịch như chống giặc” thì một số tài khoản facebook đã đăng những thông tin sai sự thật, chống phá quá trình tiêm chủng vắc xin của Nhà nước ta, lợi dụng tình hình dịch bệnh để trục lợi cá nhân... Tất cả đều núp bóng dưới cái gọi là tự do ngôn luận.

Nhận thức rõ mặt trái của internet, vai trò của mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay, sức ảnh hưởng của quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phòng, chống việc lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để chống phá Đảng và Nhà nước, bảo vệ an

ninh mạng quốc gia. Trong đó có Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư khóa XI, về “*Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng*”; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013, của Chính phủ về “*Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng*”; Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 17/6/2014, của Thủ tướng Chính phủ về “*Tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới*”. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/01/2018, của Bộ Chính trị về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tăng cường chỉ đạo công tác đấu tranh, phản bác các thông tin, luận điệu sai trái, các âm mưu, hoạt động lợi dụng internet, mạng xã hội để chống phá Đảng và Nhà nước.

Ngày 03/02/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP về “*Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử*”. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ra đời với 124 điều, đã quy định rõ hơn, chi tiết hơn về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức độ xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả... trong các lĩnh vực. Các chế tài này không những góp phần phòng, chống những thông tin giả, sai lệch, xấu độc đang lan tràn trên không gian mạng mà còn góp phần đấu tranh phòng, chống việc lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội nói chung.

Trường Chính trị Lê Duẩn với chức năng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Trị, vì vậy các giảng viên cần thể hiện vai trò của mình trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội hiện nay. Để phát huy được vai trò của người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, thì đội ngũ giảng viên cần làm tốt những công việc như sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của giảng viên trong việc đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội hiện nay. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của giảng viên trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để xâm phạm lợi ích của quốc gia, dân tộc, coi đây là nhiệm vụ cơ bản cần được tiến hành thường xuyên và liên tục. Mỗi giảng viên cần không ngừng học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn; không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, lý luận, đạo đức cách mạng. Đồng thời sử dụng triệt để mạng xã hội cá nhân của mình như một ngòi bút mạnh mẽ để phòng, chống các hành vi lợi dụng quyền tự do ngôn luận đăng tải, truyền bá các thông tin sai lệch, các luận điệu thù địch, sai trái của các thế lực thù địch, các phần tử phá hoại nhằm chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thứ hai, nâng cao chất lượng giảng dạy các chuyên đề cho các học viên ở Trường Chính trị Lê Duẩn hiện nay. Đội ngũ giảng viên cần nghiên cứu kỹ các chuyên đề đã được phân công; hiểu rõ và nắm vững các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, kịp thời bổ sung nội dung các chỉ thị, nghị quyết, các luật, nghị định mới có hiệu lực vào từng chuyên đề giảng dạy. Giáo án phải bám sát giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, các chương trình bồi dưỡng; các chuyên đề soạn giảng phải mang tính Đảng, tính chiến đấu, tính khoa học góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động đấu tranh tư tưởng, lý luận được che đậy dưới vỏ bọc quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội.

Đồng thời, các giảng viên phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, đa dạng hoá các hình thức trao đổi, thảo luận các chuyên đề nhằm góp phần làm phong phú các bài giảng và tăng sự thích thú của học viên trong việc học tập lý luận chính trị. Thông qua các chuyên

đề giảng dạy góp phần tuyên truyền, nâng cao vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, qua các chuyên đề giảng dạy, các giảng viên cần tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, thu hút các học viên cùng tham gia đấu tranh phòng, chống việc lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội.

Thứ ba, nâng cao các kỹ năng, phương thức cho đội ngũ giảng viên trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội. Hiện nay, số lượng giảng viên tham gia đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội còn hạn chế, đặc biệt là thiếu các kỹ năng, phương thức để thực hiện đấu tranh trên mạng xã hội. Do vậy, các giảng viên cần trau dồi các kỹ năng tin học, những hiểu biết nhất định về mạng xã hội như cách thức thiết lập, sử dụng mạng xã hội, không dùng địa chỉ email công vụ, số điện thoại cá nhân hay tên gọi liên quan đến cơ quan, không chia sẻ các thông tin của cá nhân và cơ quan lên mạng xã hội, cách bảo mật thông tin cũng như các kỹ năng ngăn chặn và xoá bỏ các thông tin xấu độc trên mạng xã hội.

Để góp phần đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội hiện nay, giảng viên cần trau dồi kỹ năng khai thác, xử lý thông tin, kịp thời cập nhật các thông tin, chủ động, nhạy bén trong nhận diện các thông tin xấu độc. Thêm vào đó, các giảng viên cần rèn luyện, nâng cao phương pháp viết tin, viết bài đấu tranh, phản biện các luận điểm sai trái, phản động trên mạng xã hội. Mỗi giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn cần phát huy vai trò, trách nhiệm của mình, đi đầu trong công cuộc tuyên truyền, giữ vững niềm tin, lý tưởng cách mạng, thế giới quan khoa học, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đấu tranh phòng, chống lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử./.

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN HAI BÊN BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO TẠI ĐỒN BIÊN PHÒNG HƯỚNG LẬP

CN. Nguyễn Hải Lý
Khoa Lý luận cơ sở

Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức đưa “Đối ngoại nhân dân” vào Văn kiện Đại hội Đảng (02/1951) nêu rõ phát triển ngoại giao nhân dân, đặc biệt chú trọng các cuộc vận động lớn trên thế giới và thắt chặt liên hệ tổ chức các hoạt động giữa những đoàn thể nhân dân Việt Nam với các đoàn thể nhân dân thế giới. Tầm quan trọng, vai trò và nhiệm vụ của đối ngoại nhân dân đã được Bác Hồ và Đảng đặt ra rất rõ ràng, đầy đủ, sâu sắc.

Đối ngoại biên phòng là bộ phận quan trọng của công tác đối ngoại quốc phòng, một biện pháp công tác cơ bản của Bộ đội Biên phòng, trực tiếp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Đối ngoại nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào là một nhiệm vụ trong hoạt động đối ngoại biên phòng nhằm đảm bảo sự ổn định về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hai bên biên giới. Đây là một nhiệm vụ cơ bản và quan trọng góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

Thực hiện kế hoạch đi nghiên cứu thực tế cơ sở năm 2021, Khoa Lý luận cơ sở Trường Chính trị Lê Duẩn đã chọn Đồn Biên phòng Hướng Lập - một địa chỉ đồ có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh để giảng viên nghiên cứu về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt, tìm hiểu về công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào.

Đồn Biên phòng Hướng Lập thuộc thôn A Xóc, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Đồn phụ trách địa bàn 02 xã Hướng Việt và Hướng Lập với chiều dài đường biên giới trên 28,588 km gồm có 16 cột mốc biên giới và 05 cọc dấu nhận biết đường biên giới, có 9 thôn bản với hơn 3.000 nhân khẩu, phần lớn là đồng bào dân tộc Vân Kiều (99%) với cuộc sống

còn nhiều khó khăn (tỷ lệ hộ nghèo chiếm 96,13%). Đặc thù địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn, núi rừng hiểm trở, giao thông thường bị chia cắt vào mùa mưa; đời sống nhân dân còn rất nhiều thiếu thốn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, song còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp. Đặc biệt, công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới được thực hiện thường xuyên nhằm tạo sự đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển của nhân dân hai nước Việt Nam - Lào.

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới Quốc gia trong tình hình mới”. Đồn Biên phòng Hướng Lập đã thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới nhằm thắt chặt hơn nữa tình “anh em” gắn bó cùng giúp nhau bảo vệ an ninh hai bên biên giới Việt Nam - Lào. Trong những năm qua, công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên Đồn Biên phòng Hướng Lập thực hiện đạt nhiều kết quả:

Thứ nhất, đơn vị đã phối hợp cấp ủy, chính quyền địa phương duy trì hoạt động giao ban kết nghĩa Bản - Bản cho 03 cặp Thôn Ka Tiêng (Việt Nam) - A Via (Lào), Cù Bai (Việt Nam) - Cóc Rạc (Lào), Tà Păng (Việt Nam) - Tà Pọng (Lào). Hằng quý, các cặp bản định kỳ tổ chức giao ban đan xen giữa các quý nhằm thể hiện tinh thần đoàn kết, hữu nghị với tiêu chí “giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo”. Qua các buổi giao ban nhân dân hai bản cùng nhau trao đổi, học tập kinh nghiệm về trồng cây lúa nước, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây bời lồi, sắn, cao su... Các cặp bản còn trao đổi thông tin, tình hình cho nhau. Phối hợp đấu tranh ngăn chặn các hoạt động vi phạm quy chế biên giới và các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới. Hằng năm, vào dịp lễ, tết, lực lượng bảo vệ biên giới và cấp ủy, chính quyền địa



Khoa Lý luận cơ sở đi nghiên cứu thực tế tại Đồn Biên phòng Hương Lập. Ảnh: TL.

phương hai bên biên giới thường xuyên tổ chức hoạt động trao đổi đoàn, thăm hỏi, chúc mừng, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tọa đàm, v.v. Nhờ đó, tăng cường sự hiểu biết, gắn bó và nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc sinh sống hai bên biên giới về chủ quyền lãnh thổ, chấp hành nghiêm các quy định của Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, cửa khẩu biên giới Việt Nam - Lào, hạn chế tình trạng xâm canh, xâm cư, di cư tự do và kết hôn trái pháp luật qua biên giới, v.v.

Thứ hai, công tác phối hợp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cư dân hai bên biên giới. Đồn tiến hành thường xuyên, bài bản và được người dân hưởng ứng tham gia. Như tuyên truyền Hiệp định về quy chế biên giới Quốc gia giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào 1990; thoả thuận giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào;.. Thông qua công tác phối hợp tuyên truyền đã giúp cho nhân dân hai bên biên giới tự giác chấp hành tốt quy chế kết nghĩa, giữ gìn và phát huy mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời giữa hai nước. Đặc biệt, là các vấn đề liên quan tới tôn giáo, quy chế khu

vực biên giới, tội phạm về ma túy, xâm canh, xâm cư...

Thứ ba, hỗ trợ giúp đỡ nhân dân hai bên biên giới bằng những hành động thiết thực. Đồn đã kêu gọi hỗ trợ các bản đồi diện cây trồng vật nuôi (5000 cây bờ lờ; 6000 hom sắn); hỗ trợ lương thực, thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt; san sửa hơn 20km đường giao thông, vệ sinh làng bản, khắc phục thiên tai; đầu tư xây dựng các công trình dân sinh, nhà ở; hỗ trợ khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí; giúp đỡ các cháu học sinh có điều kiện đến trường...

Ngoài ra, Đồn còn tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao (bóng đá, bóng chuyền, bi sắt...) nhằm thắt chặt, gắn kết tình thân đoàn kết, thắm tình hữu nghị của nhân dân hai bên biên giới Việt - Lào.

Có thể khẳng định rằng, những hoạt động thắm tình, những cử chỉ chân thành xuất phát từ tình cảm của các đồng chí Đồn Biên phòng Hương Lập thực hiện đã góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng. Bên cạnh, những thành tựu

đạt được thì công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Một là, do nhận thức về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và pháp luật về biên giới của nhân dân còn rất hạn chế nên thường xuyên có các hoạt động xâm canh, xâm cư, kết hôn trái pháp luật,.. Đặc biệt năm 2020, đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp vẫn đề thăm thẳm ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh, trật tự ở khu vực biên giới cũng như công tác quản lý, bảo vệ biên giới của hai bên.

Hai là, do địa bàn đồi núi rộng, hiểm trở, nhiều khe suối; dân cư phân bố thưa thớt, điều kiện đi lại của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, lối sống còn dựa nhiều vào tập quán trước đây, mặt bằng dân trí không đồng đều ảnh hưởng lớn đến việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào.

Ba là, vấn đề về phát triển kinh tế còn mượn đất nước bạn Lào nhưng không đảm bảo thủ tục giấy tờ theo quy định. Chỉ theo phương diện dòng họ, thân quen. Không có văn bản từ Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã quy định.

Để thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Lào, theo tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị 01/CT-CP ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”. Trong công tác tham mưu các cấp cần chỉ đạo, lãnh đạo có chủ trương chính sách từ trên xuống để chính quyền các cấp chỉ đạo sát, đúng, phù hợp để tạo điều kiện cho nhân dân hai bên biên giới cùng nhau phát triển kinh tế nhằm gắn kết tình hữu nghị hai nước và tình thân của hai dân tộc. Trong công tác phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh phong trào bằng những nội dung chương trình hoạt động cụ thể: công tác bám nắm tình hình quản lý bảo vệ đường biên; giữ gìn an ninh trật tự thôn, bản để làm tốt công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm...

Thứ hai, cần tiếp tục tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện tốt những cam kết tham gia phong trào, đồng thời duy trì thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, thông tin trao đổi tình hình giữa Đồn, xã, thôn (bản). Duy trì kết bạn bản - bản nhằm gắn kết chặt chẽ tình cảm của nhân dân hai bên biên giới. Tuyên truyền để người dân hiểu rõ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và pháp luật về biên giới của nhân dân nơi đây để tránh các hoạt động xâm canh, xâm cư, kết hôn trái pháp luật,... Đặc biệt phòng tránh đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến cá nhân, gia đình, cộng đồng và an ninh, trật tự ở khu vực biên giới.

Thứ ba, cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, chính sách đất đai của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để bà con hiểu, tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm chỉnh và thống nhất. Đồng thời, tiếp tục rà soát, kiểm tra để có những biện pháp kịp thời và phù hợp trong hoạt động mượn đất làm kinh tế giữa nhân dân hai bên biên giới. Có thể, hình thành các kênh thông tin đa chiều để phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan giữa các lực lượng chức năng và toàn dân một cách chặt chẽ và hiệu quả.

Hoạt động đối ngoại nhân dân là chủ trương đúng đắn để đảm bảo an ninh quốc gia. Trong những năm qua, Đồn Biên phòng Hương Lập đã, đang và sẽ làm tốt hoạt động đối ngoại này nhằm làm sâu sắc thêm sự tin cậy, hiểu biết; gắn kết mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Góp phần xây dựng, củng cố niềm tin vào sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, xây dựng ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ tổ quốc. Nghiên cứu, tìm hiểu công tác đối ngoại nhân dân ở Đồn Biên phòng Hương Lập giúp chúng ta có cơ sở để hoạch định các hoạt động đối ngoại nhân dân một cách chủ động, phù hợp, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng các chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung./.

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LẦN THỨ XVII

CN. Hoàng Thị Thu
Khoa Lý luận cơ sở

Trong thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề thi đua yêu nước, là người chủ trì khởi xướng và kiến tạo thành công phong trào thi đua yêu nước. Tư tưởng thi đua yêu nước của Hồ Chí Minh thể hiện những quan điểm chỉ đạo, định hướng phong trào thi đua yêu nước trong nhiều thập kỷ qua; là cơ sở để Đảng, Nhà nước bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương về thi đua yêu nước, về công tác thi đua - khen thưởng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên ý nghĩa lịch sử, giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước là hệ thống các quan điểm được hình thành trên cơ sở tiếp thu và vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về thi đua yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc, cùng đường lối và thực tiễn đấu tranh cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng thi đua yêu nước của Hồ Chí Minh có thể khái quát thành một số luận điểm sau:

Một là, thi đua yêu nước phải có phương hướng, kế hoạch cụ thể. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua yêu nước, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “*thi đua ái quốc phải có phương hướng đúng và vững. Nghĩa là phải nâng cao lòng nồng nàn yêu nước và giác ngộ chính trị của mọi người. Yêu nước là phải thi đua, thi đua tức là yêu nước*”¹. Thi đua yêu nước “*phải có kế hoạch tỉ mỉ*”, kế hoạch do tập thể xây dựng nên với nội dung thiết thực, rõ ràng, đúng mực.

Hai là, thi đua phải có sự lãnh đạo đúng với các bước cụ thể: “*Trước khi thi đua phải chuẩn bị đầy đủ (giải thích, cổ động, xét kỹ kế hoạch mỗi nhóm, mỗi người. Trong lúc thi đua, phải thiết thực đôn đốc, giúp đỡ, sửa đổi. Sau đợt thi đua, phải thiết thực kiểm tra, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm, khen thưởng những người kiểu mẫu, nâng đỡ những người kém cỏi*”².

Ba là, nội dung thi đua phải thiết thực, cụ thể, gắn với công việc hàng ngày của mỗi người. Về điều này, Hồ Chí Minh giải thích rõ: “*Tưởng lầm rằng thi đua là một việc khác với những công việc làm hàng ngày. Thật ra, công việc hàng ngày chính là nền tảng thi đua. Thí dụ: Từ trước đến giờ ta vẫn ăn, vẫn mặc, vẫn ở. Nay ta thi đua ăn, mặc, ở cho sạch sẽ, cho hợp vệ sinh, cho khỏi đau ốm*”³. Nội dung thi đua phải phù hợp với từng đối tượng, ngành nghề và trình độ của người dân. Đối với nông dân, thi đua sản xuất giỏi. Đối với công nhân thì thi đua tăng năng suất, sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ, tiết kiệm nguyên vật liệu, sức lực, thời giờ...

Bốn là, thi đua phải động viên được sự tham gia của mọi người, mọi nhà, mọi ngành, mọi giới, giữa họ phải thi đua với nhau và thi đua liên tục, nghĩa là: “*Người người thi đua. Ngành ngành thi đua. Nhà nhà thi đua*”. Chính câu khẩu hiệu hành động này đã cuốn hút, cổ vũ, động viên đông đảo đồng bào và chiến sĩ cả nước tham gia góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Năm là, thi đua phải gắn liền với khen thưởng. Người chỉ rõ: Thi đua thì phải khen thưởng, khen thưởng để đẩy mạnh thi đua, thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch, khen thưởng chính là tổng kết và phổ biến kinh nghiệm ra cho mọi

ngành hoạt động. Đồng thời, Người cũng nêu rõ: Việc khen thưởng phải đúng người, đúng việc, nếu không sẽ bị triệt tiêu động lực, hủy hoại phong trào thi đua.

Sáu là, thi đua cần phải được tiến hành thường xuyên, lâu dài, liên tục. Hồ Chí Minh đã lưu ý chúng ta: “Tuồng lắm rằng thi đua chỉ nhất thời. Thật ra thi đua là phải trường kỳ. Ta phải thi đua để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công”⁴. Bởi vậy, “Thi đua phải lâu dài và rộng khắp, không phải chỉ trong một thời gian nào, không phải chỉ riêng ngành nào, nhóm người nào. Vì vậy, trong thi đua, chúng ta phải đồng thời bồi bổ lực lượng và tinh thần quần chúng”⁵.

Chính những chỉ dẫn trên trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần hiệu triệu, lôi cuốn, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua, những người thi đua là những người yêu nước nhất”, thời gian qua, nhiều phong trào thi đua đã được tỉnh Quảng Trị phát động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thu hút sự hưởng ứng tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đưa Quảng Trị thoát nghèo và có thu nhập thuộc nhóm trung bình của cả nước. Điển hình như phong trào thi đua: “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”, “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”... Qua các phong trào thi đua yêu nước đã xuất hiện ngày càng nhiều gương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đóng góp to lớn vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

Quảng Trị lần thứ XVI đề ra. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 7,16%, tăng 1,21% so với nhiệm kỳ trước và cao hơn bình quân chung của cả nước. GRDP bình quân đầu người của tỉnh đạt 55,4 triệu đồng/năm, gấp 1,6 lần so với năm 2015. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 5 năm 2016 - 2020 đạt 14.105 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng trong khu vực phi nông nghiệp từ 74,47 năm 2015 lên 78,49 năm 2020, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm và thủy sản từ 25,53% năm 2015 xuống còn 21,51 năm 2020.

Trong 5 năm, tính từ 2016 đến 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng thưởng cờ thi đua cho 334 tập thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 6.801 tập thể, cá nhân; tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, đơn vị quyết thắng cho 1.259 tập thể; tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 801 cá nhân. Thẩm định trình khen thưởng 464 huân chương các loại; 87 cờ thi đua của Chính phủ; 11 cá nhân đề nghị phong tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc; 234 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, phong trào thi đua vẫn đặt ra những vấn đề còn nhiều hạn chế như: Một số cấp ủy, chính quyền tại cần giải quyết, đó là nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của công tác thi đua, khen thưởng; chưa giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa thi đua và khen thưởng để thúc đẩy phong trào thi đua phát triển. Việc tổ chức tập huấn để phổ biến, hướng dẫn Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa thường xuyên, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân. Tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực chất, liên tục. Nội dung thi đua chưa bắt kịp được yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, việc phát hiện bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến chưa được quan tâm đúng

mức, việc phát huy vai trò, tác dụng của điển hình tiên tiến còn hạn chế. Bộ máy, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng ở cấp tỉnh và một số đơn vị, địa phương chưa ổn định làm ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, trong những năm tới, quán triệt quan điểm Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, thực hiện Lời phát động thi đua của Chủ tịch UBND, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Quảng Trị lần thứ V (giai đoạn 2020 – 2025), công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh cần tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

Thứ nhất, đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thi đua, khen thưởng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, Nhà nước về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng. Nâng cao vai trò của các cấp ủy, tổ chức Đảng trong chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua yêu nước, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

Kịp thời biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, gương điển hình tiên tiến ở các ngành, các lĩnh vực, cổ vũ tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phong trào thi đua. Tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và ý nghĩa to lớn của phong trào thi đua yêu nước đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng.

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước; đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng trong chỉ đạo tổ chức công tác thi đua, khen thưởng, nhất là vai trò của người đứng đầu. Thực hiện công tác khen thưởng bảo đảm kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch và đúng quy định. Quan tâm cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số. Đi đôi với công tác khen thưởng, cần khắc phục bệnh thành tích, tính hình thức trong thi đua, khen thưởng...

Ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác thi đua yêu nước và từ thực tiễn thực hiện phong trào thi đua yêu nước ở tỉnh Quảng Trị. Trong giai đoạn hiện nay, càng đòi hỏi chúng ta phải nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của công tác thi đua yêu nước. Cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân phải thấm nhuần tư tưởng và lời dạy của Người về thi đua, bắt đầu từ những việc làm bé nhỏ, bình thường hàng ngày để mang lại lợi ích cho dân, cho nước là hành động thiết thực và cụ thể của mỗi chúng ta cùng góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đã đề ra./.

1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.7, tr.146.

2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.7, tr.146.

3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.6, tr.169.

4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.6, tr.169.

5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t.7, tr.146-147.

ĐẤU TRANH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

CN. Hoàng Văn Cường
Phòng TC, HC, TT, TL

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã chi phối mọi mặt của đời sống xã hội. Sự bùng nổ mạnh mẽ của mạng internet, sự bao trùm toàn cầu của mạng xã hội,.. đã và đang đặt ra nhiều thách thức trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Nghị quyết đã nhận định: *“Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một trong những nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng Đảng, chính đốn Đảng, là nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân”*.

Với vị trí, vai trò của một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cán bộ của tỉnh, Trường Chính trị Lê Duẩn luôn xác định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phòng, chống *“diễn biến hòa bình”* trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một trong những nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT ngày 24/9-/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW *“về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã quán triệt đến đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường trong công tác tư tưởng, thực hiện đưa nghị quyết vào trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, viết

bài đăng ở Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn cũng như trên website của nhà trường.

Website Trường Chính trị Lê Duẩn (Website) có địa chỉ tại: <http://truongleduan.quangtri.gov.vn>, được đưa vào hoạt động từ năm 2009.

Chức năng, nhiệm vụ của Website nhằm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên những nghiên cứu trao đổi của giảng viên, viên chức nhà trường, quảng bá hình ảnh hoạt động của nhà trường trên không gian mạng. Đặc biệt từ năm 2015, Website được xây dựng mới bằng phần mềm mã nguồn mở NukeViet với hệ quản trị khoa học, dễ sử dụng, giao diện tùy biến đã khiến diện mạo rực rỡ hơn, các chuyên mục được xây dựng phong phú, linh hoạt.

Hiện nay, cấu trúc Website gồm 5 phần chính: Phần giới thiệu chung, phần tin tức, phần thông tin hoạt động đào tạo, phần thông tin hoạt động khoa học và phần hệ thống các văn bản. Phần giới thiệu chung gồm các thông tin giới thiệu về lịch sử phát triển, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của nhà trường. Phần tin tức gồm chuyên mục tin tức hoạt động quảng bá các thông tin hoạt động của nhà trường; chuyên mục tin tức tổng hợp gồm những thông tin nổi bật trong tỉnh, trong nước được tổng hợp theo tháng. Phần thông tin hoạt động đào tạo với các chuyên mục về tuyển sinh, các thông tin hoạt động, lịch học tập, kết quả học tập... Phần thông tin hoạt động khoa học gồm chuyên mục các Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn, các bài viết nghiên cứu, trao đổi của cán bộ, giảng viên, thông tin các đề tài khoa học của nhà trường. Phần hệ thống các văn bản gồm các văn bản của Đảng, Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của tỉnh Quảng Trị và Nhà trường. Ngoài ra Website

còn đăng tải lịch công tác, thông tin thư viện, các hình ảnh, video, phóng sự các hoạt động nổi bật của trường.

Trong những năm qua, hoạt động của Website đã đóng góp không nhỏ vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường, nhất là nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Website đã quảng bá hình ảnh của Nhà trường trên không gian mạng với các tin tức, hình ảnh nổi bật, cập nhật. Trong hoạt động đào tạo, Website đã đăng tải kịp thời các thông tin tuyển sinh, các quyết định trong hoạt động đào tạo, lịch học tập, kết quả học tập các lớp..., góp phần thực hiện tốt hơn công tác quản lý đạo tạo của nhà trường. Về hoạt động khoa học, ngoài việc đăng tải Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn một năm 02 số của Nhà trường, hiện nay, Website còn đăng tải hơn 250 bài viết nghiên cứu trao đổi. Trong đó, các bài viết về chủ đề chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chủ trương, đường lối và các lãnh tụ của Đảng là 47 bài. Với sự cập nhật, phong phú và chất lượng ngày một nâng cao về nội dung, Website đã được nhiều bạn đọc quan tâm, truy cập. Từ năm 2015 đến nay, lưu lượng truy cập của Website ngày một tăng. Hiện nay, Website đã có hơn 2.700.000 lượt truy cập, trung bình mỗi ngày có khoảng 1.000 lượt truy cập.

Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT, Ban Biên tập Website đã chỉ đạo xây dựng chuyên mục riêng Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đến nay, đã có 17 bài viết được đăng trong chuyên mục này. Quán triệt chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, Ban biên tập Website luôn chú trọng chất lượng nội dung bài viết nhất là trong chuyên mục này. Vì thế nhiều bài viết có số lượng bạn đọc truy cập cao, như “Giới thiệu tác phẩm Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” có đến hơn 5000 lượt truy cập, “Giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái,

thù địch” với gần 1500 lượt. Điều đó cho thấy chủ đề bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng, trong đó có Website nhà trường luôn được bạn đọc quan tâm.

Tuy Website Nhà trường nói chung, chuyên mục Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói riêng đã đạt được một số kết quả nhất định, xong qua thời gian xây dựng, phát triển, chuyên mục cho thấy một số điểm còn hạn chế.

Đi vào khai thác chuyên mục này từ tháng 11 năm 2019, nhưng đến hiện nay mới chỉ có 17 bài viết. Trung bình khoảng 0,3 bài/giảng viên/năm. Điều đó cho thấy, giảng viên nhà trường chưa chú trọng phát huy lợi thế của mình là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị để viết bài đăng trên chuyên mục này. Về mặt chất lượng, các bài viết mới chỉ tập trung khía cạnh bảo vệ mà chưa đi sâu vào đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay như phủ định tính khoa học, cách mạng, nhân văn và các giá trị cốt lõi phù hợp với thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân...; phủ nhận nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, hay ra sức tuyên truyền, đề cao, tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, đòi đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng;.. Mặt khác, một số bài viết mang tính báo cáo, định hướng..., nên ít được bạn đọc quan tâm.

Trong thời gian tới, để Website nhà trường góp phần đấu tranh có hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên, viên chức nhà trường trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường tiếp tục quán triệt đến giảng viên, viên chức về sự cần thiết phải tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm

sai trái, thù địch trong tình hình mới. Thường xuyên tuyên truyền, cập nhật kiến thức giúp cán bộ, đảng viên, giảng viên có thêm thông tin để nhận diện về những âm mưu, thủ đoạn, biểu hiện chống phá của các thế lực thù địch, phân tử cơ hội, tăng cường “sức đề kháng” trước những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch.

Qua đó, giảng viên, viên chức nhà trường phải có trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đặc biệt là trên không gian mạng. Trong đó, đội ngũ giảng viên phải là chiến sĩ tiên phong nêu cao tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, viết bài nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đăng trên Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn hay website nhà trường. Thậm chí Nhà trường có thể giao nhiệm vụ chính trị cho khác khoa chuyên môn về những chủ đề “nóng” trong đang diễn ra trong thực tiễn.

Hai là, đa dạng hóa các hình thức, nguồn thông tin trên Website nhà trường.

Các hình thức thông tin thể hiện trên Website có thể ở dạng văn bản, hình ảnh, ảnh động, video, làm cho Website sinh động, thu hút người xem. Trong thời gian tới, Website nhà trường cần đổi mới giao diện, đa dạng hóa các hình thức thông tin như dùng hình động, video, đặc biệt cập nhật banner tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn, các chủ đề, chủ điểm phục vụ công tác tuyên truyền. Xây dựng chuyên mục các cứ liệu lịch sử, tư liệu về Bác Hồ, các lãnh tụ của Đảng..., dưới dạng văn bản, hình ảnh, video để tăng cường sức thuyết phục.

Ba là, nâng cao nhận thức của học viên về sự cần thiết của bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Giảng viên cần cập nhật vào bài giảng những âm mưu, thủ đoạn, biểu hiện chống phá của các thế lực thù địch, phân tử cơ hội trong tình hình

hiện nay, nhất là những bài giảng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng. Qua đó tăng cường sức chiến đấu của các bài giảng, nâng cao nhận thức của học viên về sự cần thiết của bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có thể lồng ghép giới thiệu những bài viết hay về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên Website như một tài liệu tham khảo; động viên, khuyến khích học viên có năng khiếu viết bài về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đăng trên Website nhà trường để phong phú hơn về nội dung.

Mặt khác, Nhà trường cần tổ chức có hiệu quả hoạt động báo cáo về tình hình triển khai Nghị quyết 35 trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Bốn là, Đảng ủy, Bộ phận Thường trực 35 của Nhà trường cần định hướng kịp thời các nội dung “bảo vệ”, nội dung “đấu tranh”, “phản bác”.

Các hình thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, nham hiểm. Vì thế, Đảng ủy, Bộ phận Thường trực 35 của Nhà trường cần định hướng kịp thời các nội dung “bảo vệ”, nội dung “đấu tranh”, “phản bác” đang “nóng”, nhất là trên không gian mạng, làm “kim chỉ nam” để giảng viên, viên chức nhà trường tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiệu quả hơn.

Với hình thức thông tin đa dạng, cập nhật, phạm vi tác động lớn, Website là công cụ không thể thiếu của nhà trường trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) hiện nay. Website vừa là nơi quảng bá hình ảnh, phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, là diễn đàn để nghiên cứu trao đổi, đặc biệt là công cụ sắc bén để giảng viên, viên chức nhà trường góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Qua đó khẳng định vai trò, tầm vóc của một trung tâm đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ của tỉnh nhà./.

Hiệu quả hoạt động CỦA XÃ KIM THẠCH SAU MỘT NĂM SÁP NHẬP

ThS. Nguyễn Quốc Thanh

Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Xã Kim Thạch huyện Vĩnh Linh được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai xã Vĩnh Thạch và Vĩnh Kim, xã nằm về phía đông của huyện Vĩnh Linh, cách trung tâm huyện 16 km, có tuyến bờ biển dài hơn 10 km, là xã bãi ngang ven biển, thuộc xã biên giới biển theo quy định tại Nghị định 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ. Xã có diện tích đất tự nhiên là 2.282ha; 1.929 hộ gia đình với 6.766 nhân khẩu. Dân cư phân bố 22 thôn, trong đó có 1 thôn ngư nghiệp đánh bắt hải sản ven bờ.

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy - Ủy ban nhân dân (UBND) xã tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt trên 8%. Kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 65%, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ 35%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 45 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo 2,39%, hộ cận nghèo 4,23%. Về văn hóa xã hội: Công tác xây dựng đời sống văn hóa luôn được quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt chuẩn quốc gia về y tế; 4/4 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Quốc phòng, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo, dân chủ luôn được phát huy rộng rãi. Sau sáp nhập, tỉnh, huyện đã bố trí lực lượng công an chính quy về đảm nhận các chức danh trưởng, phó trưởng công an xã.

Về công tác sáp nhập, Đảng ủy, UBND xã đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo, triển khai

và quán triệt, tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị, qua đó đã tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc sáp nhập xã. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ huyện ủy Vĩnh Linh, xã Kim Thạch sau sáp nhập, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND xã đã phối hợp và thống nhất phương án kiện toàn bộ máy của Đảng, hệ thống chính trị ở xã và bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức xã đúng người đúng việc. Cụ thể: *Một là*, về tổ chức Đảng, Ban Thường vụ huyện ủy ban hành Quyết định số 3172 - QĐ/HU về việc thành lập Đảng bộ cơ sở xã Kim Thạch trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ xã Vĩnh Kim và Đảng bộ xã Vĩnh Thạch gồm 28 chi bộ trực thuộc và 541 đảng viên. Tháng 6/2021, Đảng bộ tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ nhất nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tại Đại hội đã bầu Ban Chấp hành (BCH) gồm 21 đồng chí. BCH đã bầu Ban Thường vụ gồm 07 đồng chí, trong đó 01 đồng chí Bí thư, 04 đồng chí phó bí thư. *Hai là*, HĐND và UBND xã tổ chức kỳ họp thứ nhất nhiệm kỳ 2016-2021 để bầu các chức danh của HĐND và UBND xã. Tại kỳ họp đã bầu Thường trực HĐND xã gồm 3 đồng chí, trong đó 01 đồng chí chủ tịch và 2 đồng chí phó chủ tịch HĐND xã. Bầu UBND xã gồm 04 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí chủ tịch, 01 đồng chí phó chủ tịch và 02 đồng chí ủy viên UBND xã. *Ba là*, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) xã và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đã tổ chức đại hội. Đến nay, UBMT xã Đại hội lần thứ nhất nhiệm kỳ 2019-2024 đã bầu ủy viên UBMT xã gồm 37 người. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đã sáp nhập và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời lãnh đạo các hội, đoàn xây dựng khối đại đoàn kết xã Kim Thạch.

Về kiện toàn sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Xã Kim Thạch đã phối hợp với UBND huyện Vĩnh Linh, các phòng, ban chuyên môn cấp huyện làm các thủ tục để quyết định bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và UBND huyện. Đến nay có 33 cán bộ, công chức cấp xã (13 cán bộ, 20 người công chức); ngoài ra có 01 đội viên Đề án 500 đang công tác tại xã theo sự phân công của Ban Chỉ đạo Đề án, có 11 người hoạt động không chuyên trách; không chuyên trách thôn 65 người; công an chính quy 05 người. Thực hiện phương án của huyện, đã điều 02 công chức Văn phòng - Thống kê của xã luân chuyển qua xã Vĩnh Sơn và Hiền Thành. Đồng thời, xã phân công lại nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức xã theo Quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Thông tư số 13/2019/TT-BNV, ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đến nay đội ngũ cán bộ, công chức xã đã ổn định và đi vào hoạt động có nền nếp, đảm bảo thực hiện tất cả các nhiệm vụ trên các lĩnh vực. Ban hành quy chế hoạt động của UBND xã sau khi sáp nhập xã. Bố trí, sắp xếp lại đội ngũ khuyến nông, thú y xã theo Công văn số 433/SNN-TCHC ngày 19/3/2020 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị, hiện nay đội ngũ

cán bộ thú y có 03 người và cán bộ khuyến nông có 04 người.

Sau một năm sáp nhập, Đại hội Đảng bộ xã Kim Thạch lần thứ nhất đề ra nghị quyết đưa xã phát triển vững mạnh, kinh tế - xã hội từng bước được cải thiện, đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới. Thời gian tới, địa phương sẽ hoàn thiện quy hoạch tổng thể xã sau sáp nhập, xây dựng các điểm dân cư mới, quy hoạch phát triển kinh tế biển gắn với du lịch. Người dân các địa phương sau sáp nhập đã hòa nhập với cuộc sống với nét văn hóa mới. Diện mạo xã ngày một khang trang, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn được cải thiện. Đặc biệt, hiệu quả trong hoạt động của chính quyền, sau sáp nhập chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao. Công tác cải cách thủ tục hành chính từng bước được cải thiện. Phong cách, thái độ tiếp công dân của cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa chu đáo và chuyên nghiệp hơn so với trước. Công việc theo đó được giải quyết nhanh gọn, thuận lợi cho người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được sau sáp nhập ở xã Kim Thạch, thực tiễn cho thấy, chuyển tách, nhập các đơn vị hành chính xã, phường hay thôn, xóm cả nước nói chung bước đầu triển khai bao giờ cũng gặp những khó khăn nhất định. Ở xã Kim Thạch ngoài những khó khăn chung của cả nước, thì cũng có những khó khăn mang tính đặc thù, trước mắt. Địa bàn rộng (có diện tích đất tự nhiên là 2.282ha) nên công tác tiếp cận, giải quyết công việc có lúc chưa kịp thời. Do trụ sở chưa đảm bảo nên phải bố trí làm việc của cán bộ, công chức tại 2 trụ sở (trụ sở Vĩnh Kim, Đảng ủy và các tổ chức chính trị - xã hội làm việc; trụ sở Vĩnh Thạch, UBND – HĐND làm việc khoảng cách 8 km) nên ảnh hưởng không ít đến công tác chỉ đạo, điều hành, cũng như giải quyết các thủ tục hành chính. Công an chính quy về cơ sở làm việc nhưng chưa có

trụ sở chính thức. Cán bộ, công chức dôi dư nên ảnh hưởng đến tâm lý của cán bộ, công chức, trong số này có không ít cán bộ đã có nhiều đóng góp cho địa phương nhưng tuổi đời còn trẻ... Một số vướng mắc về đất đai của xã cũ, cụ thể là sổ đỏ của người dân còn tên xã cũ (Vĩnh Kim hoặc Vĩnh Thạch) do đó khi cần giải quyết các vấn đề dân sự, ví dụ vay tiền ngân hàng thì phải xã Kim Thạch...

Trong thời gian tới, nhằm tháo gỡ những khó khăn trước mắt của xã Kim Thạch và hoàn thiện các chính sách đối với xã sáp nhập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trước hết cần có các giải pháp trước mắt và giải pháp lâu dài. Cụ thể:

Thứ nhất, xã Kim Thạch sau khi thực hiện sáp nhập, cán bộ, công chức xã dôi dư so với quy định (Nghị định số 34/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố). Đề nghị Trung ương có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức xã tiếp tục ổn định công tác tại xã không những đến năm 2024 mà kéo dài hơn để xã thực hiện tốt công tác quy hoạch, đảm bảo cán bộ yên tâm công tác.

Thứ hai, một số cán bộ chuyên trách, người hoạt động không chuyên trách phải

nghỉ công tác do dôi dư cán bộ, trong lúc đó có đồng chí không đóng BHXH nên khi nghỉ việc không có một chế độ gì, do đó Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho phù hợp.

Thứ ba, Nhà nước bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc chung của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT và các đoàn thể cấp xã, nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công chức hoạt động, đặc biệt là tạo điều kiện phục vụ tốt nhất cho người dân. UBND tỉnh, huyện quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân trong việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan như chứng minh thư nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... theo nguyện vọng của người dân là cơ quan chuyên môn nên về làm tập trung tại xã, miễn thu các loại lệ phí, phí dịch vụ hành chính công. Tỉnh, huyện có văn bản chính thức về phân bổ ngân sách xã sau sáp nhập để xã thực hiện đúng quy định.

Với các giải pháp đồng bộ sẽ tháo gỡ những khó khăn sau sáp nhập, tạo tiền đề xã Kim Thạch nói riêng, toàn huyện nói chung sớm hoàn thành và vượt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Vĩnh Linh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung toàn tỉnh./.

QUẢNG TRỊ NỖ LỰC HIỆN ĐẠI HOÁ HÀNH CHÍNH, ĐEM LẠI SỰ HÀI LÒNG CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

ThS. Lê Thị Tường Anh
Khoa Nhà nước và pháp luật

Hiện đại hóa nền hành chính là nhiệm vụ quan trọng trong cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Thông qua đó, quy trình xử lý công việc được hợp lý, khoa học, phù hợp với quy định của pháp luật. Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước kiểm soát tốt quá trình giải quyết công việc. Cán bộ, công chức các bộ phận thực thi công việc công khai, minh bạch và khoa học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công, cải cách thủ tục hành chính, đem lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Hiện đại hoá hành chính được hiểu là việc thay đổi trạng thái cấu trúc nội dung hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước làm cho nó có sự biến đổi phù hợp với yêu cầu khách quan của quá trình phát triển. Như vậy, có thể thấy hiện đại hóa hành chính nhà nước là quá trình chuyển biến từ cấu trúc hiện tại sang cấu trúc hiện đại hơn, để khiến nó thay đổi cách thức vận hành và sự ứng xử với xã hội theo chiều hướng tốt hơn. Hiện đại hoá hành chính là mấu chốt của cải cách nền hành chính. Bởi nhờ đó, nền hành chính nhà nước được cải tiến, được hiện đại cả về nội dung và hình thức. Nó tác động tích cực đến cải cách thủ tục hành chính ngày càng hiệu quả. Đồng thời, thực hiện hiện đại hoá hành chính còn góp phần làm cho nền hành chính nhà nước được hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tiết kiệm, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân

ngày một tốt hơn.

Hiện đại hoá hành chính là một trong sáu nhiệm vụ của Chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 bao gồm các nội dung như: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt hành chính; Tăng cường gửi nhận văn bản hành chính qua mạng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Công bố danh mục thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử; Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản lý hành chính và hiện đại hoá trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật trụ sở làm việc.

Với chủ trương hiện đại hóa nền hành chính để kiến tạo, phục vụ nhân dân, tỉnh Quảng Trị đã quan tâm tập trung đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Ngày 09/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2336/QĐ-UBND về Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị - Phiên bản 1.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật kiến trúc theo đúng quy định. Trên cơ sở kế thừa, xây dựng trên nền tảng chính quyền điện tử, tỉnh Quảng Trị tiếp tục thực hiện xây dựng Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2023. Trong đó, tỉnh đã tập trung đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, giao thông, du lịch giúp cải thiện và nâng cao sự tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, chất lượng, hiệu quả công việc.

Nhằm tạo bước phát triển đột phá trong

cung cấp dịch vụ hành chính công, từng bước nâng cao hiệu quả công việc, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Hệ thống chính quyền điện tử đã được đồng bộ tới 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. 100% cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã triển khai ứng dụng hệ thống thư điện tử công vụ với tên miền @quangtri.gov.vn để trao đổi thông tin cũng như sử dụng tài khoản thư điện tử công vụ được cấp để đăng nhập vào hệ thống thông tin và môi trường làm việc dành cho cán bộ, công chức để làm việc qua mạng. Trong đó, tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 50%. Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc để gửi, nhận và chuyển xử lý văn bản trên mạng máy tính, tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng giữa các cơ quan nhà nước ước đạt trên 95% (trừ văn bản mật); các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đều sử dụng phần mềm quản lý văn bản: <http://guinhanvanban.quangtri.gov.vn>.

Phần mềm quản lý văn bản của Tỉnh đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc đạt trên 90%; bảo đảm hệ thống chỉ đạo điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ UBND tỉnh đến các đơn vị trực thuộc và ngược lại; đã triển khai kết nối cài đặt hệ thống phần mềm kết nối liên thông 4 cấp gửi nhận văn bản qua mạng Chính phủ (kết nối từ Trung ương về đến cơ sở).

Cổng Dịch vụ công của tỉnh được xây dựng đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ

thuật và tích hợp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt. Cổng dịch vụ công của tỉnh được truy cập tại địa chỉ: dichvucong.quangtri.gov.vn. Qua đó đã tiết giảm thời gian và chi phí đi lại cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, của người dân và doanh nghiệp, đồng thời cập nhật được những thông tin kịp thời, chính xác từ tỉnh đến cơ sở, tạo ra những chuyển biến căn bản trong quá trình hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, xây dựng môi trường công vụ hiện đại, minh bạch.

Ngoài ra, các phần mềm phục vụ quản lý, điều hành cũng tích cực được triển khai như: Phần mềm theo dõi, thực hiện kết luận, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, tự động có thông báo nhắc việc bằng tin nhắn SMS đến lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; phần mềm quản lý hồ sơ, văn bản công việc; phần mềm một cửa điện tử; phần mềm đánh giá cán bộ, công chức; phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phần mềm Một cửa điện tử tỉnh đã được dùng chung, đồng thời đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, hiện nay 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã đã ứng dụng phần mềm Một cửa điện tử trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính.

Một bước tạo được đột phá trong công tác hiện đại hóa nền hành chính đó là triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Tri, đến nay đã đăng ký cấp mới chứng thư số chuyên dùng cho 2.632 cá nhân và 784 cơ quan, tổ chức. Ngoài ra công tác áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; TCVN ISO 9001:2015 trong những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ; việc áp dụng các quy trình đã mang lại hiệu quả thiết thực phù hợp với xu

thể xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch. Nhiều đơn vị thực hiện tốt duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng như: UBND huyện Vĩnh Linh, UBND thị xã Quảng Trị, các Sở: Thông tin & Truyền thông, Tài nguyên & Môi trường, Công thương, Y tế, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ...¹

Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO đã góp phần tích cực trong giải quyết các công việc chuyên môn của cơ, đơn vị; các quy trình được cụ thể hoá, xác định rõ trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị; tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả, đơn giản hoá quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của doanh nghiệp, địa phương, cơ sở góp phần tích cực trong việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ; chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công được nâng cao, từng bước tạo được lòng tin và sự hài lòng của người dân khi đến cơ quan hành chính nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong hiện đại hoá hành chính, vẫn còn một số hạn chế như: Tỷ lệ công chức sử dụng thư điện tử thường xuyên trong trao đổi công việc còn thấp. Hầu hết các cơ quan, đơn vị vẫn sử dụng song song 2 hình thức điều hành là vừa qua mạng vừa bằng văn bản giấy; không tạo được sức ép và đòi hỏi phải sử dụng, nâng cao trình độ tin học của cán bộ, công chức. Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu nhân lực được đào tạo căn bản về công nghệ thông tin dẫn đến lúng túng về kỹ năng, phương pháp thực hiện. Một số đơn vị chưa quan tâm cung cấp và cập nhật thông tin thường xuyên lên Trang thông tin của đơn vị. Nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh còn hạn hẹp nên việc đầu tư cho ứng

dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh còn thấp so với nhu cầu thực tiễn đòi hỏi. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ còn thấp, phần lớn hồ sơ online phát sinh tập trung chủ yếu ở các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cấp tỉnh do nhiều nguyên nhân như: người dân và doanh nghiệp chưa biết và chưa thực sự quan tâm nhiều đến các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước; thói quen dùng giấy tờ, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân chưa đồng đều; một số văn bản, quy định chưa sửa đổi kịp thời để thực hiện theo quy trình điện tử, người dân và doanh nghiệp vẫn phải nộp chứng từ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Việc liên kết tích hợp dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước còn gặp nhiều khó khăn về mặt pháp lý và cơ sở hạ tầng; hệ thống mạng đôi khi còn gặp trục trặc trong việc truyền tải dữ liệu nên việc đăng ký hay cập nhật cũng còn gặp khó khăn. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên tại một số cơ quan, đơn vị, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng còn mang tính hình thức, đối phó nên chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

Trước yêu cầu phát triển và những bất cập, hạn chế của nền hành chính hiện tại đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới, đồng thời xem hiện đại hoá hành chính là một trong những khâu quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước. Cần có những giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin hoàn thiện Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số tại

các đơn vị, địa phương. Chú trọng việc xử lý công việc, công tác báo cáo và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng qua đó nâng cao hiệu quả giải quyết công việc trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh xây dựng và áp dụng các phần mềm trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của các đơn vị, từng bước hoàn thiện nền hành chính hiện đại.

Thứ hai, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác hiện đại hoá hành chính, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, vai trò chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015; Duy trì hoạt động Ban chỉ đạo ISO của các sở, ban, ngành, địa phương, tuyên truyền, phổ biến về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 theo mô hình khung trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân thực sự hiểu sâu, rộng về hệ thống quản lý chất lượng.

Thứ ba, nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

Thứ tư, xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương nhất là cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dùng chung của tỉnh, đồng thời kết nối liên thông với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho công

tác quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã; đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu về năng lực quản trị hệ thống, khai thác và phát triển phần mềm mã nguồn mở, năng lực xử lý bảo mật hệ thống cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh.

Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính, ưu tiên triển khai ISO điện tử. Chú trọng công tác đảm bảo an toàn thông tin, bảo đảm cơ sở vật chất cho công tác an toàn thông tin; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá an ninh thông tin, khắc phục lỗ hổng bảo mật cho các hệ thống thông tin của tỉnh, phục vụ tốt mọi hoạt động của Chính quyền điện tử, kinh tế số và xã hội số.

Hiện đại hóa là khâu đột phá trong cải cách hành chính xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới nền hành chính minh bạch, hiệu quả. Hiện đại hoá hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm đang là hướng đi đúng để xây dựng môi trường giao tiếp giữa chính quyền với Nhân dân một cách văn minh, hiện đại, tăng “chỉ số minh bạch” của nền hành chính Nhà nước, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Trị sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại./.

1. Báo cáo của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 29/06/2020 về Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng 2021-2030.

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ - VẬN DỤNG VÀO GIÁNG DẠY CHUYÊN ĐỀ

“Một số vấn đề về cải cách hành chính ở cơ sở”

ThS. Nguyễn Thị Chính
Khoa Nhà nước và pháp luật

Cải cách hành chính nhà nước là một yêu cầu tất yếu trong xu thế hội nhập. Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng xác định cải cách hành chính là một trong ba khâu đột phá để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch.

Tại tỉnh Quảng Trị, trong những năm qua, công tác chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính được quan tâm, chú trọng. Từ năm 2011-2020, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đã ban hành hơn 150 văn bản để chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cải cách hành chính trong giai đoạn 2014 - 2020 và Nghị quyết về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020”. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 4 Nghị quyết về Kế hoạch giám sát hoạt động cơ chế một cửa tại Văn phòng Một cửa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai trên các lĩnh vực như: Chương trình hành động số 3245/Ctr-UBND ngày 15/8/2016 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TU của Tỉnh ủy; Quyết định số

497/QĐ-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; các văn bản về cơ chế một cửa như Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 9/2/2015 về việc nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; chương trình hành động duy trì và củng cố chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2016, tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 4/7/2014; chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2014-2020 tại Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 7/7/2014. Bên cạnh đó, tỉnh đã kịp thời ban hành văn bản triển khai thực hiện các nghị quyết, nghị định của Chính phủ: Kế hoạch số 1130/KH-UBND ngày 11/5/2017 về thực hiện Nghị quyết số 21/2016/NQ-CP; Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Chính vì sự quan tâm đó, trong những năm qua, công tác cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Trị đã thu được nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

Về thể chế: Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội và tăng cường công tác quản lý tại địa phương, trong những năm qua công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh từng bước đi vào nền nếp, nội dung, hình thức và trình tự thủ tục ban hành văn

bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy trình, quy định. UBND tỉnh ban hành quyết định 17/2007/QĐ-UBND ngày 11/9/2007 về việc ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Để phù hợp với Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, UBND tỉnh ban hành Quyết định 17/2011/QĐ-UBND ngày 18/7/2011 ban hành quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về thủ tục hành chính: Tỉnh đã công bố 1.981 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết từ cấp tỉnh đến cấp xã theo đúng quy định, 100% thủ tục hành chính được công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến quốc gia, đồng thời xây dựng 1.927 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính và số hóa thành quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian qua, có nhiều sáng kiến, giải pháp trong công tác cải cách thủ tục hành chính đã được triển khai, áp dụng. Kết quả hiện nay chỉ là bước đầu nhưng là tín hiệu tích cực vì nhiều cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan nhà nước đã có sự chuyển động theo hướng phục vụ người dân như phần mềm thu phí tập trung và phát hành biên lai điện tử do ngân hàng Vietcombank phối hợp thực hiện, ứng dụng Zalo trong phục vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, đánh giá chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông bằng phiếu đánh giá phát tại quầy giao dịch của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Về cải cách bộ máy hành chính: Tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, UBND huyện, thành phố, thị xã được điều chỉnh, sắp xếp lại

tin gọn, hiệu quả. Công tác phân cấp quản lý được đẩy mạnh. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước tỉnh Quảng Trị xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Về tổ chức bộ máy, sau khi kiện toàn, bộ máy của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được sắp xếp lại, cấp tỉnh có 19 cơ quan (giảm 7 cơ quan), cấp huyện có 112 cơ quan (giảm 13 cơ quan). Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về Đề án “Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập” toàn tỉnh đã sắp xếp, tổ chức lại 664 đơn vị thành 509 đơn vị, giảm 155 đơn vị, giảm 23,3% đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015, vượt 13,3% so với mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW đến 2021. Thực hiện Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH khóa XIV ngày 17/12/2019 của Thường vụ quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 7/1/2020 triển khai thực hiện nghị quyết đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Đến nay các huyện đã sắp xếp 33 xã, thị trấn xuống còn 17 xã, thị trấn, giảm 16 xã.

Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Có chính sách tuyển dụng, thu hút người tài, sinh viên học tập xuất sắc. Từ 2013 đến nay, tỉnh đã thu hút được 63 công chức và 232 viên chức. Tổ chức thi nâng ngạch công chức

và thăng hạng viên chức. Thực hiện thi tuyển các chức danh trong lãnh đạo, quản lý. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nhằm xây dựng kỷ cương công vụ, UBND tỉnh đã ban hành công văn số 4248/UBND-NC ngày 16/11/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên nhiều so với trước đặc biệt là trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính, kỹ năng xử lý giải quyết công việc và trình độ ngoại ngữ ngày một tốt hơn đáp ứng yêu cầu công tác.

Về cải cách tài chính công: Công tác cải cách tài chính công chuyển biến rõ rệt. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế, quản lý kinh phí hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước tạo điều kiện chủ động cho các cơ quan, đơn vị sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn kinh phí và biên chế được giao. Căn cứ vào nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, các địa phương đã chủ động trong công tác thu, do vậy tổng thu ngân sách qua các năm đều tăng, năm 2011 đạt 1.490.683 triệu đồng; năm 2015 đạt 2.298.700 triệu đồng; năm 2019 đạt 3.247.122 triệu đồng.

Về hiện đại hóa hành chính: Đẩy mạnh xây dựng đề án Chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh. Hiện nay, toàn tỉnh có 20/20 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 10/10 huyện, thị, thành đã có trang thông tin điện tử, qua đó cung cấp đầy đủ thông tin dịch vụ công trực tuyến phục vụ cho người dân và doanh nghiệp. Hiện nay, 100% các sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính còn tồn tại một số hạn chế đã được nêu ra trong Báo cáo số 130/BC-

UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng 2021-2030 đã nêu ra những hạn chế như sau:

Thứ nhất, lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính. Kế hoạch cải cách hành chính thiếu cụ thể về nhiệm vụ, thời gian, kết quả và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Thứ hai, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong những năm qua đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên ở một số cơ quan, đơn vị hiệu quả vẫn chưa cao. Vẫn còn tình trạng giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn, nhất là thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai.

Thứ ba, việc xây dựng chính quyền điện tử các cấp tuy đã được triển khai nhưng kinh phí đầu tư ít, thiếu các sáng kiến, giải pháp tích cực trong cải cách hành chính nhất là các giải pháp để người dân, tổ chức áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Thứ tư, chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX) tuy đã được cải thiện nhưng vị trí xếp hạng chưa ổn định và duy trì vững chắc. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) có lúc ở mức cao nhưng chưa ổn định. Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) vẫn thuộc nhóm cuối trong cả nước.

Với những kết quả và hạn chế như trên, bản thân là giảng viên tham gia giảng dạy chuyên đề “*Một số vấn đề cơ bản về cải cách hành chính ở cơ sở*” theo tôi cần chú trọng các nội dung sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là trách nhiệm, vai trò chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa

phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015, của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt, đối tượng học viên của Trường có nhiều cán bộ, công chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp thực hiện công tác cải cách hành chính, vì vậy việc tuyên truyền những nội dung đó đến với họ là điều cần thiết. Một số khác là chuyên viên các sở ngành, họ sẽ là cầu nối trong tham mưu cho lãnh đạo tại cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Hai là, các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ; nâng cao số lượng thủ tục hành chính liên thông; giảm thiểu đến mức không có hồ sơ quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết các thủ tục hành chính; nâng số lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích trên các lĩnh vực quản lý, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Ba là, tổ chức các cuộc thi sáng kiến để người dân có cơ hội góp ý trong xây dựng chính quyền điện tử các cấp. Việc làm này một mặt sẽ có thêm được những sáng kiến hay, mặt khác nhằm tuyên truyền sâu rộng chính quyền điện tử đến với người dân bởi hiện nay nhiều người dân còn xa lạ chưa hiểu

rõ về chính quyền điện tử, về những hiệu quả mà chính quyền điện tử mang lại.

Bốn là, duy trì chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Năm 2020, lần đầu tiên chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Quảng Trị đạt 44,78 điểm, đứng thứ 6/63 tỉnh, thành, tăng 28 bậc so với năm 2019 và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 63,07 điểm, thuộc nhóm khá, tăng tám bậc so với năm trước. Đây là một tín hiệu đáng mừng. Để duy trì được những chỉ số đó UBND tỉnh cần ban hành công văn yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt kết quả đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; tiến hành kiểm tra, rà soát, đối chiếu các chỉ số, chỉ số thành phần, tiêu chí thành phần, đặc biệt tập trung vào các chỉ tiêu giảm điểm, thuộc phạm vi, lĩnh vực, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương để xây dựng kế hoạch, đề ra nhiệm vụ, giải pháp khắc phục triệt để trong các năm tiếp theo; nghiêm túc kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm liên quan của các cá nhân, tổ chức đối với những chỉ tiêu giảm điểm.

Có thể nói, cải cách hành chính nhà nước trong những năm qua đã cơ bản đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín đất nước ta trên trường quốc tế. Với mục tiêu đó, tỉnh Quảng Trị đang nỗ lực hết mình trong công tác cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, quản trị phát triển, phục vụ Nhân dân, vì hạnh phúc của Nhân dân là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, của các tầng lớp Nhân dân./.

MỘT VÀI KINH NGHIỆM VỀ TỔ CHỨC THI VẤN ĐÁP Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh

Khoa Lý luận cơ sở

Vấn đáp là một trong những hình thức thi kết thúc môn học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (TCLLCT - HC), được quy định tại Điều 20 Quy chế Quản lý đào tạo của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ban hành theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (QC 2252). Trường Chính trị Lê Duẩn trong hai năm triển khai đã thực hiện tốt quy chế trên. Là giảng viên trực tiếp tham gia chấm thi vấn đáp, với kinh nghiệm của bản thân tôi nhận thấy thi vấn đáp có những ưu điểm như sau:

Một là, hình thức thi vấn đáp quy định mỗi đề thi có 02 câu hỏi, mỗi phần học, môn học ra 10 đề thi đã đáp ứng được yêu cầu bao quát nội dung trọng tâm của môn học, đảm bảo nội dung thi vừa có câu hỏi lý thuyết, vừa có câu hỏi liên hệ vận dụng nhằm quán triệt tốt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, gắn học với hành.

Hai là, đối với thi vấn đáp giảng viên chấm thi có quyền đặt ra câu hỏi bổ sung khi học viên đã trình bày xong nội dung thi của mình. Câu hỏi bổ sung sẽ giúp học viên nắm vững hơn các nội dung kiến thức đã trả lời, đồng thời giúp học viên gắn giữa lý luận với thực tiễn. Như vậy, thông qua hình thức này học viên sẽ được củng cố lại kiến thức, nắm chắc nội dung của phần học, môn học.

Ba là, vấn đáp là một hình thức thi hiệu quả, đòi hỏi học viên phải tự học, tự nghiên

cứu để nắm vững bản chất vấn đề, góp phần đẩy lùi tình trạng học tủ, học không hiểu bản chất hoặc thiếu sự liên hệ với thực tiễn và hạn chế việc gian lận trong thi cử của thí sinh. Bởi lẽ trong quá trình thi vấn đáp bộ đề thi gồm nhiều câu hỏi khác nhau, trải rộng toàn bộ khối kiến thức của môn học nên học viên không thể “đoán mò” một hai câu hỏi trong đề thi và Ban Giám khảo có thể linh động kiểm tra được toàn bộ kiến thức của người thi bằng nhiều vấn đề khác nhau. Hơn nữa, trong thời gian ngắn, 15 phút cho mỗi thí sinh nên khó có thể trao đổi, hỏi bài nhau và không thể chép bài của nhau. Thi vấn đáp giúp học viên rèn luyện kỹ năng suy luận, phản biện và dần hình thành năng lực, sự am hiểu thực sự và phong thái tự tin, làm quen dần với những áp lực tâm lý tạo nền tảng kỹ năng quan trọng để phục vụ tốt công tác thực tế sau này.

Bốn là, thi vấn đáp được đánh giá tiết kiệm thời gian hơn hình thức thi viết. Nếu như tổ chức kiểm tra đánh giá bằng hình thức thi viết thì mất khoảng 2 ngày vừa tổ chức thi, làm phách và chấm thi, trong khi tổ chức thi vấn đáp thì thời gian để tổ chức thi và trả kết quả thi khoảng 01 ngày làm việc. Như vậy, thi vấn đáp sẽ tiết kiệm thời gian hơn các hình thức khác.

Năm là, số lượng thí sinh gọi vào phòng thi theo lượt, mỗi bàn bố trí một thí sinh ngồi, vì vậy giúp cán bộ coi thi bao quát thí sinh dễ hơn, hạn chế tình trạng quay cóp, trao đổi bài, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng của quá trình thi.

Tuy nhiên, đối với thi vấn đáp trong quá trình tiến hành vẫn còn những vướng mắc, những hạn chế nhất định như sau: *Một là*, do đối tượng học viên phần nhiều lớn tuổi, đều là cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, cán bộ cấp cơ sở phải vừa học vừa làm nên thời gian dành cho việc ôn tập còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học viên. *Hai là*, một số học viên do đặc thù công việc, còn tâm lý ngại ngùng, lúng túng khi trả lời trực tiếp dẫn đến kết quả thi không được như mong đợi. *Ba là*, một số giảng viên không tránh khỏi tính chủ quan khi đặt câu hỏi cho học viên hơi xa so với nội dung học nên học viên khó trả lời....

Với những ưu điểm và hạn chế nêu trên, đồng thời qua 02 năm thực hiện Quy chế 2252, có thể khẳng định, thi vấn đáp là một hình thức thi thích hợp đối với đối tượng học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Trong thời gian tới, để thi vấn đáp ở Trường Chính trị Lê Duẩn hiệu quả hơn, theo cá nhân tôi cần phải thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, phải tổ chức biên soạn hệ thống câu hỏi phục vụ thi vấn đáp gồm câu hỏi chính và câu hỏi bổ sung đảm bảo phủ đều nội dung kiến thức của môn học. Nội dung câu hỏi phải rõ ràng, không mang tính đánh đố học viên, phù hợp với thời gian chuẩn bị 15 phút và trả lời không quá 15 phút của học viên. Câu hỏi nên có phần mở rộng thể hiện các mức độ nhận thức cao như vận dụng, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo để có thể phân loại được học viên.

Thứ hai, học viên phải có kế hoạch học tập, tích cực trong các giờ thảo luận để nắm chắc cả lý thuyết và liên hệ với thực tiễn để nắm chắc nội dung của môn học. Chuẩn bị tốt nội dung môn học sẽ giúp cho học viên có tâm lý tự tin và có kết quả cao trong quá trình thi.

Thứ ba, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực huy động sự tham gia, đóng góp ý kiến của học viên đối với bài giảng, tạo điều kiện tối đa cho học viên trình bày, thể hiện quan điểm cá nhân về các vấn đề có liên quan nhằm tập luyện khả năng tư duy, giải quyết và trình bày vấn đề cũng như rèn luyện tâm lý cho học viên.

Thứ tư, giảng viên chấm thi phải có kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực, chuyên ngành tổ chức thi, phải có sự chuẩn bị về tâm lý cho những tình huống bất ngờ phát sinh. Đồng thời trong quá trình tổ chức thi giảng viên chấm thi cần tạo tâm lý tốt để học viên bình tĩnh, tự tin diễn đạt phần thi của mình. Có thể giao tiếp gợi mở để giúp học viên nhớ lại nội dung kiến thức đã học hoặc trả lời sâu sắc hơn nội dung đề thi. Sau khi học viên thực hiện phần thi xong, giám khảo nên nhận xét, đánh giá ngắn gọn phần trả lời để học sinh rút kinh nghiệm cho những lần thi sau.

Thứ năm, học viên chưa được gọi tên vào phòng cần bố trí chỗ ngồi trước hành lang nghiêm túc, không nói chuyện gây ảnh hưởng tới những thí sinh khác. Các thí sinh đã vào phòng cần đánh số báo danh, đảm bảo chấp hành nghiêm túc quy chế thi. Cán bộ coi thi thực hiện nghiêm túc quy chế phòng thi, kết hợp với phương pháp mềm dẻo, tránh gây áp lực cho học viên trong quá trình thi.

Tóm lại, thi vấn đáp là một hình thức thi khá phổ biến và thực tiễn chứng minh phù hợp với hệ thống trường chính trị nói chung Trường Chính trị Lê Duẩn nói riêng. Những suy nghĩ, chia sẻ của người viết mới chỉ là những kinh nghiệm ban đầu của việc tổ chức thực hiện thi vấn đáp đối với các phần học, nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của thi vấn đáp trong thời gian tới./.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Vân
Phòng QLĐT & NCKH

Theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025, thì vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Quảng Trị có diện tích 313.675 ha, chiếm 68% diện tích tự nhiên. Sau khi sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp xã, có 44 xã, thị trấn, trong đó có 38 xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chủ yếu là dân tộc Vân Kiều, Pa Cô. Dân số miền núi là 43.667 hộ với 182.124 khẩu, trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số 19.263 hộ, 87.218 khẩu. Đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi được Đảng, Nhà nước và các địa phương xác định là một trong những ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù điều kiện kinh tế còn khó khăn, nhưng được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân, sự nỗ lực của thầy, cô giáo, phối hợp trách nhiệm với đồn biên phòng nên giáo dục miền núi Quảng Trị xóa được “bản trắng” giáo dục, nâng cao dân trí, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với đồng bằng.

Trong những năm qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số đã được ban hành như: Chính sách về phát triển hệ thống mạng lưới trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục; chính sách đối với trẻ em, học sinh; chính sách đối với

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo đặc biệt là tại các vùng dân tộc thiểu số. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước ban hành ngày càng đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển. Điều 61 của Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009, Luật Giáo dục năm 2019 quy định một số điều khoản chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trên cơ sở Hiến pháp và Luật, Nhà nước đã ban hành các chính sách cụ thể như: Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới”; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/6/2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và miễn giảm học phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, cùng nhiều chính sách khác được triển khai và thực hiện đúng, đầy đủ.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Trị có nhiều chính sách hỗ trợ cụ thể để triển khai kịp thời như: Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân

tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND ngày 24/4/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về luân chuyển và chính sách khuyến khích đối với giáo viên công tác tại vùng đặc biệt khó khăn; Nghị quyết số 24/2018/NQ - HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thông qua Đề án xóa phòng học tạm, phòng mượn giai đoạn 2019 - 2021; Nghị quyết số 19/NQ - HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, hướng đến năm 2030. Các chính sách được triển khai nhanh chóng và đồng bộ ở các cấp đã giải quyết một phần khó khăn cho học sinh, hạn chế tình trạng bỏ học và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng dân tộc thiểu số miền núi.

Ngành giáo dục Quảng Trị luôn thường xuyên quan tâm tới công tác phổ cập giáo dục đưa trẻ em dân tộc thiểu số tới trường và duy trì số lượng học sinh trong độ tuổi đi học, đặc biệt là việc phối hợp với các lực lượng xã hội huy động tối đa trẻ em, học sinh người dân tộc thiểu số, bảo đảm sĩ số học sinh đi học chuyên cần, giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học sau dịp lễ tết, mùa vụ. Trong năm học 2017 - 2018 tỷ lệ trẻ vào lớp 1 đạt 99,8%, năm học 2019 - 2020 là 100% xã và thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, tỷ lệ các cháu mầm non dân tộc thiểu số từ 3-6 tuổi đến lớp trường đạt 93,7%. Tỷ lệ trẻ em nhập học đúng độ tuổi cấp tiểu học của từng dân tộc thiểu số Vân Kiều, Pa Cô trên 98,7%; tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học của dân tộc thiểu số Vân Kiều, Pa Cô đạt 99,9%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết chữ 54,5%.

Chất lượng giáo dục, đào tạo đã có những thay đổi rõ nét, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú

được thành lập, củng cố và ngày càng phát triển, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu học tập của học sinh miền núi. Hiện nay, toàn tỉnh Quảng Trị có 05 trường phổ thông dân tộc nội trú với 3.545 học sinh, có 247 giáo viên trong đó 52 giáo viên là người dân tộc thiểu số; có 09 trường phổ thông dân tộc bán trú với 3.368 học sinh, có 245 giáo viên trong đó có 56 giáo viên là người dân tộc thiểu số, đây là kết quả nỗ lực trong thực hiện kế hoạch phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú Quảng Trị đến năm 2025 nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tạo tạo ở vùng dân tộc thiểu số miền núi. Tuyên truyền, huy động trẻ dân tộc thiểu số đến trường đầy đủ và tổ chức học 2 buổi/ngày để trẻ có thời gian, cơ hội được tăng cường tiếng Việt, từ năm học 2013-2014 tổ chức dạy thí điểm tiếng Bru-Vân Kiều cùng một chương trình Trường Tiểu học Hướng Tân (lớp 3), Trường Trung học cơ sở Húc (lớp 7) thuộc huyện Hướng Hóa; từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021 đã chủ trương dạy tiếng Bru-Vân Kiều cho tất cả học sinh lớp 6,7 của 04 trường trên địa bàn huyện Hướng Hóa, 01 trường tại huyện Đakrông.

Thực hiện lồng ghép các hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc, kỹ năng sống thông qua việc tích hợp trong các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Tiếng Việt, Đạo đức và trong các chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp với nhiều phương pháp khác nhau góp phần hoàn thiện giáo dục tri thức, hiểu biết và hoàn thiện nhân cách học sinh.

Các nguồn lực được ưu tiên tập trung cho miền núi, vùng sâu, vùng xa đặc biệt là việc triển khai đề án xóa phòng học tạm, phòng mượn, xây dựng 109 phòng học với nguồn vốn đầu tư 76.889 triệu đồng. Đến nay, cơ sở vật chất trang thiết bị trường lớp ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được đầu tư đồng

bộ, 100% số xã có trường tiểu học, 75% số xã có trường trung học cơ sở; có 20 trường đạt chuẩn quốc gia. Phong trào xây dựng thư viện và phòng học bộ môn đạt chuẩn có chuyển biến tích cực, đã công nhận 02 thư viện xuất sắc, 06 thư viện tiên tiến, 05 thư viện đạt tiêu chuẩn và 22 phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn. Huy động nhiều sự hỗ trợ từ các nguồn khác nhau để trang bị các phương tiện học tập hiện đại, nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập ngày càng cao của học sinh.

Các chính sách được thực hiện đầy đủ đối với nhà giáo, công tác quản lý cán bộ giáo dục ở các trường chuyên biệt, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn cũng như với học sinh trường dân tộc nội trú nhằm hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đang học tại các lớp mẫu giáo thôn, bản và học sinh bán trú; hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trong năm học 2019 -2020 đã hỗ trợ hơn 30 tấn gạo cho học sinh dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, nhiều cuộc vận động quyên góp giày dép, sách vở, quần áo cho học sinh dân tộc vùng khó khăn được triển khai. Chính sách học bổng cho học sinh dân tộc chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc, bình quân mỗi năm đã hỗ trợ hơn 13 tỷ đồng cho gần 1.200 học sinh dân tộc; thực hiện quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. Thực hiện miễn thu học phí đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện đúng, đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi điều đó đã góp phần giảm bớt khó khăn về vật chất, cải thiện đời sống phần nào để yên

tâm công tác và gắn bó với công việc. Cùng với đó là tăng cường nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên qua thực hiện Đề án số 2746/ĐA-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh ban hành về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số từ năm 2018-2025, chiến lược đến 2030, tập trung nhiệm vụ trọng tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục học sinh cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Đã đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, giúp đỡ về chuyên môn cho giáo viên ở trường vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dạy học, soạn giảng, dạy học trực tuyến.

Mặc dù kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đã có những bước phát triển mạnh, nhưng vẫn là vùng khó khăn nhất của tỉnh. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được đầu tư hằng năm, nhưng nhìn chung chưa đáp ứng đủ nhu cầu và chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là ở 02 huyện Đakrông, huyện Hướng Hóa nhiều nơi đã xuống cấp. Thời gian qua do dịch bệnh kéo dài và tình hình mưa bão, lũ lụt đã tác động lớn đến các việc thực hiện một số chương trình, chính sách không thể hoàn thành theo kế hoạch đề ra; hệ thống cơ sở hạ tầng giáo dục vùng núi bị thiệt hại nặng trong mưa bão, lũ lụt. Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa đã được nâng lên nhưng so với mặt bằng chung vẫn còn thấp. Hiện nay, công tác giáo dục của tỉnh Quảng Trị cũng gặp một số khó khăn và chưa đạt mục tiêu như tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi, người dân tộc thiểu số ở độ tuổi 15-60 tuổi mù chữ chiếm 8,0%. Đội ngũ giáo viên và nhân viên trường học còn bất cập về số lượng, chất lượng và cơ cấu; nhiều giáo viên không biết tiếng Bru - Vân Kiều nên việc giao tiếp với

học sinh người dân tộc thiểu số còn hạn chế. Đa số con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số điều kiện kinh tế còn khó khăn, phần lớn thuộc hộ nghèo và cận nghèo nên việc duy trì sĩ số học sinh khó khăn, tình trạng bỏ học vẫn còn diễn ra.

Xác định giáo dục là khâu đột phá trong phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đầu tư cho ngành giáo dục và đào tạo. Tỉnh Quảng Trị nhanh chóng triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách đã đề ra và đạt được nhiều kết quả tích cực. Để khắc phục những khó khăn, hạn chế và thực hiện tốt hơn nữa công tác giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi Quảng Trị, thời gian đến tỉnh cần thực hiện những giải pháp:

Thứ nhất, các cấp ủy đảng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò của giáo dục, đào tạo đối với vùng dân tộc miền núi nhằm nâng cao ý thức của nhân dân, vận động và duy trì sĩ số học sinh trong độ tuổi đi học, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục đa dạng thu hút học sinh đến trường. Đưa các chỉ tiêu duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chú trọng hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm, khối, tổ, nhóm, trực tiếp, trực tuyến; tăng cường tổ chức và quản lý hoạt động kỹ năng sống, giáo dục đặc thù, giáo dục ngoài giờ chính khóa, công tác học sinh nội trú, bán trú, đặc điểm tâm lý học sinh dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc cho cán bộ quản lý, giáo viên. Tăng cường hoạt động giao lưu, giúp đỡ về chuyên môn ở trường vùng sâu, vùng xa và khó khăn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dạy học, soạn giảng, dạy học trực tuyến.

Thứ ba, các cấp ủy đảng và chính quyền

cần tập trung huy động nguồn lực đầu tư, vận động và thu hút các nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để hoàn thành các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ về giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên tập trung đầu tư vốn triển khai Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, đồng thời cần xây dựng các chương trình, dự án giáo dục cho vùng khó khăn, dân tộc, miền núi nhằm tăng cường cơ sở vật chất trường học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại.

Thứ tư, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các lĩnh vực: quản lý dạy học, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú, bán trú; thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, công khai đối với cơ sở giáo dục theo quy định.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giáo viên dạy tiếng, chữ dân tộc thiểu số. Thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục cũng như học sinh trường dân tộc nội trú theo quy định nhằm hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đang theo học tại các lớp mẫu giáo thôn bản và học sinh bán trú.

Để đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục, cần phải có sự chung tay của cả hệ thống chính trị. Tin rằng, cùng với sự nỗ lực và đồng lòng của các ban, ngành, đoàn thể của địa phương sẽ vượt qua những khó khăn, hạn chế nhằm đạt được nhiều thành công hơn nữa trong giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi Quảng Trị hiện nay./.

TỔ CHỨC ĐOÀN CƠ SỞ TỈNH QUẢNG TRỊ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 42-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

ThS. Dương Thị Châu Phụng

Khoa Lý luận cơ sở

Trong bản Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”. Thực hiện lời dạy của Bác, Đảng ta luôn coi trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”, kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò và sức mạnh của thanh niên càng được phát huy, tô thắm, bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp của thanh niên Việt Nam. Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đề cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ phụ trách công tác thanh niên, luôn chú trọng xây dựng môi trường lành mạnh để thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành.

Ngày 24/3/2015, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Chỉ thị Số 42-CT/TW về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*”. Chỉ thị đã tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao chất và lượng đối với thanh niên, để từ đó phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trên mọi lĩnh vực của đời sống. Chỉ thị 42-CT/TW tập trung vào 2 nội dung chính: Sự cần thiết, cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ; những định hướng lớn, nhiệm vụ giải pháp cần triển khai trong thời gian tới. Qua đó, đã

tạo nên cơ sở vững chắc để toàn xã hội có sự quan tâm đặc biệt đến thế hệ trẻ, góp phần xây dựng nên những thế hệ trẻ vững vàng về bản lĩnh, tư tưởng chính trị, lối sống văn hóa, đạo đức tốt, có tinh thần sống vì cộng đồng; góp sức trẻ của mình trong phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính, hiện nay tỉnh Quảng Trị có 395 tổ chức cơ sở đoàn với 127.000 đoàn viên thanh niên. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, đoàn cơ sở các cấp tỉnh Quảng Trị đã tiến hành triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Một là, các tổ chức đoàn cơ sở đã chú trọng triển khai cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” theo đặc thù của từng đơn vị để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục hiệu quả và tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình, công trình, phần việc thanh niên làm theo lời Bác. Tổ chức sinh hoạt chi đoàn chủ điểm năm 2020 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với tu dưỡng đạo đức suốt đời*” trong đoàn viên, thanh niên; đồng loạt tổ chức các hoạt động hưởng ứng “*Tuần lễ Thanh niên làm theo lời Bác*” với nhiều hoạt động phong phú, ý nghĩa. Chi đoàn cơ sở các cấp đã triển khai nội dung 4 bài

học lý luận chính trị đến đoàn viên thông qua các trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội. Đồng thời, Ban Chấp hành đoàn cơ sở luôn theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận trong thanh niên trước những diễn biến phức tạp và công tác đấu tranh phản bác với những luận điệu xuyên tạc, âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch nhằm vào thanh niên; qua đó, đã định hướng tư tưởng cho thanh niên trước dư luận xã hội.

Hai là, công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho đoàn viên thanh niên tiếp tục được chú trọng với các hoạt động đạt hiệu quả tích cực. Các cơ sở đoàn tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đoàn viên, thanh niên, tạo sức lan tỏa và hiệu quả kịp thời. Tiêu biểu như: Đợt sinh hoạt cao điểm chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; chào mừng kỷ niệm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước... Các hoạt động “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*” được các cơ sở đoàn triển khai có hiệu quả thông qua việc tổ chức các chương trình sinh hoạt truyền thống tại các địa chỉ đỏ, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng. Đặc biệt, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã chỉ đạo các cơ sở Đoàn đảm nhận chăm sóc thường xuyên các cựu thanh niên xung phong cô đơn và cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

Ba là, công tác giáo dục đạo đức, lối sống ngày càng đi vào chiều sâu. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã tiếp tục chỉ đạo các cơ sở đoàn triển khai tốt kế hoạch thực hiện Đề án “*Tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng,*

đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi” giai đoạn 2019 - 2022 với nhiều nội dung, hình thức tổ chức phong phú. Các tổ chức đoàn cơ sở duy trì và nhân rộng hiệu quả Cuộc vận động “*Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp*” tạo hiệu ứng tích cực, góp phần chuyển biến nhận thức, hành động của đoàn viên thanh niên. Trước diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đoàn nắm bắt tình hình tư tưởng trong đoàn viên thanh niên; báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền cơ quan, đơn vị về những vấn đề phát sinh mang tính tiêu cực để kịp thời chỉ đạo và giải quyết. Chủ động nắm bắt dư luận xã hội trong đoàn viên tại các cơ quan đơn vị, đặc biệt là đoàn viên là học sinh, sinh viên trong khối trường học. Các cấp bộ đoàn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kịp thời thông tin về âm mưu, thủ đoạn và phương thức hoạt động của các thế lực thù địch trên trang thông tin điện tử, facebook chính thống. Qua đó, kịp thời cung cấp thông tin, làm tốt công tác định hướng dư luận xã hội trong đoàn viên thanh niên; góp phần nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia tố giác, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, các phong trào hành động cách mạng của các tổ chức đoàn cơ sở đã có bước phát triển mới, chú trọng hoạt động đi vào chiều sâu, có sức lôi cuốn và lan tỏa lớn trong tuổi trẻ toàn tỉnh, như: Phong trào “*Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”, “*Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp*”, “*Đồng hành với thanh niên trong học tập, nghiên cứu khoa học*”, “*Tuổi trẻ Quảng Trị chung tay xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh*”, “*Xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng*”, “*Ba trách nhiệm*”,

“Sáng tạo trẻ”. Đặc biệt, trong năm 2020, tuổi trẻ tỉnh Quảng Trị đã vận động nguồn lực và trao tặng hơn 45.000 khẩu trang, hàng tấn lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, giá trị gần 1 tỷ đồng giúp đỡ lực lượng phòng, chống dịch và người dân. Các cơ sở đoàn trong toàn tỉnh đã vận động nguồn lực trao tặng hơn 45.000 khẩu trang miễn phí, hơn 5.000 chai dung dịch rửa tay sát khuẩn, 6.000 bánh xà phòng, 2.000 chai nước súc họng sát khuẩn cho bà con nhân dân. Tỉnh Đoàn đã thành lập 40 đội hình thanh niên tình nguyện hỗ trợ các khu cách ly tập trung tại các huyện, thị xã, thành phố. Sau trận lụt lịch sử, các tổ chức đoàn cơ sở đã triển khai các hoạt động giúp đỡ nhân dân khắc phục hậu quả, hỗ trợ nhân dân tái sản xuất phát triển phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống.

Như vậy, sau hơn 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị Số 42- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các tổ chức đoàn cơ sở tỉnh Quảng Trị đã tạo được nhiều hiệu ứng tích cực trong cán bộ đoàn, đoàn viên thanh niên trên địa bàn. Các nội dung, phương thức hoạt động của đoàn từng bước được đổi mới, bám sát với điều kiện thực tế tại địa phương cơ sở và từng đối tượng đoàn viên thanh niên. Nhiều cách làm hiệu quả trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho đoàn viên thanh niên. Song, bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện Chỉ thị trong thực tế vẫn còn một số bất cập. Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận cho đoàn viên thanh niên còn lúng túng; chưa khai thác tốt các trang mạng xã hội để tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống cho đoàn viên, thanh niên; thực tiễn việc triển khai thực hiện một số nội dung của Chỉ thị ở một số tổ chức cơ sở đoàn còn mang tính hình thức, thiếu tính sáng tạo; vai trò của ban

chấp hành ở một số cơ sở đoàn trong việc triển khai thực hiện còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư đã nhận định: *“Những năm tới, tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ; mức độ toàn cầu hoá ngày càng cao. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thế hệ trẻ tiếp tục là đối tượng, mục tiêu mà các thế lực thù địch tập trung lôi kéo, kích động, chia rẽ”*. Do đó, để tiếp tục triển khai có hiệu quả hơn nữa Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư, các tổ chức đoàn cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cần chú trọng những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, các cấp bộ đoàn tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng giáo dục chính trị, truyền thông cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Gắn việc giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa với triển khai sáng tạo Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*; Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*. Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong đoàn viên, thanh niên gắn với các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước bằng nhiều hình thức phong phú như: diễn đàn, tọa đàm, ngày hội thanh niên, liên hoan tuyên truyền ca khúc cách mạng, xem phim lịch sử, triển lãm... để bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên cho thế hệ trẻ.

Thứ hai, đoàn cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các phương

tiện truyền thông để giáo dục chính trị, tư tưởng cho thanh thiếu nhi. Đặc biệt chú ý tới việc tận dụng ưu thế tích cực của các phương tiện truyền thông, các kênh thông tin hiện đại và các trang mạng xã hội trong việc tiếp cận và truyền đạt nội dung tuyên truyền, định hướng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho đội viên, đoàn viên, thanh niên. Các cấp bộ đoàn cần lập trang mạng riêng để thông qua đó tuyên truyền yếu tố tích cực, người tốt, việc tốt, hành động đẹp; cung cấp thông tin, trang bị kiến thức, phương pháp, kỹ năng để thanh niên tự phòng ngừa, tự sàng lọc, tự đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Thứ ba, các cấp bộ đoàn chăm lo củng cố xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực sự vững mạnh về tư tưởng chính trị, tổ chức và hành động, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó, coi trọng công tác cán bộ đoàn, đào tạo đội ngũ kế cận của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn tiên phong, bản lĩnh, có tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, năng động và sáng tạo, không suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chú trọng nâng cao chất lượng đoàn viên, nhất là chất lượng tư tưởng chính trị và tính tiên phong, bản lĩnh của thanh niên. Thường xuyên kịp thời nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong thanh, thiếu niên, nhất là ở các khu vực đông dân cư, địa bàn nhạy cảm, vùng sâu, vùng xa. Kịp thời đấu tranh, phê phán, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, biểu hiện sai trái trong cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu niên. Phát hiện, tuyên dương, nhân rộng những mô hình hay, giải pháp

mới từ cơ sở, tạo động lực phát huy sáng kiến của thế hệ trẻ trong lao động sản xuất, học tập, nghiên cứu khoa học hiệu quả, có tính ứng dụng cao.

Thứ tư, cấp uỷ, chính quyền các cấp cần từng bước tăng ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Ưu tiên bố trí quỹ đất và kinh phí để xây dựng các công trình phúc lợi, vui chơi, giải trí cho thanh, thiếu niên. Phát huy cơ sở vật chất của các trung tâm văn hóa, hệ thống nhà văn hóa thôn, bản, khu phố để tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh cho thanh thiếu niên. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, bảo vệ môi trường sống, bảo đảm cho thế hệ trẻ được an toàn trong cuộc sống, học tập, vui chơi.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “*xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động, giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ cho thế hệ trẻ...*”. Do đó, việc triển khai và thực hiện hiệu quả Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng là một trong những vấn đề cấp thiết đang đặt ra đối với các tổ chức cơ sở đoàn tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay. Qua đó, góp phần xây dựng thế hệ trẻ Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức trong sáng, ý thức tuân thủ pháp luật; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng lao động; trở thành những công dân tốt. Vì vậy, tin tưởng rằng, trong thời gian tới, các tổ chức cơ sở đoàn tỉnh Quảng Trị quyết tâm thực hiện tốt Chỉ thị 42 của Ban Bí thư, phấn đấu đến năm 2030 đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra./.

MỘT SỐ SUY NGHĨ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG DỰ GIỜ Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN HIỆN NAY

CN. Phạm Xuân Ngọc
Khoa Xây dựng Đảng

Trường Chính trị Lê Duẩn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh uỷ, có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, Nhà trường luôn chú trọng đến nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng chuyên môn cần tiến hành nhiều nội dung, hình thức, phương pháp, trong đó dự giờ là hoạt động có ý nghĩa rất thiết thực và không thể thiếu.

Dự giờ là hoạt động chuyên môn của quá trình giảng dạy, nhằm kiểm tra, đánh giá năng lực, trình độ của giảng viên, đồng thời tạo điều kiện cho các giảng viên trao đổi kinh nghiệm, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, góp phần tăng cường và thực hiện tốt việc quản lý dạy và học, thúc đẩy phong trào thi đua “giảng dạy tốt, học tập tốt” trong giảng viên và học viên.

Thực hiện Quy chế giảng viên (ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02 tháng 5 năm 2019) của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, trong đó, tại Chương V, Điều 22 có quy định về hoạt động dự giờ đối với giảng viên. Để cụ thể hóa và thực hiện quy chế của Học viện, Trường Chính trị Lê Duẩn đã ban hành Kế hoạch số 17-KH/TCTLĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về thao giảng, dự giờ đối với giảng viên năm 2021. Kế hoạch xác định dự giờ là hoạt động chuyên môn bắt buộc, được tiến hành thường xuyên, liên tục trong năm đối với tất cả các giảng viên

giảng dạy các bài thuộc phần học, môn học do khoa đó phụ trách. Việc dự giờ được thực hiện theo kế hoạch và đột xuất. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu trong việc triển khai kế hoạch dự giờ, ngay từ đầu năm, căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy của khoa, lịch học tập của các lớp, giảng viên đăng ký kế hoạch dự giờ nộp cho khoa. Trong kế hoạch đã xác định rõ: tên bài giảng, mục tiêu, số tiết giảng, lớp giảng, thời gian giảng, tên giảng viên. Trên cơ sở đăng ký của giảng viên, khoa nộp kế hoạch về cho Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trong những năm qua, hoạt động dự giờ của Nhà trường ngày càng đi vào nền nếp và đã đạt được một số kết quả quan trọng:

Một là, công tác dự giờ luôn được giảng viên các khoa thực hiện nghiêm túc. Hoạt động dự giờ giúp giảng viên rèn luyện chuyên môn, tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp về những ưu điểm, hạn chế của mình, từ đó có kế hoạch, ý thức nâng cao tinh thần trách nhiệm, nghiệp vụ sư phạm, đổi mới phương pháp, hoàn thiện bài giảng để có thể hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, từng bước trưởng thành trong công tác chuyên môn; chủ động, tích cực hơn trong mỗi bài giảng, giờ giảng. Đồng thời, thông qua hoạt động này, mỗi giảng viên, nhất là giảng viên trẻ học tập được những điểm mới, sáng tạo và rút kinh nghiệm từ những hạn chế, thiếu sót từ đồng nghiệp về phong cách sư phạm, phương pháp giảng dạy và cách ứng xử đối với các tình huống xảy ra trong quá trình lên lớp, từ đó áp dụng vào quá trình giảng dạy của mình.

Hai là, sau khi thực hiện hoạt động dự giờ, các khoa tổ chức sinh hoạt chuyên môn để mỗi giảng viên được dự giờ lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, từ đó nhận thấy được những ưu điểm, hạn chế của mình để tự điều chỉnh cho mỗi giờ giảng một cách tốt nhất. Trên cơ sở đó, tạo ra môi trường, động lực nhằm thúc đẩy phong trào trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Thông qua các tiết dự giờ, rút kinh nghiệm, cán bộ quản lý khoa sẽ có căn cứ phân công nhiệm vụ chuyên môn cho giảng viên cũng như lựa chọn giảng viên tham gia thao giảng; hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường và Học viện.

Ba là, các giảng viên được dự giờ luôn có tinh thần, trách nhiệm cao. Đa số các giảng viên khi được dự giờ đã có sự chuẩn bị kỹ về nội dung, phương pháp giảng dạy, nhất là kết hợp giữa phương pháp truyền thống với một số phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng bài giảng. Kết quả hoạt động dự giờ đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và tạo nên sự tâm huyết nghề nghiệp đối với mỗi giảng viên trong Nhà trường.

Bốn là, về phía học viên khi có thầy cô đến dự giờ, lớp học diễn ra sôi nổi hơn, ý thức học tập của học viên nghiêm túc hơn. Đây là điều kiện tốt nhất để phát huy tính sáng tạo của học viên, những câu hỏi do giảng viên đưa ra được học viên hưởng ứng nhiệt tình. Điều này giúp học viên đào sâu kiến thức, làm rõ nội dung bài học, đồng thời gắn kết lý luận với các tình huống thực tiễn tại địa phương mình công tác.

Tuy nhiên, qua hoạt động dự giờ của Nhà trường hiện nay vẫn còn những khó khăn và hạn chế nhất định như: Việc thực hiện dự giờ của các khoa chủ yếu theo kế hoạch từ trước mà chưa tiến hành dự giờ đột xuất. Một số giảng viên, nhất là giảng viên trẻ còn có tâm lý e ngại khi được dự giờ. Việc đánh giá còn có lúc chưa kịp thời, đã ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý người giảng, chậm phát huy những ưu

điểm và khắc phục hạn chế trong bài giảng. Bên cạnh đó, do lịch giảng dạy của các giảng viên thường đan xen ở những lớp khác nhau nên có lúc khó tập trung đầy đủ các giảng viên trong khoa để đi dự giờ.

Từ những kết quả và những hạn chế của hoạt động dự giờ thời gian qua, để tiếp tục phát huy những ưu điểm, đồng thời khắc phục những hạn chế, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ của Nhà trường trong những năm tiếp theo, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Ban Giám hiệu cần tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát việc xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động dự giờ đến từng khoa chuyên môn. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng của từng giảng viên Nhà trường. Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu cần tham gia với các khoa trong công tác dự giờ, nhất là dự giờ đối với các giảng viên trẻ.

Thứ hai, khoa chủ quản cần phối hợp với Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tiến hành góp ý ngay cho giảng viên sau khi được dự giờ về nội dung, phương pháp, tác phong, khả năng tiếp thu kiến thức, ý thức thái độ học tập của học viên cũng như phối hợp với các giáo viên chủ nhiệm lớp để nắm bắt thêm tình hình phản ánh của học viên đối với chất lượng giảng dạy của các giảng viên trong khoa. Ngoài ra, khoa cần tăng cường dự giờ đột xuất, phân công các giảng viên có chuyên môn, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy dự giờ, giúp đỡ giảng viên trẻ, giảng viên ít kinh nghiệm.

Thứ ba, mỗi giảng viên cần nghiêm túc thực hiện Quy chế dự giờ, thao giảng, trong đó quy định về thời lượng, cụ thể, đối với giảng viên tập sự: dự giờ 80 tiết trở lên/ năm; giảng viên: dự giờ 16 tiết trở lên/ năm; giảng viên chính: dự giờ 12 tiết trở lên/ năm. Giảng viên đi dự giờ cần báo cáo với khoa chuyên môn để

khoa nắm được lịch, sau đó báo trước với giảng viên giảng dạy buổi học ngày hôm đó trước một ngày để giảng viên dạy biết. Yêu cầu giảng viên đi dự giờ phải đến đúng giờ, nghiên cứu trước bài mà mình định dự giờ để hiểu và từ đó góp ý có chất lượng. Mỗi giảng viên khi đi dự giờ nên có một sổ dự giờ, trong đó cần ghi chép rõ thời gian, địa điểm, nội dung những giờ mình đã dự. Phải xem hoạt động dự giờ là trách nhiệm, vì vậy cần góp ý thẳng thắn, chân thành, cần tránh tình trạng nể nang trong việc nhận xét, đánh giá chất lượng bài giảng của giảng viên được dự giờ. Không được lấy việc đi dự giờ của giảng viên làm chủ đề phê phán, hoặc mang những hạn chế của giảng viên được dự giờ ra bàn luận.

Thứ tư, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân giảng viên, tích cực, chủ động nghiên cứu bài giảng, có tinh thần cầu thị, tranh thủ lắng nghe ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp. Cá nhân các giảng viên cần tích cực, chủ động dự giờ các giảng viên trong khoa cũng như ở các khoa khác để học hỏi, hoàn thiện, cũng như rút kinh nghiệm cho bản thân. Bên cạnh đó, các giảng viên cần tích cực dự giờ cá nhân, khắc phục tâm lý e ngại của các giảng viên khi tham gia hoạt động này.

Tóm lại, dự giờ là một trong những hoạt động chuyên môn thường xuyên, cần thiết đối với giảng viên trong giảng dạy, trong đó khoa chuyên môn và giảng viên là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng dự giờ. Việc nâng cao chất lượng chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ thời gian qua đã có ý nghĩa thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong những năm tiếp theo./.

NỮ CÔNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN VỚI VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 03/CT-TLĐ VỀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA “GIỎI VIỆC NƯỚC ĐẢM VIỆC NHÀ”

ThS. Lê Thị Thanh Nhạn
Khoa Xây dựng Đảng

Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ công nhân viên chức, lao động (CNVCNLĐ) được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động từ năm 1989. Sau hơn 20 năm chỉ đạo và triển khai của các cấp công đoàn, phong trào đã phát triển sâu rộng và đạt được những kết quả thiết thực. Phong trào mang tính đặc thù giới đã phát huy được vai trò, tiềm năng to lớn của nữ CNVCNLĐ trong công cuộc đổi mới, xây dựng gia đình “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”, góp phần phát triển kinh tế xã hội và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong giai đoạn mới, ngày 18 tháng 8 năm 2010, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã ra Chỉ thị 03/CT-TLĐ về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ CNVCNLĐ (gọi tắt là Chỉ thị 03/CT-TLĐ). Chỉ thị đã tổng kết tình hình và đưa ra các nhiệm vụ đề đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong thời kỳ mới.

Hiện nay, Trường Chính trị Lê Duẩn có 40 CNVC-LĐ, trong đó nữ công đoàn viên (CĐV) có 23 đồng chí (chiếm 58% trong toàn thể cán



Nữ công Trường Chính trị Lê Duẩn hưởng ứng “Tuần lễ Áo dài”. Ảnh: TL.

bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường), 21 nữ CĐV là đảng viên. Về chất lượng nữ CĐV: toàn Trường có 12 đồng chí có trình độ thạc sỹ, 07 đồng chí có trình độ đại học, 01 đồng chí có trình độ trung cấp, 03 đồng chí đã tốt nghiệp phổ thông trung học.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Công đoàn viên chức tỉnh, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; sự năng động sáng tạo của BCH Công đoàn và sự tham gia tích cực của các nữ CĐV, việc thực hiện Chỉ thị 03/CT-TLĐ về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” ở Trường Chính trị Lê Duẩn đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể là:

Thứ nhất, về nhiệm vụ tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước, Luật Bình đẳng giới.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các khoa, phòng quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về công tác phụ nữ và phong trào phụ nữ trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Đảng ủy Nhà trường về “Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”; Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ Việt Nam lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Quảng Trị lần thứ XIV... Nắm chắc đặc điểm, tình hình nhiệm vụ, Ban Nữ công đã tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo các khoa, phòng phối hợp chặt chẽ với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Trị, gắn kết công

tác giáo dục, tuyên truyền với thực hiện tốt nhiệm vụ cụ thể của từng lĩnh vực công tác.

Thứ hai, cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, tiêu chuẩn thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” phù hợp với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của đơn vị. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào và kịp thời biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Một trong các hoạt động nổi bật được Ban Nữ công, Công đoàn Nhà trường quan tâm và mang lại hiệu quả thiết thực đó là phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” gắn với các phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”. Nhằm phát huy tốt vai trò của chị em trong thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm, Nhà trường đã chỉ đạo Ban Nữ công chú trọng gắn kết chặt chẽ các phong trào thi đua của phụ nữ với các cuộc vận động lớn, nhất là Phong trào thi đua “Phụ nữ Trường Chính trị Lê Duẩn tích cực học tập, lao động sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng gia đình hạnh phúc”. Các nữ công đoàn viên khối giảng viên đã tích cực tham gia các hoạt động thao giảng, dự giờ, tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi nhằm không ngừng rèn luyện và nâng cao chất lượng bài giảng. Bên cạnh đó, nữ công đoàn viên tham gia xây dựng, duy trì xanh - sạch - đẹp tại cơ quan đơn vị trụ sở làm việc, giảng đường, nhà nội trú. Nữ công đoàn viên khối phòng đã tích cực chăm lo cải thiện chất lượng bữa ăn cho học viên, tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, phục vụ học viên tận tụy, nhiệt tình, không gây phiền hà, sách nhiễu đối với học viên.

Cán bộ đoàn viên tự giác thực hiện, thể hiện qua việc thực hiện tốt kỷ luật lao động, tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, phục vụ khách hàng tận tụy, nhiệt tình, không gây phiền hà,

sách nhiễu đối với các đơn vị đến giao dịch.

Định kỳ hàng năm Công đoàn, Ban Nữ công đều tổng kết phong trào và biểu dương những nữ công đoàn viên xuất sắc trong phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”. Riêng năm 2020, 100% nữ công đoàn viên danh hiệu “Lao động tiên tiến”, 100% nữ CDV hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có trên 25% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 02 đồng chí đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, 03 đồng chí nữ CDV được Hiệu trưởng tặng giấy khen, 01 đồng chí được Công đoàn viên chức tính tặng bằng khen trong phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” giai đoạn 2010 - 2020. Năm 2021, 01 nữ công đoàn viên đạt xuất sắc tại Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc.

Thứ ba, chủ động tham gia với chính quyền, người sử dụng lao động tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc cho nữ CNVCLĐ.

Công đoàn Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn lao động nữ ký hợp đồng lao động; giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của đoàn viên lao động nữ, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng cho chị em. Các chế độ chính sách cho lao động nữ được thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện để chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ.

Thứ tư, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, nhân đạo, duy trì và phát triển các quỹ “Vì nữ công nhân lao động nghèo”, “Quỹ Trợ vốn”, “Quỹ mái ấm công đoàn”, “Quỹ bảo trợ trẻ em của Công đoàn Việt Nam”... để hỗ trợ cho nữ CNLĐ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Công đoàn Nhà trường đã vận động chị em tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; vận động chị em tham gia xây dựng các loại quỹ như Quỹ “Mái ấm công đoàn”, “Quỹ tương trợ”, tham gia “Hiến máu nhân đạo”, “Hỗ trợ địa chỉ nhân đạo” do Hội Chữ thập đỏ tỉnh phát động ...

Thứ năm, phát hiện, giới thiệu những nữ CNVCLĐ ưu tú, trưởng thành từ phong trào đề đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp hoặc tham gia vào các cấp uỷ, bộ máy lãnh đạo công đoàn, chính quyền các cấp.

Những tấm gương nữ CDV tiêu biểu từ phong trào “giỏi việc trường, đảm việc nhà” hàng năm đã được Công đoàn, Ban Nữ công giới thiệu tham gia và bộ máy lãnh đạo công đoàn, cấp ủy, các chức danh chủ chốt của nhà trường. Giai đoạn 2010 - 2020 đã có 05 nữ ĐVCD được kết nạp vào Đảng, góp phần nâng cao tỷ lệ và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ. Tỷ lệ nữ tham gia BCH công đoàn giai đoạn 2010-2020 đạt 30 đến 40%; công đoàn Nhà trường có 58% nữ đoàn viên công đoàn. Nhà trường đã thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cơ cấu tỷ lệ nữ đảm nhiệm vai trò quản lý trong bộ máy lãnh đạo của Nhà trường. Hiện nay, tỷ lệ nữ cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo trong Ban Giám hiệu, trưởng và phó khoa, phòng ở Trường có 03 đồng chí, chiếm 21,4% tổng số cán bộ lãnh đạo của Nhà trường.

Thứ sáu, tăng cường sự chỉ đạo của các cấp công đoàn, tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban nữ công các cấp đủ về số lượng; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác nữ công.

Trên cơ sở quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên về công tác phụ nữ, hàng năm, Nhà trường đã tập trung vào việc bổ sung, kiện toàn Ban Nữ công đủ về số lượng (4 người, bao gồm 01 đồng chí trưởng ban, 03 đồng chí ủy viên), đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: trong 04 đồng chí có 03 đồng chí có trình độ thạc sĩ chiếm 75% tổng số thành viên của ban, 01 đồng chí có trình độ đại học, chiếm 25% tổng số thành viên của ban. Các đồng chí được lựa chọn vào Ban Nữ công đều có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực thực hiện công tác nữ công.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Chỉ thị 03/CT-TLĐ ở Trường Chính trị Lê Duẩn còn gặp một số khó khăn như: Có lúc do nhận thức của một số nữ công đoàn viên chưa đầy đủ nên nhiều khi việc thực hiện phong trào còn mang tính hình thức, việc tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa chủ động và thiếu chiều sâu. Kinh phí dành cho hoạt động nữ công, cho tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng còn hạn hẹp, mức thưởng và tỉ lệ khen thưởng chưa tương xứng với kết quả phong trào, chưa đồng viên được chị em tham gia phong trào. Ban Nữ công mới thành lập chưa có nhiều kinh nghiệm, bên cạnh đó còn phải thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao nên hoạt động nữ công chưa thực sự có chiều sâu, chưa chủ động tham mưu BCH Công đoàn trong triển khai nhiệm vụ nên còn lúng túng, phụ thuộc vào chỉ đạo chung của BCH. Nhiều đồng chí nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ nên ít nhiều ảnh hưởng đến việc thực hiện phong trào, hoạt động nữ công của Nhà trường.

Để thực hiện có hiệu quả hơn nữa Chỉ thị 03/CT-TLĐ về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ ở Trường Chính trị Lê

Duẩn, tôi xin đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, đối với Đảng ủy Nhà trường, thường xuyên quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của cấp trên về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ nữ CDV có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác tốt, phát huy tính năng động, đề cao tinh thần trách nhiệm ở mỗi vị trí việc làm vì sự phát triển chung của Nhà trường.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 6b/NQ-TLĐ ngày 29/01/2011 về công tác vận động nữ công nhân viên chức lao động thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tuyên truyền, phổ biến sâu rộng ý nghĩa của phong trào thi đua “Giỏi việc trường - đảm việc nhà” trong nhà trường,

Hai là, đối với Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, thực hiện quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ nữ vào các chức danh lãnh đạo, bảo đảm yêu cầu phát triển liên tục, bền vững đội ngũ cán bộ nữ. Quan tâm xây dựng chính sách như nâng lương, nâng ngạch, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, thi đua khen thưởng... với các đối tượng cán bộ nữ.

Thứ ba, đối với Ban Chấp hành Công đoàn động viên nữ công đoàn viên tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tập huấn nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới; thực hiện nghiêm túc chính sách dân số, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình và nhà trường; nuôi con khỏe, ngoan, học giỏi, chăm lo xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ đồng cấp kiểm tra việc thực

hiện chế độ, chính sách; ngăn ngừa nguy cơ và đấu tranh với các hành vi phân biệt đối xử, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của phụ nữ.

Bốn là, cần cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, tiêu chuẩn thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” cho phù hợp; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá phong trào; biểu dương khen thưởng kịp thời, nhân rộng điển hình tiên tiến.

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động để nữ công đoàn viên nhà trường hiểu những tiêu chí của phong trào và lợi ích của phong trào đem đến cho bản thân. Việc tuyên truyền không chỉ đợi những ngày lễ lớn, những sự kiện hay có công văn chỉ đạo mới tuyên truyền mà công tác tuyên truyền được lồng ghép, được tranh thủ vào các buổi họp, buổi sinh hoạt chuyên môn, hay khi trò chuyện, gặp gỡ,.. nội dung mới thấm nhuần và đi vào lòng người.

Năm là, đối với Ban Nữ công, tiếp tục phát huy vai trò đổi mới nội dung và phương thức nâng cao hiệu quả hoạt động nữ công. Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành Công đoàn đối với công tác nữ, phân công uỷ viên trực tiếp phụ trách phong trào.

Từ thực tiễn có thể khẳng định, phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” trong nữ công đoàn viên ở Trường Chính trị Lê Duẩn những năm qua đã đạt được những kết quả ý nghĩa, đóng góp tích cực trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn Nhà trường. Phụ nữ Trường Chính trị Lê Duẩn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường. Phát huy truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của các thế hệ phụ nữ đi trước, hưởng ứng thực hiện các phong trào thi đua bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả, tích cực học tập, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao./.

ĐẢNG ỦY TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Ngày 23/4/2021, Đảng ủy Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cho toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ chưa tham gia học tập tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc do Ban Bí thư Trung ương tổ chức vào ngày 27 và 28/3/2021 vừa qua.

Tại Hội nghị, các đảng viên được nghe đồng chí Ngô Thị Thu Hà - Phó Bí thư Đảng ủy quán triệt các chuyên đề: “*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”; “*Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*”; “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*“, “*Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025*” và một số nội dung quan trọng tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Trong thời gian tới, Đảng ủy yêu cầu các chi bộ, đoàn thể tiếp tục có các hình thức quán triệt các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền trong nhân dân bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả. Đặc biệt, đối với các giảng viên cần phải lồng ghép các nội dung của Nghị quyết vào các bài giảng nhằm đưa

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng sớm đi vào cuộc sống.

HỘI NGHỊ VIÊN CHỨC TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2020 VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021

Ngày 31/12/2020, Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021. Toàn thể viên chức Nhà trường tham dự, ThS.Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng và TS.Dương Hương Sơn, P. Hiệu trưởng - Chủ tịch Công đoàn đồng chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã nghe Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo quyết toán tài chính của cơ quan năm 2020 và kế hoạch dự toán năm 2021; Báo cáo kết quả hoạt động và công tác thi đua, khen thưởng của Công đoàn năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2022.

Trong năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, bất lợi do dịch COVID -19 bùng phát và bão, lụt nghiêm trọng, kéo dài đã ảnh hưởng đến kế hoạch và tiến độ thực hiện nhiệm vụ trong năm. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn đã khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020 đề ra. Theo đó, chỉ tiêu được giao là 13 lớp, đã thực hiện được 31 lớp với 2.198 học viên, vượt 238 % kế hoạch; đã phối hợp với các cơ quan liên quan để tiếp nhận học viên Lào khóa X theo đúng chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Phát biểu kết luận Hội nghị, ThS. Nguyễn Hữu Thánh đã khẳng định những thành quả đạt được trong năm qua là kết quả phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức, viên chức của Nhà trường, đó là động lực để tiếp tục hoàn

thành nhiệm vụ được giao. Năm 2021, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Vì vậy, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Nhà trường cần nỗ lực nhiều hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện tốt việc đưa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và Nghị quyết của Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII vào trong thực tiễn, bài giảng, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, hoàn thành kế hoạch được giao.

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NĂM 2020 VÀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

Ngày 31/12/2020, Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác Xây dựng Đảng năm 2020, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Toàn thể đảng viên của Đảng bộ tham dự, đồng chí Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 đã đánh giá những kết quả đạt được trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trên các mặt thực hiện nhiệm vụ chính trị về giảng dạy, nghiên cứu khoa học; lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; lãnh đạo về công tác kiểm tra và các mặt công tác khác. Trong năm, Đảng ủy đã chỉ đạo tổ chức tốt đại hội các chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2020 - 2023 và Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn nhiệm 2020 – 2025. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ đã chọn khâu đột phá trong lãnh đạo là công tác tư tưởng, đã tổ chức thực hiện tốt Tọa đàm khoa học “Vấn đề tư tưởng và công tác tư tưởng ở Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn”. Quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,

đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Năm 2021 là năm có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, đặc biệt Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Vì vậy, các hoạt động đều hướng tới chào mừng Đại hội và đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, vào bài giảng. Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo tốt công tác tư tưởng để thực hiện tốt những công việc: Tiếp tục hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ Nhà trường, kiện toàn công tác tổ chức, tinh giảm biên chế; duy trì và không ngừng đổi mới nội dung sinh hoạt của Đảng ủy, các chi bộ, các tổ đảng. Giữ vững nguyên tắc cơ bản của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự thống nhất, đoàn kết trong Đảng, phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình; tiếp tục bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng. Đồng thời, hoàn thành kế hoạch của Thường vụ Tỉnh ủy giao. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ Xuất sắc.

CHI ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỔ CHỨC TỌA ĐÀM KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Chiều ngày 24/03/2021, Chi đoàn Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Tọa đàm Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh(26/3/1931 – 26/3/2021).

Tham dự Tọa đàm có ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy – Hiệu trưởng, cùng các đồng chí trong Ban Giám hiệu, đại diện Công đoàn Nhà trường, cùng toàn thể các đoàn viên của Chi đoàn Trường và Chi đoàn lớp ĐT32.

Tại buổi Tọa đàm, các đại biểu được xem

phim tư liệu và nghe tham luận ôn lại truyền thống 90 năm xây dựng và trường thành của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tập trung thảo luận nhiều nội dung như: Xây dựng đoàn vững mạnh là xây dựng Đảng trước một bước; Tuổi trẻ Trường Chính trị Lê Duẩn - Sắt son niềm tin theo Đảng; Tự hào là là đoàn viên thanh niên Trường Chính trị Lê Duẩn; Xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước... Đồng thời, các đại biểu cũng được nghe một số tiết mục văn nghệ đầy sức trẻ do đoàn viên Chi đoàn lớp ĐT 32 biểu diễn.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi Tọa đàm, ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng Nhà trường đã ghi nhận những thành tích mà Chi đoàn đã đạt được trong thời gian qua, chỉ ra một số điểm còn tồn tại, đồng thời nhấn mạnh thêm những nhiệm vụ trọng tâm mà tập thể BCH Chi đoàn và toàn thể đoàn viên thanh niên cần phấn đấu, rèn luyện trong thời gian tới để Chi đoàn ngày càng toàn diện, vững mạnh hơn.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH QUẢNG TRỊ THAM GIA HỘI THI GIẢNG VIÊN DẠY GIỎI TOÀN QUỐC CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, TRƯỜNG CÁN BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ VII KHU VỰC PHÍA BẮC

Thực hiện Thông báo số 194 - TB/HVCTQG, ngày 22/3/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tổ chức Hội thi Giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lần thứ VII; Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị đã cử đoàn cán bộ, giảng viên tham dự Hội thi từ ngày

12/4/2021 đến ngày 17/4/2021 tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh. Đoàn do đồng chí Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn.

Tham dự Hội thi khu vực phía Bắc có 75 giảng viên, gồm: 66 thí sinh của 31 trường chính trị; 09 thí sinh của 09 trường bộ, ngành. Theo quy định, giảng viên dự thi thực hiện 03 nội dung thi: thi giáo án, thi viết và thi giảng. Kết quả chấm điểm ba nội dung thi và kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên sẽ là căn cứ để Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xét và công nhận giảng viên dạy giỏi. Kết quả thi là điểm trung bình của 03 phần thi, trong đó phần thi giảng được tính điểm hệ số 3. Kết quả Hội thi, có 72/75 giảng viên đạt danh hiệu “Giảng viên dạy giỏi”, trong đó có 20 đồng chí đạt danh hiệu “Giảng viên xuất sắc”.

Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị có 02 giảng viên tham gia dự thi, trong đó có 01 đồng chí đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi xuất sắc và 01 đồng chí đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi. Đây là kết quả của quá trình nỗ lực, cố gắng của 02 đồng chí giảng viên, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo các khoa phòng trong nhà trường trong việc tổ chức thao giảng cấp khoa, cấp trường để lựa chọn giảng viên tham gia Hội thi.

Những kết quả đạt được của giảng viên Nhà trường là cơ sở để Đảng ủy, Ban Giám hiệu đánh giá, phân loại chất lượng giảng viên; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trước mắt và lâu dài để có được đội ngũ giảng viên đạt chuẩn góp phần xây dựng trường chính trị chuẩn, nhằm nâng cao hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao./.

KHOA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TỔ CHỨC TOẠ ĐÀM KHOA HỌC: “QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀO GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN”

Ngày 20/4/2021, Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức Toạ đàm khoa học với chủ đề: “*Quán triệt quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào giảng dạy ở Trường Chính trị Lê Duẩn*”. Đến dự và chủ trì Toạ đàm có ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng; các đồng chí trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học, lãnh đạo các khoa, phòng cùng toàn thể giảng viên và học viên Lớp TCLLCT -HCĐT 32.

Với 7 tham luận chuẩn bị chu đáo, công phu, đã trình bày làm rõ và quán triệt được bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đồng thời, đưa ra các giải pháp như: Tăng cường pháp chế, dân chủ trong xây dựng Nhà nước pháp quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Trị... có ý nghĩa thực tiễn trong giảng dạy nhằm xây dựng Nhà nước thượng tôn pháp luật tại địa phương tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận tại buổi toạ đàm, ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy – Hiệu trưởng cho rằng các ý kiến góp ý của các giảng viên đối với từng tham luận là hết sức chân thành, thẳng thắn, đầy trách nhiệm trên tinh thần khoa học. Đồng thời đồng chí đưa ra những định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa trong thời gian tới để việc “*Quán triệt quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào giảng dạy ở Trường Chính trị Lê Duẩn*” của Khoa Nhà nước và pháp luật ngày càng có tính hiệu quả./.





Cán bộ, viên chức Trường Chính trị Lê Duẩn xem Khai mạc trực tiếp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Ảnh: TL



Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức Tọa đàm khoa học: “Quán triệt quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào giảng dạy ở Trường Chính trị Lê Duẩn”. Ảnh: TL



Trường Chính trị Lê Duẩn Hội thảo tập bài giảng Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng phát triển địa phương. Ảnh: TL



ThS. Nguyễn Hữu Thành, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng và đoàn công tác tại Hội thi Giảng viên dạy giỏi các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ Bộ, Ngành, Đoàn thể Trung ương lần thứ VII khu vực phía Bắc tại tỉnh Bắc Ninh Ảnh: TL